



QUYỂN 1

NHÂN QUẢ QUÁ KHỨ HIỆN TẠI KINH

Hán dịch: Đời Tống, Tam Tạng Cầu-na-bạt-đà-la

Việt dịch: Nguyễn Lộc - Nhất Nghiêm

Thích Nguyễn Chơn *hiệu đính*

Đúng thật như thế, chính tôi được nghe, một thời Đức Phật cùng với các vị Tỳ kheo¹ cư trú tại Tinh xá Trúc Lâm ở vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc² thuộc nước Xá-vệ. Cứ mỗi buổi sáng, các thầy

¹ Tỳ-kheo: Người nam được độ xuất gia, thọ giới Cụ túc; một trong năm chúng, một trong bảy chúng của giáo đoàn Phật giáo.

Luận Đại Trí Độ III ghi, Tỳ kheo có năm nghĩa:

1. Khất sĩ (người tự khất thực để nuôi sống một cách thanh tịnh).
2. Phá phiền não ác (phá ác).

Tỳ kheo đắp y, mang bát vào thành khất thực rồi trở về Tinh xá thọ trai. Khi thọ trai xong, các Ngài chải răng súc miệng, mỗi vị tự thu dọn y bát, nhóm họp tại giảng đường, tất cả đều muốn nói về nhân duyên đời quá khứ.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng nhĩ căn thanh tịnh, siêu việt thế gian nghe các thầy Tỳ kheo cùng nhau bàn luận. Đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến giảng đường, ngồi giữa đại chúng, hỏi các thầy Tỳ kheo:

- Các ông cùng nhóm họp nơi đây muốn nói pháp gì?

Các thầy Tỳ kheo bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con sau khi thọ trai, chải răng súc miệng, cùng nhau nhóm họp tại đây, đều muốn nghe nhân duyên đời quá khứ.

Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ kheo:

- Các ông thích nghe về nhân duyên đời quá khứ thì phải lắng lòng nghe và suy nghĩ kỹ, ta sẽ nói cho các ông về điều đó.

Các thầy Tỳ kheo bạch Đức Phật:

- Xin Thế Tôn chỉ dạy, chúng con muốn được nghe!

Đức Phật bảo các thầy Tỳ kheo:

- Vào thuở quá khứ, cách đây vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, lúc ấy có vị tiên nhân tên là Thiên Huệ, siêng tu phạm hạnh³, cầu Nhất thiết chủng trí. Vì muốn thành tựu được trí huệ rộng lớn này nên Ngài nguyện vào biển sinh tử, thọ sinh trong năm đường⁴, hết thân này lại thọ thân khác, vô

3. Xuất gia.

4. Trì giới thanh tịnh.

5. Làm ma sợ hãi (bồ ma).

Về số giới điều mà Tỳ kheo, Tỳ kheo ni giữ gìn tùy theo luật mà có khác nhau. *Tứ Phần Giới Bản* có thuyết Tỳ kheo 250 giới, Tỳ kheo ni 348 giới Tôn (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, Nxb. TP. HCM, 2003, tập V, tr. 4398).

² **Cấp Cô Độc viên** (Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên): tinh xá ở khu vườn phía Nam thành Xá vệ nước Kiền tất la, thuộc Trung Ấn Độ (nay là khu vực phía Nam Nepal) gần Sahet-Mahet ở bờ phía Nam sông Rapti. Đây là nơi nổi tiếng nhất trong các nơi Phật thuyết pháp. Kỳ thọ là rừng cây Thái tử Kỳ đà. Cấp Cô Độc viên là khu vườn do trưởng giả Cấp Cô Độc dâng cúng để cất tịnh xá (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 707)

³ **Phạm hạnh**: hạnh thanh tịnh mà người xuất gia, tại gia tu tập. Theo kinh Thập thượng, Trường A hàm 9, có đầy đủ thiên định qua lại tự do trong tám giải thoát, gọi là phạm hạnh cụ túc (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập IV, tr. 3469).

⁴ **Ngũ thú**: là năm cõi của loài hữu tình sinh đến sau khi chết: 1. Địa ngục; 2. Nga quý; 3. Súc sinh; 4. Nhon; 5. Thiên (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập III, tr. 3034 – 3035).

lượng lần như thế. Ví như gom tất cả cỏ cây trong thiên hạ chẻ làm thỏ, dùng để tính số thân đã thọ của Thiện Huệ cũng không thể tính hết được. Khoảng thời gian từ thành đến hoại của trời đất gọi là một kiếp. Số lượng trời đất thành hoại mà thân Thiện Huệ đã trải qua đó cũng không thể tính được.

Tiên nhân vì thương xót chúng sinh đang đắm mê ái dục và chìm đắm trong biển khổ, nên khởi lòng từ bi muốn cứu vớt họ ra khỏi nơi ấy. Lại nghĩ: “Ngày nay, chúng sinh sở dĩ bị chìm đắm trong sinh tử không thể tự giải thoát được, đều do tham, sân, si và say đắm các cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nay ta nhất định đoạn trừ tất cả bệnh này cho họ. Tuy sinh vào trong các đường, nhưng ta không quên ý nghĩ này. Ta xem hết thấy chúng sinh, dù kẻ oán hay người thân đều bình đẳng. Ta lấy Bồ thí độ kẻ nghèo cùng, Trì giới độ người phá giới, tu Nhẫn nhục độ người sân hận, hành Tinh tấn độ kẻ biếng lười, dùng Thiền định độ người tán loạn, đem Trí huệ độ kẻ ngu si. Như thế, khiến chúng sinh được lợi ích lâu dài và làm nơi nương tựa vững chắc cho họ. Còn đối với các Đức Như Lai thì ta luôn cung kính cúng dường, ưa thích nghe pháp. Ta cũng vì người khác mà giảng nói chánh pháp. Thường dùng tứ sự⁵ cúng dường chúng Tăng. Đối với Phật pháp thì tôn trọng giữ gìn. Làm các việc như thế không thể kể hết.”

Bấy giờ, ở nước kia, có vua Đàng Chiêu, trụ trong thành Đề-bá-bà-đề. Nhân dân trong nước đó thọ 80.000 tuổi, cuộc sống an ổn, vui vẻ, sung túc và rất hưng thịnh, các điều mong muốn đều được như ý, đầy đủ như ở cõi trời. Vua ấy thường dùng chánh pháp để trị nhân dân, không ép bức và dùng hình phạt đau khổ như giết hại, đánh đập. Vua thương dân như con một. Thái tử con vua Đàng Chiêu lúc mới sinh ra, dung mạo đoan nghiêm, oai đức đầy đủ, có 32 tướng tốt⁶ và 80 vẻ đẹp⁷ không ai sánh bằng. Ngày Thái tử chào đời, khắp nơi đều sáng rực khiến ánh sáng của

⁵ **Tứ sự:** dâng cúng bốn món cần thiết trong sinh hoạt hàng ngày lên Phật và Tăng, đó là y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men hoặc chỉ cho y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, phòng xá (theo TĐPHHQ, đã dẫn, tập V, tr. 4840).

⁶ **Tam thập nhị tướng:** 32 tướng tốt, gồm: 1. Bàn chân bằng phẳng; 2. Chi dưới bàn chân có tướng bánh xe ngàn căm; 3. Ngón tay dài, trước đầu ngón tay nhỏ và nhọn; 4. Tay, chân đều mềm mịn; 5. Trong kẽ tay, kẽ chân có da mỏng như giảng lưới; 6. Gót chân đầy đặn; 7. Trên bàn chân nổi cao đầy đặn; 8. Bắp vể tròn như bắp chuối; 9. Khi đứng hai tay dài quá đầu gối; 10. Nam căn ẩn kín; 11. Thân hình cao lớn và cân phân; 12. Những lỗ chân lông thường ánh ra sắc xanh; 13. Những lông trên mình uốn về bên phải; 14. Thân thể sáng chói như vàng thẳm; 15. Quanh mình thường có hào quang chiếu ra; 16. Da mỏng và mịn; 17. Lòng bàn chân, bàn tay, hai vai và trên đảnh, bảy chỗ ấy đầy đặn; 18. Hai nách đầy đặn; 19. Thân thể oai nghiêm như sư tử; 20. Thân thể vuông vắn ngay thẳng; 21. Hai vai tròn tựa cân phân; 22. Bốn mươi cái răng; 23. Răng trắng, trong, đều nhau và khít; 24. Bốn cái răng nanh lớn hơn; 25. Gò má nổi cao như hai mép của sư tử; 26. Nước miếng đủ chất thơm ngon; 27. Cái lưỡi rộng, dài, mềm mỏng, khi le ra đến chân tóc; 28. Giọng nói thanh nhã nghe xa, như giọng nói của đức Phạm thiên; 29. Con mắt xanh biếc; 30. Lông mi dài đẹp; 31. Có chòm lông trắng thường chiếu sáng, mọc giữa hai chặng mày; 32. Trên đỉnh đầu thịt nổi cao lên như một búi tóc (theo Đoàn Trung Còn, *Từ Điển Phật Học*, Nxb. TP. HCM, tập III, tr. 28).

⁷ **Bát thập chủng hảo:** 80 vẻ đẹp. Có nhiều thuyết mô tả khác nhau. Theo kinh *Đại Bát nhã* 381 thì 80 vẻ đẹp là: 1. Móng tay thon dài, mỏng bóng; 2. Ngón tay, chân tròn và thon dài, mềm mịn; 3. Tay chân cân xứng, giữa các ngón khi khép lại thì đầy kín; 4. Tay chân sáng bóng, tươi dài; 5. Gân cốt ẩn, không hiện; 6. Hai mắt cá chân đều ẩn; 7. Bước đi thẳng tới trước; 8. Bước đi oai nghi tề chỉnh như Sư tử chúa; 9. Bước đi vững vàng như ngư vương; 10. Cách tiến dừng uyển chuyển thanh nhã như nga vương; 11. Quay nhìn đều quay bên phải như Tượng vương nhắc mình di chuyển; 12. Các khớp tay và chân đều đặn tròn đẹp; 13. Đốt xương liền lạc như rồng cuộn; 14. Đầu gối tròn đầy; 15. Chỗ kín có vân xinh đẹp thanh lịch; 16. Tay chân trơn mềm sạch sẽ; 17. Dung mạo đoan hậu, nghiêm túc và hiện tướng Vô úy; 18. Tay chân trắng kiện; 19. Thân thể an khang viên mãn; 20. Thân tướng giống như Vua tiên, toàn thân đoan nghiêm sách sạch; 21. Có hào quang tròn bao quanh thân, thường tự chiếu sáng; 22. Bụng vuông vắn, trang nghiêm; 23. Rốn sâu xoay bên phải; 24. Cuống rốn đầy, không lõm không lồi; 25. Da dẻ không gẻ lác; 26.

mặt trời, mặt trăng không còn tác dụng. Vua thấy Thái tử có điềm lành như thế, liền triệu tập các quần thần vào cung hội kiến.

Vua nói:

- Thái tử vừa sinh ra liền có những tướng kỳ lạ này. Các khanh xem nên đặt tên gì cho Thái tử?

Quần thần thưa:

- Nên đặt tên là **Phổ Quang**.

Vua lại mời thầy tướng đến xem, xem xong thầy tướng nói:

- Nếu Thái tử ở đời, kế ngôi vị thì làm bậc Chuyển luân vương, thống lãnh cả bốn châu⁸ thiên hạ. Nếu xuất gia sẽ thành bậc Chánh đẳng Chánh Giác.

Vua và phu nhân cùng thể nữ trong hậu cung nghe thầy tướng nói như vậy, nên càng thương yêu Thái tử hơn. Lại được hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa⁹, Càn-thát-bà¹⁰, A-tu-la¹¹, Ca-lâu-la¹², Khẩn-na-la¹³, Ma-hầu-la-già¹⁴, nhơn và phi nhơn¹⁵ v.v... cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen.

Bàn tay mềm mại, dưới bàn chân bằng phẳng; 27. Chi tay sâu dài rõ ràng; 28. Môi đỏ thắm bóng mềm; 29. Mặt không dài không ngắn, không lớn không nhỏ, đoan nghiêm vừa vặn; 30. Tướng lưỡi mỏng mềm rộng dài; 31. Âm thanh oai hùng, vang xa, trong suốt; 32. Âm vận hay đẹp như tiếng vang từ hang sâu; 33. Sống mũi cao và thẳng, lỗ mũi kín; 34. Răng đều đặn trắng bóng; 35. Răng tròn, trắng bóng, bền; 36. Mắt trong đen trắng phân minh; 37. Tướng mắt dài rộng; 38. Lông mi đều đặn, dày, dài; 39. Đôi mày dài nhuyễn mịn; 40. Hai mi xanh biếc như màu lưu ly; 41. Lông mày cách xa mắt và cong như trăng lưỡi liềm; 42. Vành tai rộng lớn, trái tai đầy thông xuống; 43. Hai vành tai bằng nhau, không có khuyết tật; 44. Vóc dáng khiến người thấy sinh lòng ái kính; 45. Tráng rộng bằng phẳng; 46. Thân oai nghiêm đầy đủ; 47. Tóc dài xanh biếc, dày mà không bạc; 48. Tóc mịn màng tỏa mùi hương thanh khiết; 49. Tóc suông không rối; 50. Tóc không đứt rụng; 51. Tóc trơn bóng, bụi bặm không dính; 52. Thân thể vững chắc đầy đặn; 53. Thân thể cao lớn đoan chánh; 54. Các khiếu trong sạch tròn đẹp; 55. Sức mạnh hơn người; 56. Thân tướng được mọi người thích nhìn; 57. Mặt như trăng tròn mùa thu; 58. Vẻ mặt thư thả; 59. Da mặt trơn bóng không có vết nhăn; 60. Làn da sạch sẽ, không có cấu ghét; 61. Các lỗ chân lông luôn toát hương thơm; 62. Miệng luôn tỏa hương thơm thanh khiết; 63. Thân tướng đầy đặn xinh đẹp; 64. Lông trên mình xanh biếc sạch sẽ; 65. Pháp âm tùy chúng ứng hiện không sai; 66. Tướng đỉnh đầu không ai thấy được; 67. Ngón tay, ngón chân đường khu ốc phân minh; 68. Lúc đi chân cách mặt đất; 69. Tự giữ gìn không nhờ người khác hộ vệ; 70. Oai đức bao trùm tất cả; 71. Âm thanh Phật nói vừa với sự tiếp nhận của mỗi chúng sinh; 72. Tùy theo sự yêu thích của chúng hữu tình mà thuyết pháp; 73. Chỉ một âm diễn thuyết chánh pháp, mà hữu tình tùy mỗi loại đều nhận biết được; 74. Thuyết pháp theo thứ lớp, tùy nhân duyên; 75. Lời của Phật thường khen thiện chê ác mà tâm không yêu ghét; 76. Bất cứ việc gì trước quan sát sau mới làm; 77. Tướng tốt loài hữu tình không thể thấy hết; 78. Xương đánh cứng chắc tròn đầy; 79. Dung nhan trẻ hoài không già; 80. Chân tay và trước lồng ngực đều có đức tướng cát tường (Theo *Từ điển Phật Học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 426-427).

⁸ **Tứ châu**: 1. Đông thắng thần châu; 2. Nam thiên bộ châu; 3. Tây ngưu hóa châu; 4. Bắc câu lô châu (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập V, tr. 4725-4726).

⁹ **Dạ-xoa**: là một loại quỷ ở trên mặt đất hoặc trong hư không, dùng oai thể nào hại người hoặc giữ gìn chánh pháp (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập II, tr. 1032).

¹⁰ **Càn-thát-bà**: là vị thần chuyên tấu nhạc trong các bữa tiệc ở thiên đình, là một trong tám bộ chúng. Theo truyền thuyết thì vị thần này có vua và quyền thuộc rất đông, không ăn thịt uống rượu chỉ hưởng mùi hương (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 661).

Lúc bấy giờ, Thái tử ở trong cung nói pháp cho phu nhân và thể nữ nghe. Lúc 29.000 tuổi, Thái tử bỏ ngôi vị Chuyển Luân, cầu xin với cha mẹ cho xuất gia, nhưng cha mẹ không chấp nhận. Thái tử cầu xin ba lần mà vẫn không được. Nhưng vì lòng từ bi muốn cứu vớt chúng sinh, nên Thái tử đành chịu lỗi nhỏ để thành tựu chí nguyện lớn. Thế là, Thái tử đi vào rừng sâu, ở bên gốc cây, cạo bỏ râu tóc, mặc y hoại sắc, siêng năng tu khổ hạnh, mãn 6.000 năm chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sau đó, Ngài vì hàng trời, người và tám bộ chúng mà chuyển pháp luân. Chuyển pháp luân vì diệu này, tất cả trời, người, ma, phạm¹⁶ trong thế gian không thể làm được. Ngài dùng pháp Tam thừa¹⁷ giáo hóa chúng sinh, được vô lượng lợi ích.

Khi ấy, vua cha và phu nhân cùng thể nữ trong cung nghe thái tử Phổ Quang thành Phật, lòng rất vui mừng.

Lúc bấy giờ, quần thần, nhân dân và hàng Bà-la-môn v.v... trong nước nghe tin Thái tử thành đạo, trong lòng mỗi người tự nghĩ: “Thái tử Phổ Quang xa lìa ngôi vị Chuyển Luân vương, cạo bỏ râu tóc, mặc y hoại sắc, xuất gia tu hành, thành tựu quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng ta ngày nay, cũng nên xuất gia.” Nghĩ như vậy rồi, cùng nhau đi đến chỗ Đức Phật Phổ Quang.

Khi ấy, Đức Phật Phổ Quang quán xét tâm của mỗi người, tùy theo cơ duyên mà diễn nói các pháp, độ 4.000 người trong số các đại thần và hàng Bà-la-môn v.v... chứng quả A-la-hán. Nhân dân trong nước và những người ở bốn phương đến nghe pháp, cũng có hơn 80.000 người đắc Vô sinh pháp nhẫn¹⁸.

¹¹ **A-tu-la:** một loại quỷ thần hiếu chiến của Ấn Độ, bị xem là ác thần và thường tranh đấu với trời Đế Thích (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 56).

¹² **Ca-lâu-la:** Một loài chim giống như điều hâu trong thần thoại Ấn Độ. Đây là loài chim được thần thoại hóa, thân to lớn và hung dữ, là chim trời Tỳ-thấp-nô cưỡi (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 624).

¹³ **Khẩn-na-la:** Là thần ca nhạc. Nguyên chỉ các vị thần trong thần thoại Ấn Độ, sau được Phật giáo dung nạp và xếp vào bộ thứ bảy trong tám bộ chúng. (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập III, tr. 2279).

¹⁴ **Ma-hầu-la-già:** thần rắn, là vị thần đầu người mình rắn, một trong Thiên long Bát bộ (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập III, tr. 2625).

¹⁵ **Phi nhân:** từ gọi chung các loại: Trời, Rồng, Dạ-xoa, ác quỷ, Tu-la, địa ngục... không thuộc loài người, mắt người không thể thấy được. (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập IV, tr. 3687).

¹⁶ **Phạm** (Phạm Thiên): là vị thần sáng tạo ra vạn hữu vũ trụ trong tư tưởng của Bà-la-môn giáo, Ấn Độ cổ đại. Vị thần sáng tạo này và Thấp-bà, Tỳ-thấp-nô được gọi chung là tam đại thần của Bà-la-môn giáo và Ấn Độ giáo (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập IV, tr. 3476).

¹⁷ **Tam thừa:** 1. Thanh Văn thừa; 2. Duyên Giác thừa; 3. Bồ Tát thừa. Ba xe dụ cho ba pháp môn chuyên chở chúng sinh vượt qua sinh tử đến bờ Niết-bàn. Ba thừa là y cứ vào căn cơ chúng sinh có độn căn, trung căn và lợi căn khác nhau nên đức Phật nói (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập V., tr. 4221).

¹⁸ **Vô sinh pháp nhẫn:** một trong ba nhẫn, nhẫn thứ tư trong năm nhẫn nói trong kinh *Nhân Vương*, tức là quán lý không sinh không diệt của các pháp, nhân kỹ lý ấy, an trụ tâm bất động (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập VII, tr. 6105).

Lúc bấy giờ, đức Phổ Quang Như Lai cùng với 84.000 vị A-la-hán trở về nước mình, du hành giáo hóa. Vua cha nghe được tin này lòng rất vui mừng, liền ban lệnh cho toàn dân trong nước sửa sang đường sá, rưới nước thơm trên đất, treo tràng phan, bảo cái bằng tơ lụa quý báu, rải các thứ hoa, cảnh tượng trang nghiêm như thế rộng khắp 12 do-tuần¹⁹. Lại nữa, vua đánh trống ra lệnh khắp cả nước, nếu ai có hoa thì không được bán mà phải nộp cho vua. Đồng thời, ban lệnh cho tất cả nhân dân không một ai được cúng dường Đức Phật trước tiên. Sau đó, vua sai các vị đại thần thổi các kỹ nhạc, đốt hương rải hoa, đến thỉnh đức Phổ Quang Như Lai.

Lúc đó, Thiện Huệ đang ở trong núi, nằm mộng thấy năm điều rất kỳ lạ:

1. Thấy mình nằm trên biển lớn.
2. Thấy mình gói đầu trên núi Tu-di.
3. Thấy hết thảy các loài chúng sinh trong biển đều vào trong thân mình.
4. Thấy tay mình bắt mặt trời.
5. Thấy tay mình bắt mặt trăng.

Mộng thấy như vậy, Thiện Huệ giật mình tỉnh giấc, trong lòng tự nghĩ rằng: “Những điềm mộng này chẳng phải là việc nhỏ, biết hỏi ai đây? Ta nên vào trong thành hỏi các bậc trí thức”. Thiện Huệ nghĩ như thế rồi, liền mặc áo da hươu, tay cầm bình nước, che dù đi vào trong thành. Trên đường đi, Thiện Huệ ghé qua trụ xứ của ngoại đạo, họ có đến 500 người, đều là bậc tài giỏi.

Thiện Huệ nghĩ: “Ta nên đem những điềm mộng ấy đến hỏi các vị này.” Đồng thời, Thiện Huệ cũng thấy được sự nghiệp tu tập của họ, liền vì họ giảng thuyết đạo nghĩa, phá trừ những kiến chấp sai lầm. Lúc bấy giờ, 500 ngoại đạo kia mới chịu khuất phục và xin làm đệ tử. Họ rất mực cung kính, mỗi người cúng dường cho Thiện Huệ một đồng tiền.

¹⁹ **Do-tuần**: đơn vị đo độ dài thời xưa ở Ấn Độ. Yojana (tiếng Phạn) có nghĩa là mang ác, phát xuất từ chữ gốc “yuj” chỉ đoạn đường con bò mang ách đi một ngày.

Theo *Đại Đường Tây Vực Ký II*, một do-tuần chỉ lộ trình hành quân một ngày của nhà vua. Có nhiều thuyết khác nhau nói về cách tính do-tuần:

1. Đổi ra câu-lô-xá: Theo phong tục Ấn Độ cũng như phẩm *Hiện Nghệ* trong *kinh Phương Quảng Đại Trang Nghiêm IV*, phẩm *Minh Thời Phân Biệt* trong *kinh Ma Đăng Ca*, hạ đều cho rằng bốn câu-lô-xá là một do-tuần. Nhưng theo các kinh điển của Phật như *Hữu bộ Tỷ-nại-da 21*, luận *Đại tỷ-bà-sa 126*, luận *Câu-xá 12* lại tính tám câu-lô-xá là một do-tuần.
2. Tính theo số đo của Trung Quốc: cũng có nhiều truyền thuyết khác nhau. Theo *Đại Đường Tây Vực Ký II*, một do-tuần xưa được tính là 20 km, theo Ấn Độ tính là 15 km, trong Phật giáo tính là 8 km. Theo *Huệ Uyển Âm Nghĩa*, hạ, là 8 hay 8,5 km. Theo phần Giáo chú trong *Hữu Bộ Bách Nhất Yết – ma III* của Nghĩa Tịnh thì quốc tục Ấn Độ tính là 16 km, Phật giáo tính là 6 km.

Sau đó, lại có 500 ngoại đạo khác thấy Thiện Huệ thông minh tài giỏi cũng sinh tâm tùy hỷ. Bấy giờ, các ngoại đạo cùng bàn luận với nhau rằng: “Nay đức Phổ Quang Như Lai xuất hiện ở đời.” Thiện Huệ nghe nói việc ấy, toàn thân rung động, vui mừng khôn xiết, liền từ biệt các ngoại đạo ra đi.

Các ngoại đạo thưa:

- Nay Thầy đi đâu?

Thiện Huệ đáp:

- Nay ta đến cúng dường Đức Phật Phổ Quang.

Các ngoại đạo thưa:

- Nếu Thầy đến đó, xin cho chúng tôi theo cùng!

Thiện Huệ nói:

- Nay ta có duyên sự nên phải đi trước.

Khi ấy, Thiện Huệ lên đường mang theo 500 đồng tiền, các ngoại đạo trong lòng buồn thảm, luyến tiếc từ biệt trở về. Thiện Huệ trên đường, thấy người của vương gia sửa sang đường sá, rưới nước thơm lên đất, treo nhiều tràng phan, bảo cái, trang nghiêm rực rỡ.

Thiện Huệ hỏi những người ấy rằng:

- Vì việc gì mà các ông làm như thế?

Những người kia trả lời:

- Có Đức Phật xuất hiện ở đời, hiệu là Phổ Quang. Nay vua Đấng Chiếu thính vào cung. Do đó phải gấp sửa sang, trang hoàng đường sá như thế!

Thiện Huệ lại hỏi:

- Các ông có biết nơi nào bán hoa không?

Những người kia đáp:

-Thưa Ngài! Đức vua Đấng Chiếu đánh trống ra lệnh truyền khắp dân trong nước, tất cả các loại hoa không được bán mà phải nộp cho vua.

Thiện Huệ nghe nói vậy, lòng rất buồn rầu, nhưng không nản chí, lặn lội tìm nơi bán hoa.

Một lúc sau, Thiện Huệ thấy người hầu của vương gia, lén cầm bảy cành hoa sen xanh đi ngang qua, sợ lệnh cấm của vua nên giấu hoa trong bình. Nhưng vì lòng chí thành của Thiện Huệ cảm ứng, nên hoa sen kia vươn ra khỏi miệng bình. Thiện Huệ từ xa trông thấy, vội đuổi theo gọi lớn:

- Này cô! Xin đừng bước! Hoa này có bán không?

Người hầu nghe hỏi vậy, trong lòng rất kinh ngạc, tự nghĩ:

- Ta giấu hoa rất kín, người nam này là ai mà lại thấy, hỏi mua nhỉ?

Người hầu quay lại nhìn trong bình, quả thật thấy hoa vươn ra ngoài, nàng nghĩ: “Thật là kỳ lạ,” bèn đáp rằng:

- Thưa ông! Hoa sen xanh này phải mang vào cung để dâng cúng Phật nên không bán được.

Thiện Huệ lại nói:

- Tôi xin đem 500 đồng tiền đổi lấy năm cành hoa mà thôi!

Người hầu trong lòng sinh nghi, tự nghĩ: “Hoa này trị giá không quá vài tiền, mà người nam này lại trả đến 500 đồng tiền để mua năm cành hoa.”

Người ấy hỏi Thiện Huệ:

- Ông mua hoa này để làm gì?

Thiện Huệ đáp:

- Nay có Đức Như Lai xuất hiện ở đời, vua Đấng Chiếu tinh vào cung, nên tôi muốn mua hoa này để cúng dường Phật. Cô nên biết! Các Đức Như Lai rất khó gặp, giống như hoa Ưu-đàm-bát²⁰ đúng thời tiết mới trở một lần.

²⁰ **Hoa Ưu-đàm-bát:** Còn gọi Ô-đàm-bát-la hoa, Ưu-đàm-ba hoa, Ô-đàm-bát-la hoa, Ưu-đàm hoa, Uất-đàm hoa.

Thực vật ẩn hoa thuộc họ cây dâu, sống dưới chân núi Hymalaya, cao nguyên Deccan và Sri Lanca. Thân cây cao hơn 3m, lá có hai loại. Loại thứ nhất trơn và phẳng, loại thứ hai thô nhám, đều dài từ 10 đến 18 cm, đầu nhọn hơi dài. Có hoa đực hoa cái khác nhau. Loại có đài hoa lớn thì như nắm tay, còn loại nhỏ bằng ngón tay cái, kết thành chùm hơn 10 hoa, mọc trên thân cây, tuy ăn được nhưng vị không ngon.

Theo *Huệ Lâm Âm Nghĩa* 8, loại hoa này do điềm lành linh dị chiếu cảm, là loại thiên hoa, thế gian không có. Nếu Như Lai hạ sinh thì nhờ năng lực đại phước đức của Ngài mà chiếu cảm loại hoa này xuất hiện. Vì loại hoa này ít có, khó gặp, nên trong các kinh Phật giáo có rất nhiều chỗ dùng hoa này dụ cho việc khó gặp Phật ra đời. Như *kinh Vô Lượng Thọ*, thượng (đại 12,266 hạ) ghi: “Vô lượng ức kiếp khó gặp khó thấy, giống như hoa linh thoại đúng thời mới xuất hiện.” Vì loại hoa này ẩn trong đài hoa lờm hình cái bình, cho nên thường bị nhận lầm loại thực vật không hoa, do đó mà sinh ra các truyền thuyết.

Ở Ấn Độ, từ thời đại Phệ-đà đến nay, người ta thường dùng lá thô của cây này để làm mộ-ha mộc, tức là làm củi đốt khi cúng tế. Trong Phật giáo, cội Bồ-đề thành đạo của bảy đức Phật quá khứ đều khác nhau. Ưu-đàm-bát-la thụ là cây Bồ-đề thành đạo của đức Phật năm Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập VII, tr. 5941).

Người ấy lại hỏi:

- Ông cúng dường Như Lai để cầu điều gì?

Thiện Huệ đáp:

- Vì muốn thành tựu Nhất thiết chủng trí²¹, độ thoát vô lượng chúng sinh đau khổ.

Lúc bấy giờ, người hầu nghe nói như thế, trong lòng tự nghĩ: “Người nam này dung mạo đoan chánh, mặc áo da hươu vừa đủ che thân, nhưng lòng chí thành, không tiếc tiền của.” Nàng liền nói rằng:

- Nay tôi tặng hoa này cho ông, nguyện đời đời chúng ta luôn làm vợ chồng.

Thiện Huệ nói:

- Tôi tu hành phạm hạnh, cầu đạo vô thượng, không thể chấp nhận cùng cô kết duyên sinh tử.

Người hầu liền nói:

- Nếu ông không thuận theo ý nguyện này của tôi thì hoa này không thể cho ông được!

Thiện Huệ lại nói:

- Nếu cô nhất định không cho, tôi chấp nhận ý nguyện này của cô. Nhưng tôi thích Bồ thí, không phụ ý người. Nếu có người đến xin tôi đầu, mắt, tủy, não... cho đến vợ, con thì cô chớ ngăn cản, hoại tâm Bồ thí của tôi.

Người hầu đáp:

- Hay thay! Hay thay! Xin vâng theo ý ông. Nay tôi mang thân nữ thấp hèn không thể đến trước Đức Thế Tôn, tôi xin gửi ông hai cành hoa này dâng lên cúng Phật giúp tôi. Khiến đời đời tôi không quên ý nguyện này, dù đẹp hay xấu cũng không xa rời nhau, nguyện này giữ mãi trong lòng, mong Phật chứng tri!

Lúc bấy giờ, vua Đấng Chiếu cùng các vương tử, đại thần, Bà-la-môn v.v... mang hương hoa, phẩm vật cúng dường nghinh đón đức Phổ Quang Như Lai. Tất cả nhân dân trong nước cũng đều đi theo.

Khi đó, 500 đệ tử của Thiện Huệ nói với nhau rằng:

²¹ **Nhất thiết chủng trí:** Trí huệ chỉ có Phật mới chứng được, tức là dùng một loại trí huệ biết nhân chủng của tất cả các pháp và chúng sinh, đồng thời cũng là trí thấu suốt tướng tịch diệt và hạnh loại sai biệt của các pháp. Luận Đại Trí Độ (Đại 25, 259 thượng) ghi: “Phật thấu rõ cả tổng tướng và biệt tướng của các pháp thiên định, trí huệ, nên gọi là Nhất thiết chủng trí” (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập IV. Tr. 3245).

- Hôm nay, Quốc vương và các thần dân đều đến chỗ Phật Phổ Quang, thầy ta cũng sẽ đi, chúng ta nên đến đó đánh lễ Đức Phật.

Nói xong, liền cùng nhau lên đường. Đi chưa được bao xa thì gặp Thiện Huệ. Thầy trò gặp nhau lòng rất vui mừng, cùng đến chỗ Phật Phổ Quang. Khi đến nơi thì thấy vua Đấng Chiếu đã đến trước Đức Phật. Vua là người cúng dường lễ bái đầu tiên, lần lượt đến các vị đại thần cũng đều cung kính đánh lễ và tung hoa cúng dường, nhưng hoa đều rơi xuống đất.

Lúc bấy giờ, thấy mọi người cúng dường xong, Thiện Huệ và 500 người đệ tử chiêm ngưỡng dung nghi tướng hảo của Đức Như Lai, phát nguyện muốn dứt trừ tất cả khổ não cho chúng sinh và thành tựu Nhất thiết chủng trí. Thiện Huệ liền tung năm cành hoa, hoa ấy liền trụ giữa hư không, kết thành đài. Sau đó, lại tung hai cành hoa còn lại, hoa ấy cũng lơ lửng trên hư không, ở hai bên Đức Phật.

Lúc ấy, quốc vương và hàng quyến thuộc cùng các thần dân, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhơn và phi nhơn v.v... thấy điều kỳ lạ này, đều khen ngợi là việc hiếm có.

Khi đó, đức Phổ Quang Như Lai dùng trí huệ vô ngại khen ngợi Thiện Huệ rằng:

- Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Ông làm việc này, trải qua vô lượng a-tăng-kỳ-kiếp²² ông sẽ thành Phật, hiệu Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Lúc Phật thọ ký cho Thiện Huệ thì có vô lượng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhơn và phi nhơn v.v... rải các hoa báu khắp cả hư không mà phát nguyện rằng: “Đời sau, lúc Thiện Huệ thành Phật, chúng ta đều nguyện làm quyến thuộc của Ngài.”

Lúc ấy, đức Phổ Quang Như Lai thọ ký: “Các ông đều sẽ sinh về nước đó!”

Đức Như Lai thọ ký rồi, nhưng vẫn thấy Thiện Huệ còn hình tướng tiên nhân, búi tóc, mặc áo da hươu. Đức Như Lai muốn khiến ông xả bỏ hình tướng này, liền hóa ra một vũng bùn dơ. Thiện Huệ thấy Đức Phật muốn đi qua nơi này, trong lòng tự nghĩ: “Làm sao để bàn chân có tướng Thiên bức luân²³ của Đức Phật đi trên đó được?” Thiện Huệ liền cởi áo da trải trên đất, nhưng không đủ lấp kín, bèn gỡ luôn búi tóc trải chỗ còn lại. Khi ấy, Đức Như Lai liền bước trên đó mà

²² **A-tăng-kỳ-kiếp**: là một đơn vị số lượng của Ấn Độ, là số cực lớn chẳng thể tính đếm được. Theo cách tính thì một a-tăng-kỳ có một nghìn vạn vạn vạn... triệu (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 56).

²³ **Thiên bức luân tướng**: là tướng quý có hình bánh xe nghìn căm do các đường văn hiện thành dưới lòng bàn chân Phật. Tướng này còn tượng trưng cho việc chuyển bánh xe pháp của đức Phật. Hiện dưới lòng bàn chân là biểu thị cho việc Ngài du hóa khắp nơi để chuyển bánh xe pháp (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập VI, tr. 5460).

đi qua. Nhân đó, Phật thọ ký: “Sau này, ông sẽ thành Phật trong đời ác năm trước²⁴, độ khắp trời, người, không biết mệt mỏi, giống như ta vậy.”

Khi Thiện Huệ nghe lời thọ ký, lòng rất vui mừng, liền thông suốt tất cả các pháp đều không, đạt Vô sinh nhẫn, phi thân lên hư không cách mặt đất bảy cây đa-la²⁵, dùng kệ khen Đức Phật:

Nay gặp đáng Đạo sư

Khiến con mở mắt huệ

Phật nói pháp thanh tịnh

Lìa tất cả chấp trước.

Gặp đức Thiên Nhơn Tôn

Khiến con được Vô sinh

Nguyện đời sau chứng quả

Như bậc Lương Túc Tôn²⁶.

Khi Thiện Huệ nói kệ khen Phật xong, từ trên hư không xuống, đến trước Đức Phật năm vóc sát đất, đảnh lễ Đức Phật và bạch rằng:

- Xin Đức Thế Tôn thương xót cho con được xuất gia.

Lúc đó, đức Phổ Quang Như Lai nói rằng:

- Hay thay! Thiện lai Tỳ kheo! Tự nhiên, râu tóc của Thiện Huệ tự rụng, thân mặc ca-sa, liền thành Sa-môn.

²⁴ **Ngũ trước**: năm thứ căn đục khởi lên trong kiếp giảm: 1. *Kiếp trước*: Vào thời kiếp giảm, lúc tuổi thọ con người rút ngắn còn 30 tuổi thì nạn đói kém xảy ra; lúc giảm còn 20 tuổi thì nạn bệnh tật xảy ra; lúc giảm còn 10 tuổi thì nạn chiến tranh xảy ra, tất cả chúng sinh trong thế giới đều bị hại. 2. *Kiến trước*: Chánh pháp đã diệt, tượng pháp dần dần khởi, tà pháp bắt đầu sinh, tà kiến tăng mạnh, làm cho con người không tu tập pháp lành; 3. *Phiền não trước*: Chúng sinh nhiều ái dục, tham lam bồn sèn, thích đấu tranh đua nịnh, dối trá, tiếp người tà pháp nên tâm thần bị nhiễu loạn. 4. *Chúng sinh trước*: Chúng sinh phần nhiều độc ác, không hiếu kính cha mẹ, người lớn tuổi, không sợ quả báo ác, kẻ tạo công đức, không tu huệ thí, không giữ gìn trai giới; 5. *Mạng trước*: Thời xưa, con người sống 80.000 tuổi, đời nay do ác nghiệp tăng trưởng nên tuổi thọ giảm dần, người 100 tuổi rất hiếm (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập III, tr. 3044).

²⁵ **Cây đa-la**: loại cây miền nhiệt đới, thuộc họ Cọ, cao chừng 20m, lá dài rộng, bằng phẳng cứng chắc, tron láng. Xưa lá cây này được dùng để chếp kinh, gọi là Bối-đa-la điệp (lá bối). Quả chín màu đỏ như quả thạch lựu, ăn được; mọc nhiều ở vùng đất cát ven biển các nước Ấn Độ, Miến Điện, Tích Lan... Cây này nếu bị đốn ngang thân thì không mọc lại được, cho nên các kinh thường lấy cây này dụ cho các Tỳ-kheo phạm trọng tội Ba-la-di. (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập II, tr. 1186).

²⁶ **Lương Túc Tôn**: danh hiệu của Phật. Vì Phật có đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, thành tựu các pháp vô học vô lậu như: Tận trí. Vô sinh trí và các pháp bất cộng như: 10 lực, 4 vô úy nên tôn hiệu này có hai nghĩa: 1. Phật là bậc tôn quý nhất trong loài chúng sinh hai chân, mà đại biểu là Trời và Người; 2. Đức Phật đầy đủ quyền và thật, giới và định, phước và huệ, giải và hành nên gọi là Lương Túc Tôn (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập III, tr. 2597).

Lúc bấy giờ, có hai người già nghèo khốn đi đến, mỗi vị có 100 quyển thuộc, thấy Phật tướng hảo, oai đức trang nghiêm, họ cảm thương cho bản thân mình nghèo khổ không có gì để cúng dường. Khi ấy, Đức Như Lai thương xót lòng chí thành của họ, liền hóa ra mảnh đất phía trước rất nhiều cỏ rác, khiến hai người nghèo kia thấy sợ, phát tâm hoan hỷ quét dọn sạch sẽ. Đức Phổ Quang Như Lai liền thọ ký: “Trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, khi Đức Phật Thích-ca Mâu-Ni xuất hiện ở đời, lúc ấy các ngươi sẽ làm đệ tử Thanh văn đầu tiên.”

Khi đức Phổ Quang Như Lai thọ ký cho hai người nghèo kia xong, liền cùng với 84.000 Tỳ-kheo, vua Đấng Chiếu, Bà-la-môn, các quần thần, nhân dân v.v... thứ tự đi vào thành ĐỀ-bá-bà-đề. Lúc ấy, vua Đấng Chiếu và hàng quyến thuộc dâng tứ sự cúng dường đức Phổ Quang Như Lai và 84.000 Tỳ-kheo.

Trải qua 40.000 năm, vua thoái vị truyền lại cho con, rồi cùng 84.000 quyến thuộc của mình và 84.000 quyến thuộc của phu nhân, cùng ở trong Phật pháp xuất gia tu đạo, chứng đắc các pháp Tam-muội Đà-la-ni. Tỳ-kheo Thiện Huệ cũng theo đức Phổ Quang Như Lai thọ nhận sự cúng dường của vua, mãn 40.000 năm, chứng đắc Đà-la-ni và các môn Tam-muội, giáo hóa chúng sinh không thể tính hết.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Thiện Huệ bạch Đức Phổ Quang Như Lai:

- Bạch Thế Tôn! Ngày trước con ở trong rừng sâu, thấy năm điềm mộng rất kỳ lạ:

1. Thấy mình nằm trên biển lớn.
2. Thấy mình gói đầu trên núi Tu-di.
3. Thấy tất cả các loài chúng sinh trong biển đều vào trong thân con.
4. Thấy tay mình bắt mặt trời.
5. Thấy tay mình bắt mặt trăng.

Ngưỡng mong Đức Thế Tôn vì con giải nói tướng trạng của điềm mộng này!

Khi ấy, Đức Phổ Quang Như Lai nói:

- Hay thay! Nếu ông muốn biết ý nghĩa của các điềm mộng này, ta sẽ nói rõ!

* Điềm mộng nằm trên biển lớn là lúc ông đang ở trong biển lớn sinh tử.

* Điềm mộng gói đầu trên núi Tu di là ông đã ra khỏi sinh tử, chứng đắc Niết bàn.

* Điềm mộng tất cả chúng sinh trong biển đều vào trong thân là ông sẽ vào trong biển lớn sinh tử, làm nơi nương tựa cho chúng sinh.

* Điềm mộng tay bắt mặt trời là ông được ánh sáng trí huệ chiếu khắp pháp giới.

* Điềm mộng tay bắt mặt trắng là ông dùng trí phương tiện vào biển sinh tử, đem pháp Thanh lương giáo hóa chúng sinh, xa lìa phiền não.

Những điềm mộng này chính là tướng đời sau ông sẽ thành Phật.

Thiện Huệ nghe thế, lòng rất vui mừng, lễ Phật mà lui ra. Trải qua một thời gian ngắn sau, đức Phổ Quang Như Lai nhập Niết bàn, Tỳ kheo Thiện Huệ hộ trì chánh pháp, suốt hai vạn năm, dùng pháp Tam thừa giáo hóa chúng sinh, lợi ích không thể kể xiết. Lúc Tỳ kheo Thiện Huệ thị tịch sinh lên cõi trời làm Tứ Thiên vương²⁷, dùng pháp Tam thừa giáo hóa Thiên chúng. Khi tuổi thọ trên cõi trời hết, sinh xuống nhân gian làm Chuyển Luân Thánh vương²⁸, thống lãnh bốn châu thiên hạ, đầy đủ bảy báu như:

1. Bánh xe vàng.
2. Voi trắng.
3. Ngựa lông màu tía xanh.
4. Thần châu.
5. Ngọc nữ.
6. Đại thần giữ kho tàng.
7. Tướng quân nắm binh quyền.

Vua ấy có một ngàn người con, đều rất dũng mãnh, có thể hàng phục kẻ địch. Vua dùng chánh pháp cai trị đất nước, không còn lo buồn, thường dùng Thập thiện²⁹ dạy dỗ nhân dân. Đến lúc mạng chung sinh lên cõi trời Đạo lợi làm Thiên chủ. Khi thọ mạng dứt lại sinh xuống nhân gian làm bậc Chuyển Luân Thánh vương, cho đến khi mạng chung sinh lên cõi Phạm thiên. Trên thì làm vua cõi trời, dưới làm Thánh chủ, mỗi thân trải qua ba mươi sáu lần thọ sinh. Trong khoảng

²⁷ **Tứ thiên vương:** là tầng trời thứ nhất trong sáu tầng trời cõi Dục. Tầng trời đầu tiên trong các thiên xứ. Tứ Thiên vương gồm: 1. Trì quốc thiên ở phía Đông; 2. Tăng Trưởng Thiên ở phía Nam; 3. Quang Mục thiên ở phía Tây; 4. Đa Văn thiên ở phía Bắc (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập V, tr. 4877).

²⁸ **Chuyển Luân Thánh vương:** là vị vua làm cho chánh pháp ngự trị ở thế gian, cai trị bốn châu quanh núi Tu-di. Cõi nước vị vua này trị vì giàu đẹp, nhân dân an lạc. Vua đi xe báu, có đầy đủ bảy báu: xe, voi, ngựa, minh châu, ngọc nữ, cư sĩ, binh đội và bốn đức: sống lâu, không bệnh tật, dung mạo đẹp đẽ, kho báu dồi dào (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 987-988).

²⁹ **Thập thiện:** 1. Không sát sinh; 2. Không trộm cắp; 3. Không tà hạnh; 4. Không vọng ngữ; 5. Không lưỡng thiệt; 6. Không ác khẩu; 7. Không ý ngữ; 8. Không tham dục; 9. Không sân nhuế; 10. Không tà kiến (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập VI, tr. 5317-5318).

thời gian đó, hoặc có lúc làm tiên nhân, hoặc làm Lục sư ngoại đạo³⁰, Bà-la-môn, Tiểu vương..., biến hiện như thế không thể tính hết được.

Bấy giờ, Bồ tát Thiện Huệ, công hạnh đã viên mãn, bước vào giai vị Thập địa³¹ làm bậc Nhất sinh bổ xứ³², gần đạt Nhất thiết chủng trí. Bồ-tát lại sinh vào cõi trời Đâu-suất³³ tên là Thánh Thiện Bạch, vì các vua trời mà diễn nói hạnh Nhất sinh bổ xứ, lại hiện các thân hình khắp cõi nước trong mười phương, đồng thời ứng theo căn cơ chúng sinh mà nói pháp. Kỳ hạn đến sẽ sinh xuống nhân gian thành quả vị Phật. Bồ-tát liền quán xét năm việc:

1. Xem xét căn cơ chúng sinh thuần thực hay chưa.
2. Xem xét thời cơ đã đến hay chưa.
3. Xem xét nên sinh vào nơi nào, cõi nước nào.
4. Quán sát xem dòng tộc nào cao quý nhất.
5. Quán xét nhân duyên đời quá khứ, ai là người chơn chánh, thích hợp làm cha mẹ mình.

Quán xét năm việc như thế rồi, tự nghĩ: “Các chúng sinh đều đã thuần thực từ lúc ta mới phát tâm cho đến nay, họ có thể lãnh thọ chánh pháp thanh tịnh vi diệu.” Đối với ba ngàn đại thiên thế giới³⁴ này, nước Ca-tỳ-la-bái-đâu³⁵ ở cõi Diêm-phù-đề là bậc nhất trong các cõi. Con cháu đời

³⁰ **Lục sư ngoại đạo**: 1. San-xà-đa Tỳ-la-chi tử; những người theo phái Hoài Nghi luận; 2. A-tỳ-đa Xi-xà-khâm-bà-la: những người theo phái Duy Vật luận; 3. Mạc-già-lê Câu-xá-lê: những người theo phái Tự Nhiên luận thuộc Túc Mạng luận; 4. Phú-lan-na Ca-diếp: những người chủ trương Vô Đạo Đức luận; 5. Ca-la-cưu-đa Ca-chiên-diên: những người theo Cấm Giác luận thuộc Vô Nhân luận; 6. Ni-càn-đa Nhã-đề-tử: người sáng lập ra Kỳ-na giáo (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập III, tr. 2557).

³¹ **Thập địa**: mười giai vị Bồ-tát được nói trong kinh *Hoa Nghiêm*: 1. Hoan hỷ địa: giai vị mới lên bậc Thánh, liền sinh tâm hoan hỷ; 2. Ly cấu địa: giai vị li bỏ tâm sai lầm, phá giới, phiền não cấu; 3. Minh địa: Giai vị nhờ Thiền định mà được ánh sáng trí tuệ, tu tam huệ văn, tư, tu khiến cho chân lý dần sáng tỏ; 4. Diệm địa: giai vị đã li bỏ kiến giải phân biệt của ba địa trước, dùng lửa trí tuệ thiêu đốt cũi phiền não, nhờ đó mà giác ngộ được bản thể trí tuệ; 5. Nan thắng địa: giai vị đã được chánh trí nên khó có thể siêu xuất được nữa; 6. Hiện tiền địa: giai vị nghe Bát nhã Ba la mật, hiện tiền sinh khởi đại trí; 7. Viển hành địa: giai vị tu hạnh Bồ-đề để cầu, dưới không cầu chúng sinh để cứu độ, do đó mà chìm đắm trong lý Vô tướng tịch diệt, có cái lo không thể tu hành. Đây gọi là nạn Thất địa trầm không; 8. Bất động địa: giai vị không ngừng sinh khởi trí tuệ Vô tướng tuyệt đối không bị phiền não làm lay động; 9. Thiện huệ địa: Bồ-tát dùng năng lực vô ngại để thuyết pháp, hoàn thành hạnh lợi tha, là giai vị mà tác dụng trí huệ được tự tại; 10. Pháp vân địa: giai vị được đại Pháp thân, có năng lực tự tại (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập VI, tr. 5212).

³² **Nhất sinh bổ xứ**: Người còn bị sinh tử lần cuối, nghĩa là sau đời sống hiện tại này sẽ được thành tựu Phật quả tại nhân gian. “Bổ xứ” nhằm chỉ cho địa vị Bồ-tát tối cao, là Bồ-tát Đẳng giác như trường hợp của Bồ-tát Di Lặc (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập IV, tr. 3224).

³³ Đâu-suất thiên (còn gọi là Đâu-suất Đà thiên): Cõi trời thứ sáu trong sáu tầng trời cõi Dục, rộng tám vạn do-tuần, vị trí ở giữa trời Dạ-ma và trời Lạc-biến-hóa, cách trời Dạ-ma 16 vạn do-tuần. Theo *luật lập thế A-tỳ-đam* 6, chư thiên ở cõi trời này luôn hỷ lạc, vật chất sung mãn, tinh tấn tu tập Bát chánh đạo (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập II, tr. 1474).

³⁴ **Tam thiên đại thiên thế giới**: thế giới Tam thiên đại thiên, vũ trụ của người Ấn Độ thời xưa. Lấy núi Tu-di làm trung tâm, chung quanh có bốn đại châu và chín lớp núi, tám lớp biển gọi là một tiểu thế giới, là từ cõi trời Sơ thiên của cõi Sắc, đến lớp phong luân dưới đáy mặt đất. Trong đó bao gồm: mặt trời, mặt trăng, núi Tu-di, Tứ thiên vương, Tam thập Tam thiên, trời Da-

sau của dòng tộc Thánh vương Cam Giá thì dòng họ Thích-ca là bậc nhất. Quán xét nhân duyên quá khứ, thì vợ chồng vua Bạch Tịnh chơn chánh, có thể làm cha mẹ mình. Ngài lại quán sát thọ mạng của Ma-da phu nhân, Bồ-tát thấy mang thai Thái tử đủ mười tháng, sau khi Thái tử chào đời bảy ngày thì Hoàng hậu sẽ mất. Quán sát xong, Bồ-tát tự nghĩ: “Nếu ngay lúc này ta hạ sinh thì không thể làm lợi ích khắp trời, người.” Ngài bèn ở trên cung trời hiện ra năm tướng, khiến các vị trời biết đã đến lúc Bồ-tát hạ sinh làm Phật. Năm tướng;

1. Mắt Bồ-tát luôn máy động.
2. Trên đầu hoa héo.
3. Y phục bị nhiễm bẩn.
4. Nách tiết mồ hôi.
5. Không thích ngồi trên tòa của mình.

Khi các vị trời thấy Bồ tát có các tướng kỳ lạ như thế, trong lòng rất kinh sợ, trên thân các lỗ chân máu chảy như mưa, họ nói với nhau rằng: “Không bao lâu Bồ tát sẽ rời xa chúng ta.”

Lúc đó, Bồ tát lại hiện ra năm điềm lành:

1. Phóng ánh sáng lớn chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới.
2. Mặt đất khởi mười tám thứ chấn động³⁶, khiến nước biển, núi Tu di, các cung điện cõi trời đều chấn động.
3. Các cung ma đều ẩn mất.
4. Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và các vì sao không còn tác dụng.

ma, trời Đâu suất, trời Biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thế... 1000 tiểu thế giới này, hình thành một tiểu thiên thế giới, 1000 tiểu thiên thế giới hợp thành trung thiên thế giới. 1000 trung thiên thế giới hợp thành đại thiên thế giới, nên gọi là Tam thiên đại thiên thế giới (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập V, tr. 4211).

³⁵ **Ca-tỳ-la-vệ** (còn gọi Ca-tỳ-la-bái-đâu): đô thành nơi đức Phật đản sinh và cũng là vương quốc của dòng họ Thích Ca, nay là Tilorakot, Ta-rai, Nepal. Theo truyền thuyết, thi tổ của phái Số luận là tiên nhân Ca-tỳ-la cũng ở xứ này nên lấy tên ông đặt tên nước. Thành Ca-tỳ-la-vệ bị vua Tỳ-lưu-ly nước Kiều tất la phá hủy nên diêu tàn. Năm 1895, các nhà khảo cổ tìm thấy phế tích thành Ca tỳ la vệ gần làng Ruminide (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 638).

³⁶ **Lục chủng chấn động**: sáu tướng chấn động của mặt đất là: động, khởi, dưng, chấn, hồng, kích (diêu); 1. Động: lay động không yên; 2. Khởi: từ thấp dần dần lên cao; 3. Dưng: bỗng nhiên vọt lên. Ba thứ này chỉ cho hình thức địa chấn; 4. Chấn: phát ra tiếng động âm ỹ; 5. Hồng: tiếng rống mạnh mẽ của loài thú; 6. Kích: phát ra tiếng dội âm âm. Ba thứ này chỉ cho âm thanh địa chấn. “Hình” và “thanh” mỗi thứ đều có một loại, gọi là chấn động. Sáu thứ này mỗi thứ đều có ba tướng: tiêu (độc), trung (biến) và đại (phổ biến, đẳng biến), cho nên cộng chung có 18 tướng là : Động, biến động, đẳng biến động; Khởi, biến khởi, đẳng biến khởi; Dưng, biến dưng, đẳng biến dưng; Chấn, biến chấn, đẳng biến chấn; Hồng, biến hồng, đẳng biến hồng; Kích, biến kích, đẳng biến kích. Biến là bốn phía đều lay động, còn phổ biến là tám phía đều lay động (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập III, tr. 2528).

5. Thân của tám bộ Trời, Rồng... đều rung động, không thể kèm chế được.

Khi ấy, các vị trời ở cõi Đâu-suất thấy thân Bồ-tát đã có năm tướng, rồi lại thấy năm việc bên ngoài rất hiếm có như vậy, họ liền nhóm họp, đến chỗ Bồ-tát, cúi đầu đánh lễ dưới chân và bạch rằng:

- Thưa tôn giả! Hôm nay chúng con thấy các tướng như thế, toàn thân rung động không thể làm chủ được, cúi mong tôn giả vì chúng con mà giải thích rõ việc đó!

Bồ-tát nói rằng:

- Thiện nam tử! Nên biết các hành đều vô thường, không bao lâu nữa ta lìa khỏi cung trời này sinh xuống cõi Diêm-phù-đề.

Chư Thiên nghe nói như thế rồi, lòng rất buồn rầu, cảm thương khóc lóc, toàn thân rướm máu đỏ như hoa ba-la-xa³⁷. Hoặc có người không thích tòa của mình, có người lại bỏ các trang sức tốt đẹp, có người mê ngất ngã xuống đất hoặc than oán cái khổ vô thường. Lúc bấy giờ, có một vị Thiên tử nói kệ rằng:

Bồ-tát ở nơi đây

Khai pháp nhĩn chúng con

Nay Ngài sắp lìa xa

Chúng con như kẻ mù

Không có người dẫn đường.

Lại như muốn qua sông

Bỗng nhiên mất cầu, thuyền

Cũng giống con thơ dại

Sớm mất người mẹ hiền.

Chúng con cũng như thế

Không còn nơi nương tựa

Trôi theo dòng sinh tử

³⁷ **Hoa ba-la-xa**: một loại cây có hoa đỏ, được Bà-la-môn giáo Ấn Độ xem như là một cây Thánh. Thân cây này có thể chế tạo nhiều món đồ dùng để cúng tế. Mù cây màu đỏ thẫm có thể chế thuốc hoặc làm phẩm nhuộm. Lá lớn màu xanh (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 174).

Hoàn toàn không lối thoát.

Chúng con trong đêm dài

Bị tên ngu si bắt

Lại mất thầy thuốc giỏi

Ai sẽ cứu chúng con.

Nằm mãi giường vô minh

Chìm đắm biển ái dục

Lời tôn giả không còn

Biết bao giờ thoát khổ.

Khi ấy, Bồ tát thấy các Thiên tử buồn khóc sầu não, lại nghe nói lời kệ luyến mộ như vậy, Ngài liền dùng những lời từ ái an ủi rằng:

- Thiện nam tử! Hễ làm người có sinh ắt có tử, ân ái hội ngộ sẽ có lúc xa lìa. Trên đến cõi trời A-ca-nị-tra³⁸, dưới đến địa ngục A-tỳ³⁹, tất cả chúng sinh ở trong đó không ai mà không bị ngọn lửa vô thường thiêu đốt; vì thế, các người không nên luyến mộ. Nay ta cùng các người đều chưa thoát khỏi sự thiêu đốt của sinh tử, cho đến không tránh được những sự nghèo giàu, sang hèn.

Ngay đó, Bồ tát liền nói kệ rằng:

Các hành đều vô thường

Cũng là pháp sinh diệt

Sinh diệt đã diệt rồi

Tịch diệt là an vui.

Lúc bấy giờ, Bồ tát nói với Thiên tử:

³⁸ **A-ca-nị-tra**: cõi trời cao nhất trong các tầng trời đệ Tứ thiên, cao nhất trong 18 tầng trời cõi Sắc, là cõi trời cùng tột của các cõi trời có hình thể, một trong 18 tầng trời cõi Sắc, một trong năm cõi trời Tịnh cư, cao hơn cõi trời này là các tầng trời của cõi Vô sắc (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 14).

³⁹ **A-tỳ địa ngục**: địa ngục Vô gián, là một trong tám địa ngục nóng. Phẩm *Quán Phật Tâm* nói: “Địa ngục này ở dưới tầng cuối cùng trong các địa ngục. Có bảy lớp thành sắt, bảy tầng lưới sắt. Trong bảy lớp thành có rừng guom, dưới có 18 phòng giam, bảy lớp bao quanh đều là rừng đao. Có mười ngục tốt, trên bậc cửa, ở bốn cửa địa ngục A-tỳ có 80 cái chảo, nước đồng sôi sùng sục vọt lên chảy tràn ra ngoài. Chúng sinh giết cha hại mẹ, mắng chửi lục thân, sau khi chết đọa vào địa ngục này.” Vì sao gọi là địa ngục A-tỳ: A là vô, Tỳ là gián cách; A là vô, Tỳ là cứu; A là cực nóng, Tỳ là rất buồn bã; A là không rảnh rang, Tỳ là không dùng trụ. (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 69).

- Bài kệ này là các Đức Phật đời quá khứ đều nói. Tánh tướng của các hành đều như thế, các người chớ lo buồn. Ta ở trong sinh tử từ vô lượng kiếp đến nay, chỉ còn một kiếp sau cùng, không bao lâu nữa ta sẽ lìa các hành. Các người nên biết! Nay đã đến lúc hóa độ chúng sinh, ta sẽ sinh xuống cõi Diêm-phù-đề, sinh vào nhà vua Bạch Tịnh, làm con cháu họ Thích, dòng tộc Cam Giá, ở nước Ca-tỳ-la-bái-đâu. Sau đó rời xa cha mẹ, lìa bỏ vợ con và ngôi vị Chuyển Luân Thánh vương, xuất gia học đạo, siêng năng tu khổ hạnh, hàng phục quân ma, thành tựu Nhất thiết chủng trí, chuyển pháp luân mà tất cả thế gian trời, người, ma, phạm đều không thể chuyển được. Ta cũng y theo cách giáo hóa của các Đức Phật đời quá khứ, làm lợi ích tất cả trời người, dựng cờ pháp lớn, xô ngã cờ ma, làm khô biển phiền não, mở bày con đường Bát chánh⁴⁰, dùng các pháp ấn ấn tâm chúng sinh, lập pháp hội lớn mời các trời người. Khi ấy, các người đều dự trong pháp hội này, lãnh thọ pháp thực. Do nhân duyên này, không nên buồn rầu.

Bấy giờ, Bồ tát nói kệ rằng:

Ta ở đây không lâu

Sinh xuống cõi Diêm-phù

Nước Ca-tỳ-la-bái

Ở cung vua Bạch Tịnh.

Rời cha mẹ, quyến thuộc

Bỏ ngôi vua Chuyển Luân

Xuất gia hành Phật đạo

Thành Nhất thiết chủng trí.

Dựng lập cờ chánh pháp

Làm khô biển phiền não

Đóng cửa các đường ác

Mở ra đường Bát chánh

⁴⁰ **Bát chánh đạo:** tám thứ chánh đạo cầu Niết bàn. Đây là pháp môn thực tiễn đại biểu nhất trong 37 phẩm trợ đạo của Phật giáo, tức tám phương pháp hoặc tám đường tắt chính xác hướng thẳng đến Niết bàn giải thoát. Lúc chuyển pháp luân, đức Thế Tôn thuyết về việc xa lìa hai bên dục lạc và khổ hạnh, đi theo con đường Trung đạo, tức chỉ cho Bát chánh đạo này. 1. *Chánh kiến:* thấy rõ Khổ, Tập, Diệt, đạo; nghiệp báo thiện ác; 2. *Chánh tư duy:* suy nghĩ chơn chánh, không có dục giác, sân giác, hại giác; 3. *Chánh ngữ:* xa lìa nói dối, nói đâm thọc, hai chiều, nói ác, nói thù dật; 4. *Chánh nghiệp:* lìa sát sinh, trộm cướp; 5. *Chánh mạng:* rời bỏ tà mạng, như chú thuật, bói toán v.v...; 6. *Chánh tinh tấn:* phát nguyện và phấn đấu thực hiện mỹ mãn nội dung phát nguyện; 7. *Chánh niệm:* lấy biệt tướng hoặc tổng tướng mà quán về Tứ niệm xứ; 8. *Chánh định:* xa lìa pháp ác ở cõi Dục, thành tựu Sơ thiền cho đến Tứ thiền (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 371).

Lợi ích khắp trời người

Số lượng không kể xiết

Vì nhân duyên như thế

Không nên sinh lo buồn.

Khi ấy, các lỗ chân lông trên thân Bồ tát đều phóng ra ánh sáng. Các Thiên tử nghe Bồ tát nói, lại thấy trên thân phát ra ánh sáng rực rỡ, lòng rất vui mừng, không còn lo khổ, trong lòng nghĩ rằng: “Không bao lâu Bồ tát sẽ thành Chánh Giác.”

Bấy giờ, Bồ tát quán xét thấy đã đến lúc gá thai, liền cỡi voi trắng sáu ngà từ trên cung trời Đâu suất xuống nhân gian. Khi ấy, vô lượng chư Thiên thổi các kỹ nhạc, đốt các hương thơm, rải nhiều hoa trời, theo Bồ tát, đầy cả hư không, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương. Đến ngày mừng tám tháng tư, lúc trời vừa sáng thì thần thức Bồ tát gá vào thai mẹ. Lúc đó, phu nhân Ma-da đang ngủ thấy Bồ tát cỡi voi trắng sáu ngà từ trên không xuống, đi vào hông phải của mình, thân ánh hiện ra bên ngoài giống như ở trong lưu ly. Bấy giờ Phu nhân cảm thấy an ổn vui vẻ như vừa được uống cam lồ. nhìn lại thì thấy thân mình chiếu sáng như mặt trời, mặt trăng, lòng rất vui mừng. Phu nhân thấy tướng như vậy rồi, liền tỉnh giấc, trong lòng nghĩ là việc hy hữu, bèn đến gặp vua Bạch Tịch, tâu rằng:

- Trong lúc ngủ, thần thiếp mộng thấy điềm lành rất kỳ lạ.

Vua liền nói:

- Vừa rồi, ta cũng thấy có ánh sáng rực rỡ. Hơn nữa, ta thấy dung mạo của ái khanh lúc này rất khác thường, nằng mau kể lại điềm mộng ấy cho ta nghe.

Khi ấy, phu nhân trình bày đầy đủ sự việc trên và nói kệ rằng:

Thấy người cỡi voi trắng

Sáng trong như nhật nguyệt

Thích, Phạm và chư Thiên

Đều cầm các cờ báu

Đốt hương, rải hoa trời

Và thổi các kỹ nhạc

Đầy khắp cả hư không

Thứ lớp mà đi xuống

Vào nơi hông phải thiếp

Giống như vào lưu ly

Nay trình với Đại vương

Đây là điềm lành gì?

Vua Bạch Tịnh nghe phu nhân Ma-da thuật lại những điềm lành như thế, lòng rất vui mừng, liền sai người thỉnh các vị Bà-la-môn xem tướng giỏi, vua dâng hương hoa, các thức ăn uống cúng dường. Cúng dường xong, vua chỉ vào hông phải của phu nhân và thuật lại điềm mộng kia, rồi thưa các vị Bà-la-môn rằng:

- Xin các vị đoán đó là điềm gì?

Bấy giờ, các vị Bà-la-môn xem xong, nói rằng:

- Đại vương! Phu nhân mang thai Thái tử, các điềm lành không thể kể hết, nay sẽ nói cho Đại vương nghe những điềm chính mà thôi. Đại vương nên biết! Đứa trẻ trong bụng phu nhân sẽ làm rạng rỡ dòng tộc Thích-ca. Lúc giáng sinh vào thai mẹ, phóng ánh sáng lớn, chư Thiên, Thích, Phạm vây quanh hầu hạ, đây là điềm lành sẽ thành bậc Chánh Giác. Nếu không xuất gia thì sẽ làm bậc Chuyển Luân Thánh vương, thống lãnh bốn châu thiên hạ, đầy đủ bảy báu, có một ngàn người con.

Vua nghe Bà-la-môn nói thế, lòng rất vui mừng hạnh phúc, liền cung cấp cho các vị Bà-la-môn những thứ báu, vàng bạc, voi, ngựa, xe cộ và thôn ấp, đồng thời, phu nhân Ma-da cũng dâng lễ nữ và các thứ trân báu cho các vị ấy.

Từ khi Bồ tát ở trong thai đến nay, phu nhân Ma-da hàng ngày tu tập sáu pháp Ba-la-mật, chư Thiên dâng các thức ăn uống, bà không còn thích mùi vị của thế gian. Ba ngàn đại thiên thể giới đều sáng rực, những nơi tối tăm, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng không thể chiếu đến cũng đều sáng rực. Chúng sinh trong đó đều nhìn thấy nhau, họ cùng nói rằng: “Vi sao nơi đây bỗng nhiên sinh ra chúng sinh?”

Lúc Bồ tát vào thai, ba ngàn đại thiên thể giới khởi mười tám tướng chấn động; gió thơm tỏa mát khắp nơi, những người bị bệnh đều được lành, tham dục, sân hận, ngu si cũng đều dứt sạch.

Lúc bấy giờ, trên cung trời Đâu-suất, có vị Thiên tử nghĩ rằng: “Bồ tát đã sinh vào cung vua Bạch Tịnh, ta cũng sẽ sinh xuống nhân gian. Lúc Bồ tát thành Phật, ta sẽ làm quyến thuộc trước tiên, cúng dường nghe pháp.” Nghĩ như vậy rồi, liền sinh vào cung vua Chiên-đà-la-cấp-đa, dòng tộc Minh Nguyệt, thành Vương Xá. Lại có Thiên tử sinh vào cung vua nước Xá-vệ; có Thiên tử sinh vào cung vua nước Thâu-la-quyết-xoa; có Thiên tử sinh vào cung vua nước Độc Tử; có Thiên tử sinh vào cung vua nước Bạt-la; có Thiên tử sinh vào cung vua nước Lu-la; có Thiên tử sinh vào cung vua nước Đứ-xoa-thi-la; có Thiên tử sinh vào cung vua nước Câu-la-bà; có Thiên

tử sinh vào các nhà Trưởng giả, Cư sĩ, Tỳ-xá, Thủ-đà-la. Lại có 500 vị sinh vào dòng họ Thích. Có đến chín mươi chín ức Thiên tử như thế sinh xuống nhân gian.

Lại từ cõi trời Tha Hóa Tự Tại⁴¹, cho đến cõi Tứ thiên vương sinh xuống nhân gian không thể tính hết. Vua ở cõi trời Hữu sắc và quyền thuộc của mình cũng đều sinh xuống làm tiên nhân.

Tuy Bồ tát ở trong thai, nhưng đi, đứng, nằm, ngồi đều không chướng ngại, cũng không gây khổ cho mẹ. Bồ tát ở trong thai, buổi sáng thuyết pháp cho chư Thiên ở cõi Sắc, buổi trưa thuyết pháp cho chư Thiên ở cõi Dục, buổi chiều thuyết pháp cho các quỷ thần. Ba thời ban đêm cũng thành thực như vậy, luôn làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Lúc Bồ tát đang ở trong thai, có các vị phu nhân và thể nữ đến lễ bái cúng dường. Nếu nghe người ước nguyện sau này Thái tử thành bậc Chuyển Luân Thánh vương thì Bồ tát không vui, nếu nghe có người cầu nguyện cho Thái tử thành bậc Nhất thiết chủng trí thì Bồ tát rất vui.

Bồ tát ở trong thai sắp tròn mười tháng, thì đã đầy đủ các chi và tướng hảo, khiến các căn của người mẹ an tịnh, thích nơi yên tĩnh, không ưa ồn ào.

Lúc bấy giờ, vua Bạch Tịnh nghĩ rằng: “Phu nhân mang thai, ngày tháng gần đủ mà sao không thấy có hiện tượng sắp sinh.” Khi vua đang nghĩ như thế, đúng lúc phu nhân sai người đến báo tin: “Phu nhân muốn ra vườn dạo chơi.” Vua nghe như thế, lòng rất vui mừng, liền ban lệnh cho nhân dân ngoài thành quét dọn vườn Lâm-tỳ-ni. Lại sai người trồng các loại hoa, quả quý báu, dòng suối, ao tắm đều trong sạch, lan can, thêm cấp đèn bầy báu để trang nghiêm. Lại có nhiều loài chim như: phi thúy, uyên ương, loan, phượng hoàng và các loài chim khác tập hợp về đây ca hát. Lại treo tràng phan, bảo cái, đốt hương, rải hoa, thổi các kỹ nhạc giống như vườn Hoa

⁴¹ **Tha hóa tự tại:** tầng trời thứ sáu trong sáu tầng trời cõi Dục. Cõi trời này nhờ niềm vui mà người khác hóa độ được để thành tựu niềm vui của mình, nên gọi là Tha Hóa Tự Tại thiên. *Luận Đại Trí Độ* 9 (Đại 25, 122 thượng) ghi: “Cõi trời này lấy sự hóa độ người khác mà tự vui, nên gọi là Tha Hóa Tự Tại.” tức là đối với sự tha hóa được tự tại.

Cõi trời này đứng đầu cõi Dục, cùng cõi trời Ma-hê-thù-la đứng đầu cõi Sắc đều là loại ma vương nhiều hại chánh pháp, là Thiên ma trong Tứ ma, được gọi là Đệ Lục Thiên Ma vương. Theo phẩm Đao-lợi thiên trong kinh *Trường A-hàm* 20, trên cõi Đệ Lục thiên riêng có cung điện Thiên ma rộng mỗi bề 600 do-tuần. *Luận Đại Trí Độ* 5 (Đại 29, 99 trung) ghi: “Ma có bốn loại (...), loại thứ tư là Tha Hóa Tự Tại Thiên tử ma.” Cõi trời này ở cao nhất trong các tầng trời cõi Dục, ngự trên tầng mây đầy đặc trong hư không, cách biên cả 128 do-tuần, mỗi bề rộng tám vạn do-tuần, đồng với cõi trời Đao-lợi. Ở cõi này có các loài hoa mọc trên mặt nước như hoa Ưu-bát-la và các loài hoa mọc trên đất liền như hoa giải thoát...

Cõi trời này có ba việc thù thắng hơn cõi Diêm-phù-đề là: Sống lâu, xinh đẹp và nhiều vui. Tuổi thọ của thiên chúng là 16000 tuổi. Một ngày đêm ở đây bằng 16000 năm ở nhân gian, nhưng cũng có người chết yểu. Thân của Thiên chúng cao 16 do-tuần hoặc 1,5 câu-lô-xá, áo dài 32 do-tuần, rộng 16 do-tuần, nhưng chỉ nặng nửa thùy. Ăn thức ăn tự nhiên, nam nữ nhìn nhau là thành dâm, khi muốn có con thì đưa con liền hóa sinh trên đầu gối. Lúc mới sinh, đứa con này như đứa trẻ 10 tuổi ở nhân gian, sắc mặt viên mãn, y phục tự đầy đủ. Trong các kinh như kinh *Đại A-di-đà*, thượng, phẩm *Pháp Cúng Dường* trong kinh *Hải Long Vương* 4, kinh *Thương Chủ Thiên Tử Sở Vấn*, phẩm *Tự* trong kinh *Thuyết Vô Cấu Xưng* 1 đều nói về các cảnh tượng trang nghiêm ở cõi trời này. Trong các kinh Đại thừa, như *Đệ Lục Tha Hóa Tự Tại Thiên Cung Hội* trong Thất xứ bát hội của kinh *Hoa Nghiêm*, *Đệ Thập Hội Tha Hóa Tự Tại Thiên Cung Thuyết Bát nhĩ Lý Thủ* phần trong Tứ xứ thập lục hội của kinh *Bát-nhĩ* đều được tuyên thuyết trên thiên cung của cõi trời này.

Hỷ của trời Đế Thích. Vua lại ban lệnh những nơi phu nhân đi qua đều phải sạch sẽ, trang hoàng mọi thứ, đồng thời chuẩn bị 10 vạn cỗ xe bảy báu, mỗi xe đều chạm trổ tinh xảo. Lại ban lệnh bày bốn đội quân như: tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh. Lại chọn ra 84.000 thể nữ trong cung, dung mạo đoan chánh, không già không trẻ, tánh khí nhu hòa, thông minh hiểu biết, theo hầu phu nhân Ma-da. Lại chọn 84.000 đồng nữ, dung mạo đoan chánh, trên thân trang sức các chuỗi bảy báu, mang hương hoa đến vườn Lâm-tỳ-ni trước. Vua ban lệnh cho quần thần bá quan đều theo hộ giá phu nhân. Lúc phu nhân lên xe thì các vị đại thần và thể nữ thứ lớp đến vườn Lâm-tỳ-ni. Lúc ấy, tám bộ Trời, Rồng, cũng đều đi theo, khắp cả hư không.

Khi phu nhân vào trong vườn rồi, các căn đều an tịnh. Phu nhân mang thai vừa đủ mười tháng, đến ngày mừng tám tháng hai, lúc mặt trời vừa mọc, bà thấy trong vườn có một cây lớn tên là Vô-uru, sắc hoa rực rỡ, mùi hương thơm ngát, cành lá bủa rất rộng rất đẹp, liền với tay phải muốn hái hoa kia. Ngay khi đó, Bồ tát từ hông phải bước ra. Lúc ấy, nơi gốc cây cũng hiện ra bảy hoa sen bảy báu, lớn như bánh xe. Bồ tát đứng trên hoa sen không cần người đỡ, tự đi bảy bước, đưa cánh tay phải lên, cất giọng như sư tử rống: “Trong tất cả trời người, ta là bậc tôn quý nhất; vô lượng sinh tử, hôm nay đã chấm dứt. Đời này ta sẽ làm lợi ích tất cả chúng sinh. Vừa nói xong, bốn vị Thiên vương lấy lụa trời đỡ lấy Thái tử, đặt trên ghé báu, Thích-đề-hoàn-nhơn tay cầm bảo cái và Đại Phạm Thiên vương cầm phát trần đứng hầu hai bên, long vương Nan-đà, long vương Ưu-ba-nan-đà ở trên hư không phun một dòng nước âm, một dòng mát trong sạch tắm cho Thái tử. Thân Thái tử màu vàng ròng, có 32 tướng, phóng ánh sáng rực rỡ chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Tám bộ Trời, Rồng ở trên hư không thổi các kỹ nhạc, ca tụng khen ngợi, đốt hương thơm, rải nhiều hoa báu, tuôn xuống như mưa các loại y trời và anh lạc rực rỡ, không thể tính kể.

Phu nhân Ma-da sau khi sinh Thái tử, nghỉ dưới tàng cây, thân thể an ổn vui vẻ, không còn các khổ não, lòng hoan hỷ vô cùng. Bỗng nhiên quanh bà xuất hiện bốn giếng nước trong sạch thơm ngát, đầy đủ tám tính chất⁴². Lúc đó, phu nhân Ma-da và quyến thuộc tùy theo nhu cầu, tự do tắm gội. Lại có các vua Dạ-xoa vây quanh bảo vệ Thái tử và phu nhân. Ngay lúc ấy, người ở cõi Diêm-phù-đề cho đến cõi trời A-ca-nị-tra, tuy đã xa lìa sự hỷ lạc, nhưng đối với việc này cũng đều vui mừng khen ngợi: “Bậc Nhất thiết chủng trí nay đã xuất hiện ở thế gian, vô lượng chúng sinh đều được lợi ích. Mong sao Ngài chóng thành Chánh Giác, chuyển bánh xe pháp, độ khắp chúng sinh.” Chỉ riêng Ma vương trong lòng sầu não, không ngồi yên trên tòa của mình. Ngay khi đó, ứng hiện 34 điềm lành:

1. Mười phương thế giới thấy đều sáng rực.
2. Ba ngàn đại thiên thế giới khởi mười tám tướng chấn động, gò nổi đều bằng phẳng.

⁴² **Bát công đức thủy:** nước có tám tính chất. Ở Tịnh độ của Phật có ao thù thắng, nước trong ao có tám tính chất, đó là: trong trẻo, mát mẻ, ngon ngọt, mềm nhẹ, thấm nhuần, an hòa, trừ đói khát, nuôi lớn các căn. Đồng thời trong bảy biển bao quanh núi Tu di cũng có nước tràn đầy tám tính chất: ngọt, lạnh, mềm, nhẹ, trong sạch, không hôi, uống không đau cổ, uống không đau bụng (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, 371).

3. Tất cả cây khô đều được sống lại, trong cõi nước mọc lên những cây quý lạ.
4. Trong vườn sinh ra các quả ngọt lạ thường.
5. Trên đất sinh các hoa sen báu, lớn như bánh xe.
6. Các kho tàng ẩn trong lòng đất đều tự hiện ra.
7. Các kho báu phát ra ánh sáng rực rỡ.
8. Y phục tốt đẹp cõi trời tự nhiên hiện đến.
9. Muôn dòng sông đều trong sạch và chảy êm đềm.
10. Gió lộng mây tan, bầu trời trong xanh.
11. Gió thổi hương thơm từ khắp nơi bay đến, trời mưa phùn thấm ướt, khắp nơi không bụi bặm.
12. Trong cõi nước, những người bệnh đều được lành.
13. Trong cõi nước, các cung điện, nhà cửa đều sáng rực, không cần dùng đến đuốc.
14. Mặt trời, mặt trăng và các vì sao đều không di chuyển.
15. Sao Tỳ-xá-khur⁴³ hiện xuống nhân gian đọi Thái tử sinh.
16. Các vị Phạm thiên vương cầm bảo cái che rợp cả hoàng cung.
17. Các vị Tiên, Thánh nhân ở tám phương mang vật báu đến dâng cúng.
18. Trăm món ngon của cõi trời tự nhiên hiện đến trước mặt.
19. Có vô số binh báu đựng đầy cam lồ.
20. Xe của các cõi trời chở châu báu đến.
21. Vô số voi trắng đầu đội hoa sen, đứng khắp trước điện.
22. Ngựa có lông màu tía xanh của cõi trời tự nhiên đến.
23. 500 sư tử chúa màu trắng từ núi Tuyết đi ra, dứt tính ác, trong lòng vui mừng, đứng khắp trước cửa thành.
24. Kỹ nữ của các cõi trời ở trên hư không thổi âm nhạc vi diệu.

⁴³ Tỳ-xá-khur: tên một ngôi sao Trung Hoa, dịch là Biệt chi, Trường dưỡng.

25. Ngọc nữ của các cõi trời cầm phát trần bằng lông chim Khổng tước, hiện ra trên tường hoàng cung.
26. Ngọc nữ của các cõi trời cầm bình báu đựng đầy nước thơm, đứng khắp hư không.
27. Các vị trời ca tụng công đức của Thái tử.
28. Sự tra tấn đau đớn trong địa ngục đều dừng.
29. Trùng độc đều ẩn núp, các loài chim hung ác trở thành hiền lành.
30. Các vị hành Ác luật nghi⁴⁴ bỗng sinh lòng từ bi.
31. Các phụ nữ có thai trong nước đều sinh con trai, dù mắc trăm thứ bệnh cũng tự nhiên lành mạnh.
32. Tất cả thần cây hóa thành hình người đều đến đánh lễ và hầu hạ.
33. Vua của các nước khác đều mang vật báu đến hiến dâng.
34. Tất cả trời người nói năng đúng lúc.

Lúc bấy giờ, các thế nữ thấy những điềm lành như thế, lòng rất vui mừng, nói với nhau rằng: “Hôm nay thái tử đản sinh có các việc tốt đẹp như thế, mong Thái tử sống lâu, không bị bệnh khổ, để chúng ta không phải lo buồn.” Nói như thế rồi, lấy vải trời quấn thân Thái tử, bế đến chỗ phu nhân. Ngay đó, có bốn vị Thiên vương trên hư không cung kính đi theo, Thích-đề-hoàn-nhơn cầm bảo cái đến che, có hai mươi tám vua đại quý thần đứng quanh bốn góc vườn hộ vệ giữ gìn. Khi ấy, có một cung nữ thông minh sáng suốt, từ vườn Lâm-tỳ-ni trở về cung, đến gặp vua Bạch Tịnh mà tâu rằng: “Oai đức của Đại vương ngày càng thêm lớn. Phu nhân Ma-da đã sinh Thái tử, dung mạo đoan chánh, có 32 tướng tốt, và 80 vẻ đẹp, đứng trên hoa sen, đi bảy bước, đưa cánh tay phải mà cất giọng như sư tử hồng: ‘Đối với tất cả trời người, ta là bậc tối tôn; vô lượng sinh tử ngày nay chấm dứt. Đời này ta sẽ làm lợi ích cho tất cả trời người.’ Có các việc kỳ lạ như thế, không thể trình bày hết.” Vua Bạch Tịnh nghe cung nữ kia nói như thế rồi, lòng rất vui mừng, liền mở chuỗi bảy báu trên thân ban tặng cho cung nữ.

Bấy giờ, vua Bạch Tịnh dẫn bốn thứ quân, các quyền thuộc vây quanh, cùng với một ức người dòng họ Thích-ca, thứ tự đến vườn Lâm-tỳ-ni. Khi vào, vua thấy tám bộ là Trời, Rồng đều đầy đủ. Đến chỗ phu nhân, thấy Thái tử tướng tốt kỳ lạ, trong lòng vui mừng vô cùng, giống như sông biển nổi sóng lớn. Nhưng rồi lòng lại lo sợ thọ mạng Thái tử ngắn ngủi. Ví như núi Tu-di

⁴⁴ Ác luật nghi: vô biểu sắc bất thiện sinh khởi do tham lợi hoặc do cuộc sống mà làm các nghiệp sát sinh.

Theo *luận Câu-xá 14*, Ác luật nghi là điều mà người trí quả trách, nhằm chán, nên gọi là Ác hành, vì nó làm chướng ngại giới luật thanh tịnh, nên gọi là Ác giới; vì không ngăn hành vi ác của thân và ngữ nên gọi là Bất luật nghi (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 84).

khó có thể lay động, chỉ khi cả đại địa chấn động thì ngọn núi kia mới lay động. Bản tánh của vua Bạch Tịnh vốn điềm tĩnh, bình thường không biểu lộ trạng thái vui mừng hay lo lắng, thế mà, hôm nay vừa mừng vừa lo. Phu nhân Ma-da bản tánh vốn hòa nhã, khi sinh Thái tử, thấy các điềm lành kỳ lạ, phu nhân càng thêm dụi dàng.

Khi đó, vua Bạch Tịnh chấp tay đánh lễ các vị Thiên thần, rồi bế Thái tử đặt trên xe voi bảy báu, cùng các quần thần, thể nữ trong cung, các vị trời ở trên hư không trỗi các kỹ nhạc theo vào thành. Lúc ấy, vua Bạch Tịnh và dòng họ Thích chưa biết Tam Bảo, liền đưa Thái tử đến đền thần. Lúc Thái tử vào thì các tượng Phạm thiên đều đứng dậy, lễ dưới chân Thái tử mà nói với vua rằng: “Đại vương nên biết! Vị Thái tử này là bậc tối tôn trong trời, người, Thiên thần khắp trên hư không thấy đều kính lễ. Đại vương há không thấy ư? Sao còn đến đây đánh lễ ta?”

Bấy giờ, vua Bạch Tịnh và các vị dòng họ Thích, quần thần trong ngoài nghe thấy, khen ngợi việc chưa từng có. Liền đưa Thái tử ra khỏi đền thần, trở về hậu cung. Những người dòng họ Thích cũng trong ngày ấy, sinh 500 bé trai. Trong các chuồng trại của vua, voi sinh ra voi trắng, ngựa sinh ra ngựa trắng, trâu dê cũng sinh ra trâu dê năm màu, mỗi loại sinh ra 500 con, cung nữ của nhà vua cũng sinh 500 bé trai. Khi ấy, trong cung có 500 kho tàng ẩn dưới lòng đất tự nhiên hiện ra, mỗi một kho tàng đều có bảy báu bao quanh. Lại có những thương buôn của các nước lớn, ra biển tìm châu báu trở về nước Ca-tỳ-la-bái-đâu, họ mang vật quý lạ đến dâng vua.

Lúc đó, vua Bạch Tịnh hỏi rằng:

- Các người ra biển tìm châu báu đều được thuận lợi, không trở ngại chứ? Những người bạn cùng đi có thất lạc không?

Những khách buôn thưa:

- Tâu Đại vương! Những đoạn đường đi qua đều rất an ổn!

Vua nghe nói thế lòng rất vui mừng, liền sai người đến thỉnh các Bà-la-môn. Khi Bà-la-môn nhóm họp đông đủ, nhà vua bèn cúng dường voi, ngựa, bảy báu, ruộng, nhà và tiền đồ. Cúng dường xong, bế Thái tử ra, rồi hỏi các vị Bà-la-môn rằng:

- Nên đặt tên gì cho Thái tử?

Các vị Bà-la-môn cùng bàn bạc, rồi thưa với vua:

- Lúc Thái tử sinh thì tất cả kho báu đều xuất hiện, có các điềm lành như thế, do đó, nên đặt tên Thái tử là Tát-bà-tát-đạt.

Lúc nói dứt lời thì trên hư không, Thiên thần liền đánh trống trời, đốt hương rải hoa và xướng rằng:

- Hay thay!

Các vị trời và nhân dân trong nước cũng đồng gọi:

- Tát-bà-tát-đạt!

Cũng trong ngày ấy, tám vua nước khác đồng sinh Thái tử như vua Bạch Tịnh. Các vị vua kia đều rất vui mừng nghĩ rằng: “Hôm nay ta sinh Thái tử, có các điều kỳ lạ,” nhưng không biết đó chính là điềm lành của thái tử Tát-bà-tát-đạt. Khi ấy, các vị vua kia nhóm họp Bà-la-môn đặt tên cho mỗi vị Thái tử một tên đẹp.

* Thái tử thành Vương-xá tên Tần-tỳ-sa-la.

* Thái tử nước Xá-vệ tên Ba-tư-nặc.

* Thái tử nước Thâu-la-câu-tra tên Câu-lạp-bà.

* Thái tử nước Độc Tử tên Ưu-đà-diên.

* Thái tử nước Bạt-la tên Uất-đà-la-diên.

* Thái tử nước Lur-la tên Tật Quang.

* Thái tử nước Đức-xoa-thi-la tên Phát-ca-la-sa-la.

* Thái tử nước Câu-la-bà tên Câu-la-bà.

Bấy giờ, vua Bạch Tịnh ban chiếu lệnh cho quần thần đi tìm các bậc trí huệ thông minh, học rộng, xem tướng giỏi, là bậc tri thức của thế gian. Quần thần vâng lệnh, hỏi tìm khắp nơi. Bấy giờ, vua cho xây một cung điện ở thượng uyển, cửa sổ, lan can đều trang trí bằng bảy báu.

Lúc này, các quần thần gặp được 500 Bà-la-môn thông minh, biết xem tướng. Những vị này thấy có điềm lành kỳ lạ, muốn đến chỗ vua. Gặp lúc vua sai người tìm, nên mau chóng đi đến. Đại thần tâu vua rằng:

- Các thầy tướng Bà-la-môn đã đến!

Vua nghe rồi rất vui mừng, liền ra lệnh cho mời vào điện ngồi mang phẩm vật cúng dường.

Những Bà-la-môn kia hỏi vua rằng:

- Chúng tôi nghe Đại vương mới sinh Thái tử, có các tướng tốt và điềm lành rất kỳ lạ, xin cho chúng tôi được diện kiến Thái tử.

Vua liền cho bé Thái tử ra. Các vị Bà-la-môn vừa thấy Thái tử tướng tốt uy nghiêm, đều khen là chưa từng có.

Vua hỏi Bà-la-môn:

- Các vị xem tướng Thái tử, thấy thế nào?

Bà-la-môn thưa:

- Tất cả chúng sinh đều muốn con mình tốt đẹp. Nay Đại vương sinh Thái tử là rất trân quý, không nên lo sợ.

Lại thưa tiếp:

- Đại vương! Thái tử tuy là con của Ngài, nhưng kỳ thật Thái tử chính là con mắt của trời, người ở thế gian.

Vua lại hỏi:

- Vì sao biết được?

Bà-la-môn thưa:

- Chúng tôi thấy toàn thân Thái tử sáng rực giống như vàng ròng, lại có các tướng quý và vẻ đẹp rất trong sáng. Nếu xuất gia, sẽ thành bậc Nhất thiết chủng trí, còn tại gia thì làm bậc Chuyển luân Thánh vương, thống lãnh bốn châu thiên hạ. Ví như các sông ngòi, biển là lớn nhất; trong tất cả ngọn núi, núi Tu-di là hơn hết; tất cả ánh sáng, mặt trời là sáng nhất; tất cả sự mát mẻ, chỉ có ánh sáng mặt trăng là bậc nhất; trong tất cả trời, người nhân gian, Thái tử là bậc tối tôn quý!

Vua nghe nói thế, lòng rất vui mừng, không còn lo lắng.

Bà-la-môn kia lại thưa với vua:

- Có vị tiên nhân tên A-tư-đà, đầy đủ Ngũ thông, hiện đang ở Hương Sơn, vị ấy có thể giải trừ các nghi ngờ cho Đại vương!

Các vị Bà-la-môn nói như thế, rồi từ biệt mà đi.

Khi ấy, vua Bạch Tịnh suy nghĩ: “Tiên nhân A-tư-đà ở trên Hương Sơn. Đường đi chật hẹp hiểm trở, người bình thường không thể đến được, phải dùng cách nào để thỉnh tiên nhân đến đây?” Trong lúc vua đang suy nghĩ như thế, thì tiên nhân A-tư-đà từ xa đã biết, lại trước đó thấy các điềm lành kỳ lạ, nên tiên nhân biết chắc Bồ-tát vì phá trừ đường sinh tử mà thị hiện thọ sinh. Tiên nhân vận sức thần thông bay lên hư không, đến trước cửa hoàng cung. Bấy giờ, lính canh cửa vào tâu vua:

- Tâu Đại vương! Tiên nhân A-tư-đà từ trên hư không bay đến, nay đang ở ngoài cửa.

Vua nghe rồi, rất vui mừng, liền ra lệnh cho mời vào. Sau đó, đích thân ra đến cửa thành nghinh đón. Vừa thấy tiên nhân, vua cung kính đánh lễ, hỏi rằng:

- Tôn giả đã đến, sao đứng ngoài cửa, hay lính canh không cho vào?

Tiên nhân đáp:

- Không phải, đã đến gặp Ngài, nên phải thưa trước!

Vua cùng tiên nhân vào hậu cung, cung kính mời ngồi, hỏi rằng:

- Tôn giả! Bôn đại thường an ổn điều hòa chăng?

Tiên nhân đáp:

- Nhờ ân đức của Đại vương, nên được an ổn.

Vua Bạch Tịnh hỏi tiên nhân rằng:

- Hôm nay tôn giả đến đây thì dòng tộc chúng tôi từ nay về sau sẽ ngày càng an ổn thịnh vượng. Phải chăng Ngài đi ngang qua đây rồi ghé vào?

Tiên nhân đáp:

- Ta ở trên Hương Sơn, thấy ánh sáng rực rỡ và các điềm lành kỳ lạ, lại biết được ý nghĩ của Đại vương, do đó mà đến đây. Và lại, lúc ta vận thần thông bay trên hư không, nghe các vị trời nói: “Thái tử sẽ thành bậc Nhất thiết chủng trí, độ thoát tất cả trời người.” Thái tử lại sinh ra từ hông phải, đứng trên hoa sen bảy báu, đi bảy bước, đưa cánh tay phải lên mà cất giọng như sư tử rống: “Trong tất cả trời người, ta là bậc tôn quý nhất; vô lượng sinh tử, hôm nay đã chấm dứt. Đời này ta sẽ làm lợi ích cho trời người.” Lại có các vị trời cung kính vây quanh.

Khi nghe các việc kỳ lạ như thế, ta nói:

- Hay thay! Tâu Đại vương, Ngài phải nên vui mừng, bây giờ có thể cho tôi diện kiến Thái tử được không?

Vua liền đưa tiên nhân đến chỗ Thái tử, vua và phu nhân bồng Thái tử ra, muốn đánh lễ, Tiên nhân liền ngăn vua lại và nói rằng:

- Thái tử là bậc tối tôn trong ba cõi, trời người, cơ sao đánh lễ tôi!

Bấy giờ, tiên nhân đứng dậy, chắp tay đánh lễ dưới chân Thái tử.

Vua và phu nhân thưa tiên nhân rằng:

- Xin tôn giả đoán tướng cho Thái tử!

Tiên nhân trả lời:

- Vâng!

Ông liền xem tướng cho Thái tử rồi, bỗng nhiên buồn khóc, không kèm chế được. Vua và phu nhân thấy tiên nhân như vậy thì toàn thân run sợ, lòng rất lo buồn, giống như sóng lớn đánh vào thuyền nhỏ, liền hỏi ông rằng:

- Lúc ta vừa sinh Thái tử, bỗng hiện các điềm như thế, có điều gì không tốt hay sao mà tôn giả khóc?

Lúc bấy giờ, tiên nhân sụi sùi đáp:

- Đại vương! Thái tử đầy đủ tướng tốt, không có gì bất tường cả!

Vua lại hỏi rằng:

- Xin tôn giả đoán tướng cho Thái tử có sống lâu không? Làm được vua Chuyển Luân, thống lãnh bốn châu thiên hạ không? Ta nay đã già, sau này muốn giao đất nước cho Thái tử, ẩn nơi núi rừng xuất gia học đạo. Đây mới là chí nguyện của ta. Tôn giả xem đúng thế không?

Tiên nhân thưa với vua rằng:

- Đại vương! Thái tử có đủ 32 tướng đại nhân:

1. Lòng bàn chân bằng phẳng như đáy hộp.
2. Tướng bánh xe báu ngàn căm hiện dưới lòng bàn chân.
3. Ngón tay, ngón chân thon dài hơn người khác.
4. Tay chân mềm mại hơn các chi phần trên thân.
5. Gót chân đầy đặn.
6. Giữa các ngón tay và ngón chân đều có màng mỏng nối liền nhau.
7. Mu bàn chân cao lên đầy đặn, tương xứng với gót chân.
8. Tướng xương đùi tròn thon như nai chúa.
9. Khi đứng thẳng, hai tay duỗi xuống dài quá đầu gối.
10. Tướng nam căn ẩn kính trong thân, như mã vương, tượng vương.
11. Thân hình cao lớn đầy đặn, cân phân như Ni-câu-luật.
12. Mỗi lỗ chân lông đều có một cọng lông màu lưu ly xanh, mềm mại, xoay về bên phải.
13. Tất cả lông tóc trên thân đều mềm mại và xoay về bên phải.
14. Toàn thân màu vàng ròng vi diệu hơn màu vàng của Diêm-phù-đàn.

15. Ánh sáng toàn thân chiếu xa một trượng.
16. Da dẻ mịn màng, trơn láng, bụi bặm không dính, muối không đốt.
17. Bảy nơi là lòng bàn tay, bàn chân, hai vai và cổ đều đầy đặn.
18. Hai nách đầy đặn như châu ma-ni.
19. Thân tướng uy nghiêm như sư tử chúa.
20. Thân cao lớn ngay thẳng.
21. Hai vai đầy đặn cân phân.
22. Có bốn mươi cái răng.
23. Răng trắng, đều nhau và khít.
24. Bốn răng nanh trắng và lớn.
25. Hai gò má như hai má sư tử.
26. Trong miệng tiết ra nước bọt mùi thơm tối thượng hơn tất cả các mùi vị.
27. Lưỡi lớn, rộng, mềm, mỏng, le ra phủ đến mí tóc.
28. Giọng nói thanh nhã vang xa như tiếng chim Ca-lăng-tần-già.
29. Cặp mắt xanh biếc như hoa sen xanh.
30. Lông mi như ngưu vương.
31. Giữa hai chạng mày có sợi lông trắng mềm mại như đầu-la-miên.
32. Tên đỉnh đầu có bươu thịt nổi cao như hình búi tóc.

Thái tử có đủ tướng quý như thế, nếu ở nhà, năm 29 tuổi làm Chuyển Luân Thánh vương, nếu xuất gia sẽ thành bậc Nhất thiết chủng trí, độ khắp trời người. Nhưng Thái tử nhất định sẽ xuất gia học đạo, thành tựu quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không lâu sẽ chuyển bánh xe pháp thanh tịnh, làm lợi ích tất cả trời người, mở mắt huệ cho thế gian. Năm nay tôi đã 120 tuổi, không lâu nữa sẽ mạng chung, sinh lên cõi trời Vô Tướng, không gặp Phật ra đời, không nghe được kinh pháp, cho nên buồn khóc mà thôi.

Vua lại hỏi tiên nhân rằng:

- Vừa rồi tôn giả xem, nói có hai trường hợp:

1. Sẽ làm Chuyển Luân Thánh vương.

2. Sẽ thành Chánh Giác.

Vậy tại sao nay tôn giả nói nhất định sẽ thành bậc Nhất thiết chủng trí?

Tiên nhân đáp rằng:

- Theo cách xem tướng của tôi, nếu có chúng sinh nào đủ 32 tướng, nhưng không đúng chỗ, các tướng không hiện rõ ràng, người này nhất định sẽ thành bậc Chuyển Luân Thánh vương. Nếu có đủ 32 tướng, đúng chỗ, lại hiện rõ ràng thì người ấy chắc chắn sẽ thành bậc Nhất thiết chủng trí. Tôi xem Thái tử của Đại vương đầy đủ các tướng ấy, lại rất rõ ràng, vì thế biết chắc Thái tử sẽ thành Chánh Giác.

Tiên nhân nói cho vua nghe như thế, rồi từ biệt ra đi.

Lúc bấy giờ, vua Bạch Tịnh nghe tiên nhân nói quả quyết như thế, trong lòng sầu não, lo sợ Thái tử xuất gia, liền chọn 500 cung nữ hiền thực, thông minh làm vú nuôi chăm sóc nuôi dưỡng Thái tử. Trong đó, có người cho bú mớm, có người tắm rửa, có người giặt giũ... những việc như thế đều cung cấp hầu hạ Thái tử đầy đủ. Lại cho xây cung điện ba mùa: ôn hòa, nóng và lạnh, mỗi nơi khác nhau. Cung điện đều trang hoàng bằng bảy báu; y phục, trang sức cũng theo mùa. Vua sợ Thái tử bỏ hoàng cung xuất gia học đạo, nên hạ lệnh thiết kế cửa thành, mỗi khi đóng hoặc mở, tiếng vang xa 40 dặm. Lại chọn 500 kỹ nữ, dung mạo đoan chánh, không mập không ốm, không cao không thấp, không trắng không đen, có tài năng, mỗi người thông thạo vài nghề, trang sức thân thể bằng bảy báu và chuỗi anh lạc, trăm người một phiên, ban đêm thay nhau canh giữ Thái tử. Trước mỗi cung điện trồng rất nhiều cây quả thơm ngọt, cành lá rậm rạp, hoa quả sum sê. Ao tắm sạch sẽ trong mát, hai bên bờ mọc cỏ thơm, hoa sen nhiều màu rực rỡ khắp nơi, không thể tính hết. Lại có khoảng vài trăm ngàn loại chim lạ màu sắc rực rỡ trước mắt, làm vui lòng Thái tử.

Sau khi Thái tử sinh được bảy ngày thì Ma-da mạng chung. Nhờ mang thai Thái tử, nên có công đức lớn, phu nhân được sinh lên cõi trời Đao-lợi hưởng thọ tự nhiên. Thái tử tự biết phước đức của mình quá lớn, không có người nữ nào kham nhận nổi sự lễ kính, do đó chỉ gá vào thai người sắp mạng chung mà đản sinh.

Bấy giờ, Thái tử được di mẫu Ma-ha-ba-xà-ba-đề nuôi dưỡng như mẹ ruột. Vua Bạch Tịnh ra lệnh làm mũ trời bằng bảy báu và chuỗi anh lạc cho Thái tử. Thái tử dần dần khôn lớn, vua ban cho các loại xe voi, ngựa, trâu, dê. Hễ bất cứ đồ vật nào mà những trẻ con thích vua đều ban cho Thái tử. Khi ấy, tất cả nhân dân trong nước đều thực hành nhân đức, lúa thóc được mùa, mưa hòa gió thuận, không có nạn trộm cướp, giặc giã, an ổn vui vẻ, đều nhờ phước đức của Thái tử. Lúc đó, vua cũng cho 500 người con của cung nữ như: Xa-nặc v.v... hầu hạ Thái tử.

Năm Thái tử lên bảy tuổi, vua Bạch Tịnh nghĩ rằng: “Thái tử đã lớn, nên cho học chữ.” Liền tìm các vị Bà-la-môn thông minh, am tường các sách và tài nghệ, mời đến dạy cho Thái tử. Bấy giờ,

có vị Bà-la-môn tên Bạt-đà-la-ni và 500 Bà-la-môn quyền thuộc, được mời vào cung. Vua thưa Bà-la-môn rằng:

- Tôi muốn mời tôn giả làm thầy Thái tử.

Bà-la-môn đáp:

- Hễ tôi biết gì đều truyền dạy cho Thái tử.

Vua Bạch Tịnh vì Thái tử mà xây trường học, trang hoàng bảy báu, bàn ghế, dụng cụ học tập cực kỳ tinh xảo lộng lẫy. Vua chọn được ngày tốt, liền giao Thái tử cho Bà-la-môn dạy dỗ.

Bấy giờ, Bà-la-môn lấy quyển sách 49 chữ cái dạy cho Thái tử đọc. Trong chốc lát, Thái tử đã học thuộc lòng, liền hỏi Thầy rằng:

- Đây là sách gì? Tất cả các sách trong cõi Diêm-phù-đề có bao nhiêu loại?

Vị thầy im lặng không đáp được.

Lại hỏi:

- Chữ “A” này có nghĩa gì?

Vị thầy cũng im lặng không thể trả lời được, trong lòng hổ thẹn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ dưới chân Thái tử mà khen rằng:

- Lúc Thái tử mới sinh ra, tự đi bảy bước, nói rằng: “Trong tất cả trời người, ta là bậc tôn quý nhất.” Lời nói này chẳng phải hư dối vậy. Mong Thái tử nói cho tôi biết, sách trong cõi Diêm-phù-đề có bao nhiêu loại?

Thái tử đáp:

- Trong cõi Diêm-phù-đề có tất cả 64 loại như: Phạm thư, Khu-lâu thư, Liên hoa thư... Chữ “A” này là Phạm âm, lại có nghĩa là “không thể hoại,” cũng có nghĩa là “đạo chơn chánh vô thượng,” những nghĩa như thế thì vô lượng vô biên.

Khi ấy, Bà-la-môn vô cùng hổ thẹn, liền đến chỗ vua, thưa rằng:

- Đại vương! Thái tử là bậc thầy đệ nhất trong trời người, tôi làm sao dạy được!

Vua Bạch Tịnh nghe nói như thế, lòng rất vui mừng, khen việc chưa từng có, liền tùy theo ý muốn Bà-la-môn kia cúng dường rất hậu. Thái tử tự nhiên thông thạo các kỹ nghệ, sách xưa, nghị luận, thiên văn, địa lý, toán số, bắn cung, cỡi ngựa v.v...

QUYỂN II

NHÂN QUẢ QUÁ KHỨ HIỆN TẠI KINH

Hán dịch: Đồi Tống, Tam tạng Cầu-na-bạt-đà-la

Lúc ấy, Thái tử và 500 đồng tử dòng họ Thích vừa tròn 10 tuổi. Các em họ của Thái tử như: Đề-bà-đạt-đa, Nan-đà, Tôn-đà-la Nan-đà v.v.. có người được 30 tướng tốt, có người 31 tướng, hoặc có người đủ 32 tướng, nhưng không rõ ràng, ai cũng tài giỏi, và có sức mạnh phi thường.

Bấy giờ, 500 đồng tử như: Đề-bà-đạt-đa... nghe Thái tử thông thạo tất cả tài nghệ, tiếng tăm vang khắp mười phương, họ cùng nói với nhau rằng: “Thái tử tuy thông minh trí huệ, giỏi luận thư, nhưng sức mạnh làm sao hơn chúng ta được?” Họ muốn cùng Thái tử thi thử sức mạnh.

Bấy giờ, vua Bạch Tịnh tìm các vị bắn cung giỏi trong nước, mời đến để dạy cho Thái tử. Lúc mọi người đến thượng uyển, vị thầy tập Thái tử bắn trống sắt. Khi đó, 500 đồng tử như Đề-bà-đạt-đa... cũng đều có mặt. Vị thầy trao cho Thái tử một cây cung nhỏ, Thái tử mỉm cười và hỏi rằng:

- Trao cho tôi cây cung này để làm gì?

Thầy đáp:

- Để cho Thái tử bắn cái trống sắt kia.

Thái tử nói:

- Cung này yếu quá!

Vị thầy lại cho mang đến bảy cây cung như thế trao cho Thái tử. Thái tử cầm bảy cây cung, dùng một mũi tên bắn xuyên qua bảy cái trống sắt.

Bấy giờ, vị Thầy đến tâu vua rằng:

- Thưa Đại vương! Thái tử tự biết bắn cung, chỉ dùng một mũi tên bắn xuyên qua bảy cái trống sắt. Trong cõi Diêm-phù-đề này không ai sánh bằng, tôi làm sao làm thầy Thái tử được!

Vua Bạch Tịnh nghe nói như thế, lòng rất vui mừng và nghĩ rằng: “Con ta thông minh, giỏi luận thư, toán số, khắp nơi đều biết, nhưng tài nghệ bắn cung thì chưa ai biết,” nên vua liền ra lệnh cho đánh trống truyền tin cho tất cả nhân dân trong nước, bảy ngày sau, thái tử Tát-bà-tát-đạt và 500 đồng tử như Đề-bà-đạt-đa... sẽ đến thượng uyển tỉ thí võ nghệ. Nhân dân trong nước ai có sức mạnh, đều có thể đến tham dự.” Đến ngày thứ bảy, Đề-bà-đạt-đa và sáu vạn quyến thuộc ra khỏi thành trước. Lúc đó, có một con voi lớn đang đứng trước cửa thành, mọi người đều không dám đi qua.

Đề-bà-đạt-đa hỏi mọi người rằng:

- Sao không đi tiếp mà dừng lại?

Mọi người đáp:

- Có một con voi lớn đang đứng ở cửa, mọi người đều sợ, cho nên không dám đi qua.

Đề-bà-đạt-đa nghe nói như thế, liền đi về phía trước, đến chỗ con voi, dùng tay đánh trên đầu, voi liền nằm quy xuống đất. Khi ấy, mọi người lần lượt đi qua.

Bấy giờ, Nan-đà cùng với quyến thuộc cũng ra khỏi thành, thấy mọi người đi quá chậm, Nan-đà liền hỏi:

- Vì sao đi chậm vậy?

Mọi người đáp:

- Đề-bà-đạt-đa dùng tay không chế một con voi nằm ở cửa thành, ngăn cản lối đi, do đó người qua chậm.

Nan-đà liền đi về phía trước, đến chỗ con voi, dùng ngón chân hất qua bên đường, mọi người tụ họp xem rất đông.

Lúc ấy, Thái tử cùng mười vạn quyến thuộc lần lượt đi ra cửa thành, thấy mọi người nhóm họp bên đường xem đông đúc thì Thái tử liền hỏi:

- Những người này xem gì vậy?

Người đi theo đáp:

- Đề-bà-đạt-đa dùng tay không chế con voi nằm trước cửa thành, ngăn cản lối đi. Thứ đến, Nan-đà dùng ngón chân hất con voi qua một bên, nên những người đi đường tập họp lại xem.

Thái tử liền suy nghĩ rằng: “Nay chính là lúc ta thể hiện sức mạnh.” Thái tử liền dùng tay nắm con voi ném ra ngoài thành, lại đưa tay đỡ lấy, nên voi kia không bị thương tổn, đồng thời, voi sống trở lại mà không bị đau đớn. Mọi người trông thấy đều khen là việc chưa từng có. Vua nghe việc ấy thì rất ngạc nhiên.

Thái tử, Đề-bà-đạt-đa, Nan-đà và nhân dân khắp nơi đều nhóm họp đông đủ. Bấy giờ, trong thượng uyển trang hoàng rực rỡ, đặt nhiều loại trống như: Trống vàng, trống bạc, trống đồng, trống sắt, trống đá... mỗi loại có bảy cái.

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa là người bắn đầu tiên, thùng ba cái trống vàng, thứ đến, Nan-đà bắn cũng thùng ba cái, những người đến xem hết lòng khen ngợi.

Bấy giờ, các vị quần thần thưa với thái tử rằng:

- Đề-bà-đạt-đa và Nan-đà đều đã bắn xong, nay đến lượt Thái tử, xin Ngài bắn những cái trống kia.

Mời ba lần như thế, Thái tử mới trả lời:

- Vâng!

Và nói rằng:

- Nếu muốn ta bán những cái trống kia thì cung này không đủ lực, tìm cây cung khác mạnh hơn.

Quần thần thưa:

- Tổ vương của Thái tử có một cây cung tốt, đang để trong kho.

Thái tử bảo:

- Hãy mang đến đây!

Khi mang cung đến, Thái tử liền cầm cung lắp tên, bắn xuyên qua những cái trống, vọt xuống ao, rẽ nước xuyên qua núi Đại Thiết vi.

Lúc bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa và Nan-đà thì đầu vật, nhưng hai người ngang nhau. Thái tử đến dùng tay nắm hai em quật ngã xuống đất, do sức từ bi nên không bị thương tổn. Nhân dân ở khắp nơi đều thấy Thái tử có sức mạnh như thế, cất cao giọng hô rằng: “Thái tử của vua Bạch Tịnh không chỉ có trí huệ hơn tất cả mọi người mà sức mạnh cũng chẳng ai sánh bằng.” Ai cũng khen ngợi, khâm phục và càng thêm cung kính.

Vua Bạch Tịnh suy nghĩ: “Thái tử trí huệ, sức mạnh đều vẹn toàn, nay phải nên lấy nước bốn biển rưới lên đánh cho Thái tử.” Vua lại ban chiếu chỉ xuống cho vua các nước nhỏ, vào ngày mùng tám tháng hai làm lễ Quán đảnh⁴⁵ cho Thái tử, tất cả đều phải nhóm họp đông đủ. Đến ngày mùng tám tháng hai, vua các nước nhỏ và tiên nhân, Bà-la-môn đều nhóm họp.

Hôm ấy, hoàng cung được trang hoàng lộng lẫy, treo tràng phan, bảo cái, đốt hương, rải hoa, đánh chuông trống, thổi các kỹ nhạc, dùng chậu bảy báu đựng nước bốn biển. Mỗi vị tiên nhân đội trên đầu, sau đó trao cho Bà-la-môn, chuyển như thế cho đến các vị đại thần, cuối cùng trao cho vua. Vua lấy nước ấy rưới lên đánh của Thái tử, đồng thời mang ấn bảy báu trao cho Thái tử, lại đánh trống lớn và cất cao giọng hô rằng: “Hôm nay lập Tát-bà-tát-đạt làm Thái tử!” Lúc đó, trên hư không Trời, Rồng, Dạ-xoa, nhơn và phi nhơn... thổi các kỹ nhạc, đồng cất lời khen rằng: “Hay thay!” Ngay lúc nước Ca-tỳ-la-bái-đâu lập Thái tử thì vua tám nước khác cũng lập Thái tử.

Lúc bấy giờ, Thái tử xin ra ngoài thành dạo chơi, vua liền chấp nhận. Khi ấy, vua cùng Thái tử, quần thần đi tuần khắp nước, sau đó đi đến thăm ruộng của vua. Thái tử nghỉ ở bên gốc cây Diêm-phù, xem những người nông dân cấy ruộng. Bấy giờ, trời Tịnh Cư hóa ra các con trùng trong đất, chim bay theo mổ. Thái tử thấy cảnh tượng như vậy, khởi lòng từ bi, liền nghĩ rằng: “Chúng sinh thật đáng thương, cứ ăn nuốt lẫn nhau.” Ngài liền tư duy, xa lìa tham ái cõi dục, cho

⁴⁵ **Quán đảnh**: nghi thức dùng nước rưới lên đầu ở Ấn Độ thời xưa. Khi vua lên ngôi và lập Thái tử, Quốc sư dùng nước bốn biển rưới lên đánh để chúc phúc (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập IV, tr. 3799).

đến đặc quả vị Tứ thiên. Lúc mặt trời lên cao, ánh nắng chiếu vào thì những cành cây chuyển theo che mát cho Thái tử.

Bấy giờ, vua Bạch Tịnh hỏi tìm Thái tử khắp nơi, người tùy tùng tâu rằng:

- Tâu Đại vương! Thái tử đang ngồi bên gốc cây Diêm-phù.

Vua và các quần thần liền đến nơi ấy, từ xa trông thấy Thái tử ngồi ngay thẳng tư duy, lại thấy cành cây chuyển theo che mát cho Thái tử, trong lòng cảm thấy rất kỳ lạ. Vua liền đến nắm tay Thái tử và hỏi rằng:

- Sao con ngồi ở đây?

Thái tử thưa:

- Con thấy cảnh chúng sinh ăn nuốt lẫn nhau thật đáng thương!

Vua nghe nói thế, lòng sinh lo buồn, sợ Thái tử xuất gia, vua nghĩ: “Ta phải nhanh chóng cưới vợ đẹp để làm cho Thái tử quên đi chí nguyện đó.” Vua liền bảo Thái tử và mọi người trở về cung.

Thái tử thưa:

- Xin cho con ở lại đây chốc lát!

Vua nghe nói vậy, trong lòng liền nghĩ rằng: “Lời của tiên nhân A-tu-đà nói trước kia, nay Thái tử sẽ như vậy sao!” Vua liền rơi lệ, gọi Thái tử và mọi người về cung. Thái tử thấy vua cha như thế, liền đi theo về. Khi về cung, vua lại lo sợ Thái tử không được vui, nên cấp thêm các kỹ nữ để làm vui lòng Thái tử.

Năm Thái tử 17 tuổi, vua nhóm họp các vị quần thần cùng nhau bàn bạc. Vua nói:

- Nay Thái tử đã lớn khôn, phải tìm người kết hôn với Thái tử.

Quần thần tâu rằng:

- Có một Bà-la-môn dòng họ Thích, tên là Ma-ha-na-ma, có người con gái tên là Gia-du-đà-la, dung mạo đoan chánh, thông minh trí huệ, hiền thực, tài giỏi hơn người, đầy đủ lễ nghi. Người có những đức như thế, có thể làm vợ Thái tử.

Vua nói:

- Nếu đúng như lời các khanh nói thì hãy chọn nàng ấy.

Vua trở về cung, liền ra lệnh cho một cung nữ sống lâu trong cung, thông minh, có trí huệ đến nhà trưởng giả Ma-ha-na-ma, ở đó bảy ngày, xem xét dung nghi, lễ giáo người con gái kia như

thế nào. Người ấy vâng lệnh của vua, liền đến nhà Trưởng giả kia ở bảy ngày, sau đó trở về tâu vua rằng:

- Tâu Đại vương! Thần thấy cô gái này dung mạo đoan chánh, cử chỉ đi đứng không ai sánh bằng.

Vua nghe nói thế, lòng rất vui mừng, liền sai quần thần đến nói với Ma-ha-na-ma rằng:

- Thái tử nay đã lớn. Triều đình muốn tuyển chọn phi, con gái của ông có thể làm vợ Thái tử, mong ông chấp nhận.

Ma-ha-na-ma tâu vua rằng:

- Thần cung kính vâng theo Thánh chỉ!

Lúc đó, vua liền ra lệnh cho các quần thần chọn ngày tốt, mang một vạn cỗ xe đến rước Gia-du-đà-la về hoàng cung kết hôn cùng Thái tử. Vua lại thêm các kỹ nữ, ngày đêm múa hát vui chơi.

Lúc bấy giờ, Thái tử thường cùng vợ đi, đứng, nằm, ngồi đều ở bên nhau, nhưng trong lòng không khởi niệm thế tục; giữa đêm thanh vắng, thường tu tập thiền quán. Mỗi ngày vua đều hỏi các kỹ nữ:

- Thái tử cùng Gia-du-đà-la có gần gũi nhau không?

Kỹ nữ tâu rằng:

- Tâu Đại vương! Tỳ nữ không thấy Thái tử thể hiện đạo vợ chồng.

Vua nghe nói lo lắng không vui, liền tăng thêm các kỹ nữ làm vui lòng Thái tử. Trải qua thời gian dài như thế mà vẫn không gần gũi, vua nghi ngờ, sợ Thái tử là một Huỳnh môn⁴⁶.

Khi Thái tử nghe các kỹ nữ ca ngâm về vườn cây hoa trái sum sê, dòng suối trong mát. Bỗng nhiên Thái tử muốn ra ngoài dạo chơi, liền sai các kỹ nữ đến tâu với vua rằng: “Tâu Đại vương! Thái tử ở trong cung đã lâu, nay muốn dạo chơi ngoài vườn cây.” Vua nghe nói, lòng rất vui

⁴⁶ **Ngũ chủng bất năng nam** (Huỳnh môn): năm hạng người không có bộ phận sinh dục nam hoặc có mà không được hoàn bị. Theo *luật Thập tụng 21*, năm hạng người này là:

1. Sinh bất năng nam: Khi sinh đã không có bộ phận sinh dục để hành dâm.
2. Bán nguyệt bất năng nam: Nửa tháng có thể hành dâm, nửa tháng không thể hành dâm.
3. Đố bất năng nam: Thấy người khác hành dâm liền nổi lên ghen ghét rồi khởi lên tâm dâm.
4. Tinh bất năng nam: Lúc hành dâm bộ phận sinh dục nam biết mất.
5. Bệnh bất năng nam: Bộ phận sinh dục nam bị bệnh mà cắt bỏ (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập III, tr. 2932).

mừng, nghĩ rằng: “Phải chăng Thái tử không muốn ở trong cung hành lễ vợ chồng, nên xin ra ngoài vườn cây dạo chơi.” Vua liền chấp nhận và ra lệnh cho các quần thần sửa sang vườn cây, lầu gác, những con đường Thái tử đi qua đều phải sạch sẽ. Thái tử đến cúi đầu lễ chân vua, từ biệt ra đi.

Khi ấy, vua liền ra lệnh cho một vị quan ở trong triều lâu năm, thông minh trí huệ, giỏi nói năng đi theo Thái tử.

Bấy giờ, Thái tử và các đại thần thứ tự đi ra cửa thành phía Đông; nhân dân trong nước nghe tin Thái tử đi ra thì nam nữ kéo đến đứng hai bên đường xem rất đông đúc. Lúc đó, trời Tịnh Cư hóa làm một người già, đầu bạc, lưng gù, chông gậy, bước đi chậm chạp. Thái tử thấy, liền hỏi người hầu rằng:

- Đây là người gì?

Người hầu thưa:

- Đây là người già.

Thái tử lại hỏi:

- Vì sao gọi là người già?

Người hầu thưa:

- Người này ngày xưa cũng từng sinh ra và lớn lên, biến đổi không ngừng, đến lúc các căn chín muồi, thân hình biến đổi, nhan sắc tiêu tụy, ăn uống không tiêu, khí lực suy yếu, ngồi đứng cực khổ, mạng sống không còn bao lâu, nên gọi là già.

Thái tử lại hỏi:

- Chỉ có người này già thôi hay tất cả mọi người đều như vậy?

Người hầu thưa:

- Tất cả mọi người đều phải như vậy.

Khi Thái tử nghe rồi, lòng rất đau khổ nghĩ rằng: “Ngày giờ qua mau, năm tháng biến đổi, tuổi già đến nhanh như điện chớp, thân này đâu đáng nương cậy. Ta tuy giàu sang, đâu thể tránh khỏi! Tại sao người đời không lo sợ?” Thái tử từ xưa đến nay vốn không thích cuộc sống thế tục mà lại nghe việc này, càng thêm nhàm chán, liền bảo quay xe trở về, buồn bã không vui. Vua nghe việc ấy, lòng càng lo lắng, sợ Thái tử sẽ xuất gia học đạo, nên tặng thêm kỹ nữ để làm vui lòng Thái tử.

Trải qua một thời gian ngắn sau, Thái tử lại xin ra ngoài dạo chơi. Vua nghe lòng rất lo lắng, nghĩ rằng: “Lần trước, thái tử ra gặp người già, buồn bã không vui, nay tại sao lại xin đi nữa?”

Nhưng vua quá thương Thái tử, nên miễn cưỡng chấp nhận. Đồng thời nhóm họp các quần thần, cùng nhau bàn bạc. Vua nói:

- Lần trước, Thái tử ra cửa thành phía Đông, gặp người già, trở về không được vui. Nay lại xin đi ra dạo chơi, Trẫm không thể từ chối, nên đành phải chấp nhận.

Quần thần tâu rằng:

- Đại vương nên ra lệnh cho các vị đại thần bên ngoài sửa sang đường sá, treo tràng phan, bảo cái bằng lụa quý, rải hoa, đốt hương thật lộng lẫy, không để có các thứ dơ bẩn và người già bệnh hai bên đường.

Lúc bấy giờ, ngoài bốn cửa thành của nước Ca-tỳ-la-bái-đâu, mỗi cửa có một khu vườn, cây cối, hoa quả, ao tắm, lầu gác, trang hoàng mọi thứ đều giống nhau. Vua hỏi các quần thần:

- Trong các khu vườn, lầu gác, nơi nào đẹp nhất?

Quần thần tâu rằng:

- Tất cả đều đẹp ngang nhau, giống như vườn Hoan Hỷ trên cung trời Đao-lợi.

Vua bảo rằng:

- Lần trước Thái tử đã ra cửa phía Đông, nay nên đi ra cửa phía Nam.

Bấy giờ, Thái tử cùng các quan đi ra cửa thành phía Nam. Lúc ấy, trời Tịnh Cư hóa làm một người bệnh, thân gầy bụng to, hơi thở mệt nhọc, còn da bọc xương, hình sắc vàng vọt, toàn thân run rẩy, không thể đứng vững, nhờ người diu đỡ ở bên đường. Thái tử thấy, liền hỏi:

- Đây là người gì?

Người hầu thưa:

- Đây là người bệnh.

Thái tử lại hỏi:

- Vì sao gọi là người bệnh?

Người hầu thưa:

- Sở dĩ có bệnh là do tham dục, ăn uống không chừng mực, bốn đại không điều hòa. Khi bệnh, toàn thân đau nhức, khí lực suy yếu, ăn uống rất ít, giấc ngủ không yên; tuy có thân thể và tay chân, nhưng không tự cử động, phải nhờ người khác giúp sức mới ngồi dậy được.

Bấy giờ, Thái tử nhìn người bệnh kia với lòng từ bi, lại sinh buồn rầu, hỏi rằng:

- Chỉ có người này bệnh thôi hay tất cả mọi người đều như vậy?

Người hầu thưa:

- Tất cả mọi người, không kể sang hèn đều có bệnh.

Thái tử nghe rồi, liền nghĩ rằng: “Bệnh khổ như thế, ngay đến trẻ con cũng không tránh khỏi, tại sao người đời cứ mãi tham đắm trong dục lạc mà không lo sợ?” Nghĩ như thế, lòng rất sợ hãi, thân tâm rung động, giống như bóng trăng hiện dưới sóng. Thái tử nói với người hầu rằng:

- Thân này là nơi chứa nhóm tất cả các khổ, người ở trong thế gian cứ mãi miết vui thích, ngu si mê hoặc, không biết tinh ngộ. Có sao hôm nay ta lại muốn đến khu vườn kia vui vẻ dạo chơi! Liền bảo quay xe trở về hoàng cung. Thái tử ngồi im lặng suy nghĩ, buồn bã không vui.

Vua hỏi người hầu rằng:

- Hôm nay, Thái tử ra ngoài dạo chơi vui không?

Người hầu tâu:

- Tâu Đại vương! Vừa ra cửa thành phía Nam thì gặp một người bệnh, do đó mà Thái tử không vui nên bảo quay xe trở về.

Vua nghe nói thế, lòng rất lo buồn, sợ Thái tử sẽ xuất gia học đạo.

Lúc bấy giờ, vua hỏi các quần thần rằng:

- Lần trước Thái tử ra cửa thành phía Đông gặp người già, nên buồn bã không vui, do việc ấy, Trẫm đã ra lệnh cho các khanh dọn dẹp, sửa sang đường sá sạch sẽ, không để người già, bệnh ở hai bên đường. Vậy tại sao hôm nay ở ngoài cửa thành phía Nam lại có người bệnh để cho Thái tử trông thấy?

Quần thần tâu rằng:

- Tâu Đại vương! Hạ thần vừa nhận Thánh chỉ, liền ra lệnh cho các quan ở bên ngoài canh phòng, dọn dẹp, không để các thứ dơ bẩn và người già, bệnh ở hai bên đường. Mọi người cùng nhau làm việc, chẳng dám trễ nãi, không biết tại sao bỗng nhiên xuất hiện một người bệnh, đây chẳng phải lỗi của chúng thần vậy.

Bấy giờ, vua hỏi những người hầu rằng:

- Các người thấy người bệnh ấy đi từ hướng nào đến?

Người hầu tâu rằng:

- Tâu Đại vương! Chúng thần không rõ tung tích, cũng chẳng biết từ đâu đến nữa.

Khi ấy, trong lòng vua vô cùng hoang mang, lo sợ Thái tử sẽ xuất gia học đạo, liền tăng thêm kỹ nữ ngày đêm múa hát làm vui cho Thái tử quên ý nghĩ đó và muốn Thái tử sinh tâm tham đắm trong năm dục⁴⁷.

Lúc bấy giờ, có người con của Bà-la-môn tên là Ưu-đà-di, thông minh trí huệ, có tài biện luận. Vua liền triệu vào cung và nói rằng:

- Nay Thái tử không thích ở đời hưởng thụ năm dục, ta sợ không bao lâu nữa sẽ xuất gia học đạo. Người có thể cùng Thái tử kết làm bằng hữu, nói năm món dục lạc ở đời, khiến tâm Thái tử rung động, không còn muốn xuất gia nữa chăng?

Ưu-đà-di liền tâu vua rằng:

- Tâu Đại vương! Thái tử thông minh không ai sánh bằng, uyên bác tất cả luận thư, có những điều thần chưa từng nghe biết thì làm sao dẫn dụ Thái tử được? Chẳng khác nào dùng sợi tơ nhỏ mà muốn treo núi Tu di. Thần cũng giống thế, suốt đời không thể chuyển được tâm Thái tử. Nhưng vua đã ra lệnh kết bạn cùng Thái tử thì thần sẽ dốc hết khả năng hiểu biết của mình dẫn dụ Thái tử.

Ưu-đà-di liền vâng lệnh vua, luôn theo Thái tử, đi, đứng, nằm, ngồi không dám rời xa. Vua lại chọn các kỹ nữ thông minh trí tuệ, dung mạo đoan chánh, hát hay, múa đẹp, có thể mê hoặc lòng người, trang sức lộng lẫy, trông rất xinh đẹp đến hầu hạ Thái tử.

Trải qua thời gian ngắn sau, Thái tử lại xin vua ra ngoài dạo chơi. Vua nghe thế liền nghĩ rằng: “Ưu-đà-di đã làm bạn với Thái tử, nay nếu ra ngoài dạo chơi chắc sẽ tốt đẹp hơn lần trước, tâm không còn chán ghét thế tục, thích xuất gia nữa.” Nghĩ như thế, vua liền chấp nhận.

Khi ấy, vua nhóm họp các vị đại thần và nói rằng:

- Hôm nay Thái tử muốn xin ra ngoài dạo chơi, trẫm đã chấp thuận! Lần trước Thái tử ra hai cửa thành phía Đông và Nam, đã thấy người già và bệnh, trở về buồn bã. Lần này nên dẫn Thái tử ra cửa phía Tây, ta lo khi Thái tử trở về lại không được vui, nhưng có Ưu-đà-di là bạn tốt. Ta mong sao lần này, lúc trở về không còn buồn như trước nữa. Các khanh mau cho người sửa sang đường

⁴⁷ **Ngũ dục:** năm thứ ham muốn sinh ra từ sự nhiễm trước năm trần cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc, tức là:

1. Sắc dục: ham muốn sắc đẹp của thế gian.
2. Thanh dục: ham muốn âm thanh.
3. Hương dục: ham muốn mùi hương.
4. Vị dục: ham muốn những thức ăn ngon.
5. Xúc dục: ham muốn những sự xúc chạm (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập III, tr. 2948).

sá, vườn cây, lầu gác đều phải trang nghiêm, đốt hương rải hoa, treo tràng phan, bảo cái nhiều hơn lần trước, không để có người già, bệnh và các thứ dơ bẩn hai bên đường.

Các quần thần nhận lệnh vua rồi, liền phổ biến cho các quan ở bên ngoài, tiến hành sửa sang đường sá và vườn cây rục rờ hơn lúc thường. Vua lại đưa các kỹ nữ đẹp đến vườn kia trước, đồng thời căn dặn Ưu-đà-di rằng: “Nếu ở hai bên đường mà gặp việc chẳng lành, nên tìm cách dẫn dụ làm vui lòng Thái tử.” Vua còn ra lệnh cho các quần thần, người theo hầu đều phải quan sát kỹ, nếu có điều gì không tốt thì nên đuổi ra xa.

Lúc bấy giờ, Thái tử và Ưu-đà-di cùng bá quan đốt hương, rải hoa, trỗi các kỹ nhạc đi ra cửa thành phía Tây. Khi ấy, trời Tịnh Cư nghĩ rằng: “Lúc trước ở hai cửa thành, ta hóa làm người già và bệnh cho mọi người cùng thấy, khiến vua Bạch Tịnh tức giận, quở trách những người đi theo và các quan ở bên ngoài. Hôm nay Thái tử đi dạo, vua ra lệnh rất nghiêm ngặt, nếu ta hóa làm người chết, khiến cho mọi người cùng thấy, vua càng tăng thêm sự tức giận, ắt sẽ trách phạt giết người vô tội. Nay ta hiện ra chỉ để mình Thái tử và Ưu-đà-di thấy mà thôi, để các vị đại thần không bị trách phạt.” Nghĩ thế rồi, liền hiện xuống, hóa thành một người chết và có bốn người khiêng đi, đem các loại hương hoa rải trên thân người chết, trong gia đình người lớn, trẻ nhỏ kêu khóc đưa tiễn. Khi ấy, chỉ có Thái tử và Ưu-đà-di trông thấy. Thái tử liền hỏi:

- Đây là vật gì mà dùng hoa hương trang sức và có mọi người kêu khóc đưa tiễn?

Ưu-đà-di vì vâng lệnh của vua, nên im lặng không đáp.

Thái tử hỏi ba lần như thế, vua cõi trời Tịnh Cư dùng sức oai thần khiến cho Ưu-đà-di tự nhiên đáp rằng:

- Đây là người chết.

Thái tử lại hỏi:

- Vì sao gọi là người chết?

Ưu-đà-di đáp:

- Người lúc chết có gió sắc lạnh như đao, thổi vào cắt nát thân thể, khiến thần thức lìa khỏi xác, toàn thân và các căn không còn cảm giác. Người này ở đời, tham đắm năm dục, mền tiếc của cải, làm lụng cực khổ, chỉ biết cất giữ mà không biết sự vô thường, một khi chết đi thì lìa bỏ tất cả, lại bị ràng buộc bởi sự thương nhớ cha mẹ, thân bằng quyến thuộc. Sau khi mạng chug cũng giống như cây cỏ, ân nghĩa, tình cảm tốt xấu không còn liên quan. Người chết như thế thật đáng thương xót.

Thái tử nghe rồi, lòng rất run sợ, lại hỏi Ưu-đà-di rằng:

- Chỉ có người này chết thôi hay những người khác cũng sẽ như vậy?

Ưu-đà-di đáp

- Tất cả những người trong thế gian đều phải như thế, kẻ sang người hèn đều không thoát khỏi.

Bản tánh Thái tử vốn điềm tĩnh khó rung động, nhưng nghe nói thế, không thể tự trấn an được, liền nói nhỏ với Ưu-đà-di rằng:

- Ở thế gian còn có những sự chết chóc khổ sở như thế, tại sao tâm con người cứ buông lung, giống như cỏ đá không biết lo sợ? Ngài liền bảo người đánh xe quay trở về.

Người đánh xe thưa:

- Lần trước ra hai cửa đều chưa đến vườn cây, nửa đường thì quay trở về, khiến Đại vương tức giận quở trách. Nay tôi không dám làm như thế!

Ưu-đà-di nói với người đánh xe rằng:

- Như lời người nói thì không nên quay trở về, hãy tiến lên phía trước!

Khi đến khu vườn kia, trong đó bày biện hương hoa, treo tràng phan, bảo cái, trỗi các kỹ nhạc. Các kỹ nữ đoan chánh không khác gì thể nữ của các cõi trời, ở trước Thái tử tranh nhau múa hát, mong dùng sắc dục làm Thái tử động tâm. Nhưng tâm Thái tử vẫn an định không thể lay chuyển. Khi dừng lại trong vườn, nghỉ dưới bóng mát, Thái tử bảo thị vệ lui ra, một mình ngồi thẳng tư duy, nhớ lại lúc xưa từng ở bên cây Diêm-phù, tư duy đạt được cảnh giới xa lìa cõi dục, cho đến đắc quả Tứ thiên.

Lúc bấy giờ, Ưu-đà-di đến bên Thái tử nói rằng:

- Đại vương ra lệnh cho tôi kết bạn với Thái tử, nếu có những vui buồn gì thì cùng nhau giải bày.

Đạo bạn bè, có ba điều trọng yếu:

1. Nếu thấy có lỗi thì cùng nhau can gián.
2. Thấy có việc tốt thì sinh lòng vui mừng.
3. Ở trong hoạn nạn không rời bỏ nhau.

Nay tôi nói lời thành thật xin Thái tử đừng quở trách: Các vị vua đời trước và hiện nay đều vui thích thụ hưởng năm dục, rồi sau đó mới xuất gia. Tại sao Thái tử không hề đoái hoài đến? Lại nữa, người sống trên đời thì nên thuận theo hạnh làm người, không có người nào bỏ đất nước mà xuất gia học đạo. Chỉ xin Thái tử thụ hưởng năm dục, sinh con cháu để vương tộc không bị tuyệt tự.

Thái tử đáp rằng:

- Đúng như lời người nói, nhưng ta không làm tổn hại đất nước, cũng chẳng nói không thích năm dục, nhưng vì sợ cái khổ sinh, già, bệnh, chết nên không dám đâm trước vào năm dục. Người vừa nói các vị vua ngày xưa, trước thụ hưởng năm dục, sau đó mới xuất gia, nhưng các vị vua ấy hiện nay như thế nào? Do ưa thích tham đắm năm dục nên có người ở trong địa ngục, hoặc ở trong loài ngạ quỷ, hoặc ở trong loài súc sinh, hoặc ở trong hàng trời người, bị xoay chuyển mãi trong sự đau khổ như vậy. Vì thế, ta muốn lìa xa pháp khổ sinh, già, bệnh, chết, tại sao người bảo ta thụ hưởng năm dục?

Bấy giờ, Ưu-đà-di dù dốc hết tài hùng biện của mình để khuyên nhủ Thái tử vẫn không thể lay chuyển, liền im lặng trở về chỗ ngồi. Thái tử ra lệnh trở về hoàng cung. Ưu-đà-di và các kỹ nữ buồn bã lo lắng, sắc mặt ủ rũ, giống như vừa bị mất người thân. Thái tử về cung, buồn bã lạnh lùng hơn trước.

Vua Bạch Tịnh gọi Ưu-đà-di đến hỏi rằng:

- Hôm nay Thái tử ra ngoài có vui không?

Ưu-đà-di tâu rằng:

- Tâu Đại vương! Thái tử ra khỏi thành chưa bao xa, gặp một người chết, cũng không biết đi từ hướng nào đến, thần và Thái tử đều thấy. Thái tử hỏi rằng: “Đây là người gì?” Tự nhiên, thần đáp: “Đó là người chết.”

Lúc ấy, vua lại hỏi những người đi theo:

- Các khanh đều thấy người chết ở ngoài cửa thành phía Tây không?

Những người ấy tâu rằng:

- Tâu Đại vương! Chúng thần không thấy!

Vua nghe nói thế, trong lòng hiểu rõ, nghĩ rằng: “Chỉ có Thái tử và Ưu-đà-di thấy, đây là ý trời, chẳng phải lỗi của các vị đại thần. Nhất định đúng như lời tiên nhân A-tư-đà nói.” Nghĩ như thế rồi, tâm rất sâu khổ. Vua lại tặng thêm kỹ nữ để làm vui lòng Thái tử. Hàng ngày, vua sai người đến thăm hỏi và nói với Thái tử rằng: “Đất nước này là của Ngài, vì sao lại buồn bã?” Vua lại ra lệnh cho các kỹ nữ ngày đêm múa hát mong làm vui lòng Thái tử.

Vua Bạch Tịnh tuy biết đây là năng lực của trời chứ không phải là của người, nhưng vì quá thương Thái tử nên phải nói. Trong lòng tự suy nghĩ: “Lần trước Thái tử đã ra ba cửa thành, nay chỉ còn cửa thành phía Bắc chưa ra, chắc không bao lâu nữa sẽ xin ra dạo chơi. Ta phải cho trang hoàng vườn cây kia rộng rãi hơn trước, không để có các việc không vừa ý xảy ra.” Suy nghĩ rồi, liền ra lệnh cho các quân thần thực hiện.

Lúc đó, vua lại cầu nguyện rằng: “Nếu khi Thái tử ra cửa thành phía Bắc, mong các vị trời đừng hiện ra những điều không lành, khiến cho con tôi sinh lòng buồn rầu.” Cầu nguyện rồi, vua liền gọi người đánh xe đến căn dặn rằng:

- Nếu lần này đi dạo, ngươi nên mời Thái tử cưỡi ngựa để có thể trông thấy nhân dân khắp nơi trang trí lộng lẫy.

Bấy giờ, Thái tử xin ra ngoài dạo chơi, vua chấp nhận. Khi đó, Thái tử cùng Ưu-đà-di và đại thân đi ra cửa thành phía Bắc. Đến khu vườn kia, Thái tử xuống ngựa, nghỉ bên gốc cây, bảo thị vệ lui ra, một mình ngồi thẳng tư duy, nghĩ về các khổ già, bệnh, chết của thế gian. Lúc ấy, trời Tịnh Cư hóa làm một vị Tỳ-kheo, đắp y, mang bát, tay cầm tích trượng, nhìn xuống đất bước đi, dừng trước Thái tử. Thái tử thấy liền hỏi rằng:

- Ông là ai?

Tỳ-kheo đáp:

- Ta là Tỳ-kheo.

Thái tử lại hỏi:

- Sao gọi là Tỳ-kheo?

Tỳ-kheo đáp:

- Người có năng lực phá trừ giặc phiền não, không thọ thân sau, nên gọi là Tỳ-kheo. Tất cả những thứ trên thế gian này đều là vô thường giả tạm, ta tu học pháp Vô lậu Thánh đạo, không chấp trước vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, hoàn toàn được Vô vi, đến bờ giải thoát.

Nói thế rồi, vị ấy liền ở trước Thái tử, vận sức thân thông bay lên hư không mà đi. Ngay lúc ấy thì các quần thần, tùy tùng đều trong thấy.

Thái tử đã gặp vị Tỳ-kheo, lại nghe nói rõ về công đức của hạnh xuất gia, đứng với tâm niệm chán dục lạc đời trước của mình, liền xướng rằng: “Hay thay! Hay thay! Trong tất cả trời người, chỉ có pháp này là hơn hết, ta nhất định xuất gia tu học đạo ấy!” Nói như thế rồi, Ngài liền dong ngựa trở về hoàng cung.

Lúc ấy, Thái tử lòng rất vui mừng, nghĩ rằng: “Lần trước ta thấy các khổ già, bệnh, chết, ngày đêm thường bị nỗi sợ hãi bức bách. Hôm nay gặp vị Tỳ-kheo khai ngộ tâm ta, mở bày con đường giải thoát.” Nghĩ thế, Ngài liền tìm cách xin xuất gia.

Bấy giờ, vua Bạch Tịnh hỏi Ưu-đà-di rằng:

- Hôm nay Thái tử ra ngoài dạo chơi có vui không?

Ưu-đà-di tâu rằng:

- Tâu Đại vương! Trên đường đi Thái tử không gặp điều gì xấu cả. Nhưng khi vào trong vườn, Thái tử ngồi nghỉ dưới tàng cây, từ xa trông thấy một người cạo bỏ râu tóc, mặc y hoại sắc, đến trước Thái tử cùng nhau nói chuyện, sau đó bay lên hư không mà đi. Thần hoàn toàn không biết họ nói điều gì. Nhân đó, Thái tử ra lệnh quay xe trở về. Lúc ấy, diện mạo Thái tử rất vui vẻ, khi về đến hoàng cung, mới sinh lòng buồn bã.

Vua Bạch Tịnh nghe nói việc ấy, sinh tâm nghi ngờ, không biết đây là điềm gì? Trong lòng đau buồn, nghĩ rằng: “Thái tử nhất định sẽ bỏ hoàng cung xuất gia học đạo. Lại nữa, kết hôn đã lâu mà chưa có con, nay ta phải ra lệnh cho Gia-du-đà-la tìm cách gì để không tuyệt ngôi vị Quốc vương, lại phải canh giữ cẩn thận, chớ để Thái tử ra đi mà không hay biết.” Nghĩ như vậy rồi, liền bảo Gia-du-đà-la. Gia-du-đà-la nghe vua bảo thế, sinh lòng hổ thẹn, đứng im lặng không nói. Sau đó y theo lời vua, đi, đứng, nằm, ngồi Gia-du-đà-la không rời xa Thái tử. Vua lại tặng thêm các kỹ nữ đẹp để làm vui lòng Thái tử.

Năm 19 tuổi, Thái tử suy nghĩ: “Nay chính là lúc ta xuất gia.” Thái tử liền đến gặp vua cha, oai nghi an tường, giống như Đệ Thích đến chỗ Phạm thiên. Các quần thần bên cạnh trông thấy, tâu với vua rằng:

- Tâu Đại vương! Thái tử đang đến.

Vua nghe nói thế, vui buồn lẫn lộn. Thái tử đến cúi đầu lễ dưới chân vua. Vua ôm Thái tử và bảo ngồi xuống. Thái tử ngồi xuống thưa với phụ vương rằng:

- Ân ái gặp nhau sẽ có lúc xa lìa, xin phụ vương cho con xuất gia học đạo. Tất cả chúng sinh, hễ xa lìa người yêu thương là khổ, con muốn khiến họ được giải thoát, xin phụ vương rủ lòng thương chấp nhận, không ngăn cản chí nguyện của con.

Vua Bạch Tịnh nghe Thái tử thưa, lòng rất đau khổ, giống như dùng chày kim cương phá vỡ núi non, toàn thân rung động, không ngồi yên trên tòa của mình. Vua cầm tay Thái tử không nói nên lời, khóc lóc nghẹn ngào, một hồi lâu, nói nhỏ với Thái tử rằng:

- Con nên bỏ ý nghĩ xuất gia đi. Vì sao? Tuổi con còn trẻ, đất nước chưa có người kế vị, mà con lại giao cho ta, không hề đoái hoài đến!

Thái tử thấy phụ vương roi lệ, không chấp nhận, liền trở về cung, suy nghĩ đến việc xuất gia thì buồn bã không vui.

Lúc bấy giờ, trong nước Ca-tỳ-la-bái-đâu, các thầy tướng giỏi đoán biết Thái tử qua bảy ngày sau nếu không xuất gia, sẽ làm Chuyển Luân vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, bảy báu tự đến. Mỗi người đều đem sự hiểu biết của mình đến tâu vua rằng:

- Tâu Đại vương! Dòng họ Thích-ca từ nay sẽ hưng thịnh.

Vua nghe nói, lòng rất vui mừng, liền bảo với quần thần và những người họ Thích rằng:

- Các khanh nghe thầy tướng nói chẳng? Các khanh phải ngày đêm hầu hạ và bảo vệ Thái tử.

Vua lại ra lệnh ở bốn cửa thành, mỗi cửa 1000 người, xung quanh ngoài thành khoảng một do tuần, sắp đặt người canh giữ, lại bảo Gia-du-đà-la và các quan nội cung phải luôn cảnh giác, trong vòng bảy ngày đừng để Thái tử xuất gia.

Lúc ấy, vua đến Đông cung. Từ xa trông thấy, Thái tử liền ra nghinh đón, cúi đầu đánh lễ và hỏi thăm sức khỏe. Vua nói với Thái tử rằng:

- Ngày trước ta nghe tiên nhân A-tư-đà và các thầy tướng nói có những điềm lành kỳ lạ khi con vừa sinh. Ta biết chắc con không thích ở đời, nhưng việc kế thừa đất nước rất quan trọng, phải có người tiếp nối. Chỉ mong con sinh cho ta một hoàng tôn, sau đó ta sẽ chấp nhận cho con xuất gia.

Khi Thái tử nghe vua cha nói thế, suy nghĩ rằng: “Sở dĩ phụ vương ngăn cản ta, chính vì đất nước không có người nối dõi mà thôi.” Nghĩ như vậy, liền thưa vua cha rằng: “Hay thay! Con sẽ vâng lệnh.” Thái tử liền dùng tay trái chỉ vào bụng vợ, khi ấy Gia-du-đà-la cảm thấy toàn thân khác lạ, tự biết mình có thai. Vua nghe Thái tử nói như thế, lòng rất vui mừng, nghĩ rằng: “Trong vòng bảy ngày, nhất định chưa thể có con được, nếu qua thời gian đó, Thái tử sẽ làm Chuyển Luân vương thì không còn muốn xuất gia nữa.”

Lúc bấy giờ, Thái tử nghĩ rằng: “Ta đã 19 tuổi, hôm nay là ngày mùng bảy tháng hai, ta phải tìm cách xuất gia. Vì sao? Nay đã đúng lúc, hơn nữa lòng mong cầu của phụ vương đã toại nguyện.” Nghĩ như thế, toàn thân Thái tử phóng ra ánh sáng chiếu soi đến cung trời Tứ Thiên vương và trời Tịnh Cư, những người thế gian không thấy được ánh sáng đó.

Khi ấy, các vị trời thấy ánh sáng, đều biết đã đến lúc Thái tử xuất gia, liền xuống chỗ Thái tử, cúi đầu đánh lễ và chấp tay thưa rằng:

- Từ vô lượng kiếp, ước nguyện tu tập của Ngài hôm nay đã đúng lúc!

Thái tử nói với các vị trời rằng:

- Các người nói nay đã đúng lúc, nhưng phụ vương ra lệnh cho các quần thần trong ngoài canh giữ nghiêm ngặt, ta muốn đi cũng không được.

Các vị trời thưa rằng:

- Chúng tôi tự sắp xếp mọi việc để Thái tử ra đi mà không ai biết.

Nói xong, họ dùng thần lực, khiến cho các quần thần đều ngủ say.

Lúc đó, Gia-du-đà-la trong lúc nằm ngủ, mộng thấy ba điều:

1. Thấy mặt trăng rơi xuống đất.
2. Thấy răng bị rụng.

3. Thấy mất cánh tay phải.

Bà giật mình tỉnh giấc, trong lòng lo sợ, liền nói với Thái tử rằng:

- Thiếp ngủ thấy ba điềm mộng dữ.

Thái tử hỏi rằng:

- Nàng nằm mộng thấy điều gì?

Gia-du-đà-la trình bày đầy đủ điều mình nằm mộng.

Thái tử nói rằng:

- Trăng vẫn ở trên trời, răng không bị rụng, tay vẫn còn đây. Nàng nên biết, các điềm mộng đều là giả dối chẳng thật, nàng không nên vọng sinh lo lắng.

Gia-du-đà-la lại nói với Thái tử:

- Thiếp tự nghĩ, giấc mộng này là điềm báo Thái tử sẽ xuất gia.

Thái tử lại nói:

- Nàng cứ an tâm ngủ đi, đừng nghĩ ngợi nhiều, ta không để việc xấu đến với nàng đâu!

Gia-du-đà-la nghe nói như thế thì liền ngủ.

Lát sau, Thái tử ngồi dậy, nhìn khắp các kỹ nữ và Gia-du-đà-la, tất cả đều như người gỗ, giống như cây chuối, bên trong không bèn chắc, hoặc có người nằm tựa lên các nhạc cụ, tay chân buông thõng xuống đất, lại có người nằm gối vào nhau, nước mắt, nước mũi, nước dãi chảy ra. Thái tử lại quán chiếu thân thể của vợ và các kỹ nữ thì thấy có tóc, móng, tủy, não, xương, răng, sọ, da, thịt, gân, mạch, mỡ, máu, tim, phổi, lá lách, thận, ruột, mật, dạ dày, phân, tiểu, đờm, giải. Bên ngoài là một đấng da, bên trong chứa đầy các thứ tanh hôi, không có một chỗ nào đáng tin cậy, mà họ lại cố xông ướp hương hoa, lụa tốt để trang sức, giống như vay mượn rồi sẽ trả lại, cũng không tồn tại lâu dài. Mạng người trăm tuổi, nằm hết nửa đời, lại quá nhiều sầu muộn, niềm vui không được bao nhiêu. Người thế gian thường thấy điều đó mà tại sao không tỉnh ngộ, lại ở trong ấy tham đắm dục lạc? Nay ta sẽ học theo hạnh tu tập của chư Phật đời quá khứ, nhanh chóng lánh xa đồng lứa lớn này.

Đến cuối đêm, vua trời Tịnh Cư và các vị trời ở cõi Dục hiện đầy khắp hư không, cùng nói với Thái tử rằng:

- Thừa Thái tử! Quyển thuộc trong ngoài đều đã ngủ say, bây giờ chính là lúc Ngài xuất gia!

Nghe rồi, Thái tử liền đến chỗ Xa-nặc. Do thân lực của trời Xa-nặc tự thức dậy.

Thái tử nói rằng:

- Người hãy dẫn ngựa Kiền trắc đến đây cho ta!

Xa-nặc nghe thế, toàn thân run rẩy, trong lòng lưỡng lự; một là không muốn trái ý Thái tử, hai là sợ lệnh vua nghiêm ngặt. Suy nghĩ hồi lâu, roi lệ nói rằng:

- Đại vương ra lệnh nghiêm ngặt như vậy! Đêm khuya thế này chẳng phải lúc đi dạo, cũng không phải lúc đi đánh dẹp kẻ địch, tại sao bỗng nhiên Thái tử bảo đi dắt ngựa đến. Ngài định đi đâu?

Thái tử lại nói với Xa-nặc rằng:

- Nay ta vì tất cả chúng sinh và hàng phục giặc phiến não, người không nên trái ý ta!

Lúc ấy, Xa-nặc cố khóc lớn tiếng, muốn cho Gia-du-đà-la và hàng quyến thuộc đều biết Thái tử sẽ ra đi, nhưng do thần lực của trời nên họ ngủ mê man không hay biết.

Xa-nặc liền đi dẫn ngựa đến, Thái tử đi ra, nói với Xa-nặc và Kiền-trắc:

- Tất cả sự ân ái, yêu thương, hội tụ cũng có lúc chia lìa, việc thế gian muốn thành tựu thì rất dễ, nhưng nhân duyên xuất gia rất khó thành.

Xa-nặc nghe rồi im lặng, Kiền trắc cũng không kêu.

Bấy giờ, Thái tử thấy trời gần sáng, thì thân phóng ánh sáng, chiếu khắp mười phương, đồng thời cất giọng như sư tử hồng: “Pháp xuất gia của chư Phật đời quá khứ như thế nào, nay ta cũng sẽ làm như vậy.” Lúc ấy, các vị trời nâng bốn chân ngựa và đỡ Xa-nặc bay đi, Thích-đề-hoàn-nhân cầm bảo cái bay theo che, các vị trời khiến cho cửa thành phía Bắc tự nhiên mở ra, không có tiếng động. Thái tử từ cửa này ra đi, trên hư không các vị trời bay theo khen ngợi.

Thái tử lại cất giọng như sư tử hồng: “Nếu ta không chấm dứt được sinh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não thì suốt đời không trở về hoàng cung. Nếu ta không chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lại không thể chuyển bánh xe pháp thì ta quyết không trở về gặp phụ vương. Nếu không diệt được tâm ân ái thì suốt đời không về gặp Ma-ha-ba-xà-ba-đề và Gia-du-đà-la.”

Lúc Thái tử phát nguyện như thế, trên hư không các vị trời khen ngợi rằng: “Hay thay! Lời nguyện này nhất định sẽ thành tựu.” Đến lúc trời sáng thì Thái tử đã đi được ba do-tuần. Các vị trời đi theo Thái tử đến nơi, công việc đã xong, bỗng nhiên biến mất.

Lúc bấy giờ, Thái tử đến chỗ tiên nhân Bạt-già⁴⁸ trong rừng Khổ Hạnh. Thấy khu rừng này vắng lặng, lòng rất vui mừng, toàn thân an định, liền bước xuống ngựa, vỗ vào lưng nó nói rằng: “Việc khó làm nay người đã làm xong.” Lại nói với Xa-nặc:

⁴⁸ **Bạt-già**: là vị tiên tu ở rừng Khổ Hạnh, nước Tỳ-xá-ly. Sau khi vượt thành xuất gia, đức Thích Tôn đã đi thẳng đến khu rừng này hỏi đạo với Bạt-già, do đó mà vị Tiên này được nổi tiếng (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 439).

- Ngươi phi rất nhanh, giống như chim đại bàng cánh vàng chúa. Ngươi thường theo ta chưa từng rời xa. Ở thế gian có người tâm tốt, nhưng thân không thuận theo, có người vận dụng sức của thân, nhưng tâm không thích ứng. Nay tâm và thân của ngươi không trái nhau. Lại nữa, người thế gian thường tranh nhau cung phụng người giàu sang. Nay ta đã bỏ đất nước đến khu rừng này, chỉ có mình ngươi chịu theo là việc rất hiếm có vậy. Nay ta đã đến chỗ yên tĩnh, ngươi có thể cùng Kiền trắc trở về hoàng cung.

Xa-nặc nghe nói thế, lòng không kềm chế được, đau xót khóc lóc, mê ngất ngã xuống đất. Kiền-trắc nghe bị đuổi về thì quỳ xuống liếm chân Thái tử, nước mắt tuôn như mưa.

Xa-nặc thưa:

- Nay tôi làm sao vâng theo lời của Thái tử được? Lúc trong cung, tôi đã trái lệnh Đại vương dẫn Kiền trắc đến cho Thái tử để đến nơi này. Phụ vương và Ma-ha-ba-xà-ba-đề thấy mất Thái tử, sẽ rất lo buồn, trong ngoài hoàng cung cũng sẽ chấn động. Lại nữa, ở đây nhiều hiểm trở, thú dữ, trùng độc đầy dẫy chặn đường, làm sao tôi bỏ Thái tử một mình mà trở về hoàng cung được?

Thái tử nói với Xa-nặc rằng:

- Theo pháp của thế gian, sinh một mình thì chết cũng một mình, há có bạn ư? Lại có các khổ sinh, già, bệnh, chết, làm sao ta làm bạn với chúng được? Ta nay muốn đoạn trừ các khổ mà đến nơi này. Khi nào đoạn được các khổ, sẽ làm bạn cùng chúng sinh. Bây giờ ta chưa lìa các khổ thì làm sao kết bạn cùng ngươi được?

Xa-nặc lại nói:

- Thái tử sinh ra và lớn lên trong thâm cung, thân thể, chân tay mềm mại, nằm ngủ trên giường nệm êm ái, mai này làm sao dẫm lên gai góc, sỏi đá, bùn đất thế này được? Lại còn ngủ dưới gốc cây?

Thái tử nói:

- Đúng như lời ngươi nói, giả sử ta ở trong cung có thể tránh được họa gai góc, nhưng các khổ già, bệnh, chết sẽ tự tìm đến ta.

Xa-nặc nghe Thái tử nói thế, khóc lóc bi thảm đứng im. Khi ấy, Thái tử đến chỗ Xa-nặc lấy cây kiếm bảy báu, cất giọng như sư tử hồng: “Chư Phật quá khứ vì thành tựu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên xa lìa những trang sức tốt đẹp, cạo bỏ râu tóc, ta nay cũng sẽ làm theo chư Phật.” Nói như thế liền cởi mũ báu và hạt minh châu trong búi tóc trao cho Xa-nặc, nói rằng:

- Ngươi vì ta có thể đem mũ báu và hạt minh châu này về để dưới chân vua, tâu rằng: “Tâu Đại vương! Thái tử không phải vì thích sinh lên cõi trời, cũng không phải không hiểu thuận với cha mẹ, cũng không phải vì tâm sân hận, bực tức, chỉ vì sợ các khổ sinh, già, bệnh, chết; vì muốn chấm dứt nó nên ra đi mà thôi.” Ngươi vui vẻ giúp ta, không nên đối với việc tốt mà sinh lòng buồn bã. Nếu phụ vương nói ta xuất gia chưa phải lúc, ngươi vì ta tâu với vua rằng: “Tâu Đại

vương! Các khổ già, bệnh, chết đến há có thời gian nhất định ư? Con người tuy còn trẻ cũng đâu tránh khỏi?” Nếu Đại vương còn trách ta rằng: “Phải có con mới cho xuất gia, vì sao nay chưa có con mà lại ra đi? Hơn nữa, lúc ra đi không xin phép,” người vì ta tâu rõ với phụ vương: “Gia-du-đà-la đã có thai từ lâu.” Vua có hỏi nữa thì nói: “Lúc trước vua cho phép như vậy, chẳng phải tự ý. Ngày xưa các vị Chuyển Luân Thánh vương nhằm chán ngôi vị Quốc vương, vào trong núi rừng xuất gia học đạo, không có ai giữ chừng trở về thọ năm dục cả. Nay ta xuất gia cũng vẫn như thế, nếu chưa thành Phật, suốt đời không trở về hoàng cung. Quyển thuộc trong ngoài rất yêu thương Ta, có thể giúp người giải thích với vua, người chớ vì ta mà lo buồn.”

Thái tử lại tháo chuỗi bảy báu trên chân trao cho Xa-nặc, nói rằng:

- Người có thể vì ta mang chuỗi bảy báu này dâng lên cho Ma-ha-ba-xà-ba-đề và nói: “Nay ta vì muốn đoạn gốc của các khổ nên ra khỏi hoàng cung, mong hoàn thành chí nguyện này, đừng vì ta mà sinh lòng buồn khổ.” Lại tháo các thứ trang sức trên thân mang về trao cho Gia-du-đà-la cũng nói rằng: “Ồ đời, xa lìa người yêu thương là khổ, ta nay vì muốn đoạn các khổ này, nên mới xuất gia học đạo, đừng vì ta mà sinh lòng sầu não.” Và các quyển thuộc cũng đều như thế.

Bấy giờ, Xa-nặc nghe nói thế, càng thêm buồn thảm, nhưng không nỡ trái lệnh của Thái tử, liền quỳ xuống nhận lấy mũ báu, hạt minh châu, chuỗi anh lạc, và các thứ trang sức, rơi lệ nói rằng:

- Tôi nghe Thái tử nói ra chí nguyện như vậy thì toàn thân rung động. Giả sử có người nào tâm như gỗ đá mà nghe nói điều này cũng phải xúc động, huống gì tôi từ nhỏ đã theo hầu Thái tử, nghe phát lời thệ nguyện này mà không xúc động. Mong Thái tử bỏ chí nguyện đó, chớ để phụ vương, Ma-ha-ba-xà-ba-đề, Gia-du-đà-la và hàng quyển thuộc sinh lòng buồn khổ. Nếu Thái tử quyết định không đổi ý thì đừng ở nơi này và không đuổi tôi về. Tôi nguyện theo hầu Thái tử, trọn đời không rời xa. Nếu tôi trở về hoàng cung sẽ bị vua quở trách, tại sao bỏ Thái tử một mình mà về, tôi trả lời với vua như thế nào đây?

Thái tử đáp:

- Người không nên nói như vậy. Ở đời đều phải chia lìa, đâu thể đoàn tụ mãi. Chính ta lúc mới sinh ra bảy ngày thì mẹ qua đời. Mẹ con còn chia lìa bởi sinh tử, huống gì là người khác?” Người đừng vì ta mà sinh lòng quyến luyến, nên cùng Kiên-trắc trở về hoàng cung.

Thái tử bảo nhiều lần như thế mà Xa-nặc vẫn không chịu đi.

Bấy giờ, Thái tử dùng kiếm bén tự cắt tóc và phát nguyện rằng: “Nay tóc rơi xuống, nguyện cùng tất cả chúng sinh đoạn hết các phiền não và nghiệp chướng.” Thích-đề-hoàn-nhân húng tóc mang đi. Bấy giờ, các vị trời trên hư không, đốt hương rải hoa, cùng khen ngợi rằng: “Hay thay! Hay thay!”

Khi Thái tử cắt tóc rồi, tự thấy thân mình còn mặc áo bảy báu, liền nghĩ: “Pháp xuất gia của chư Phật đời quá khứ không phải mặc y phục như vậy.” Lúc ấy, trời Tịnh Cư hóa làm người thợ săn ở trước Thái tử, thân mặc ca-sa, Thái tử trông thấy thì rất vui mừng, nói rằng:

- Y ông mặc là y tịch tịnh, biểu tượng của các chư Phật đời quá khứ. Tại sao ông mặc y này mà làm những điều tội lỗi?

Người thợ săn đáp:

- Ta mặc ca-sa để dụ đàn nai, chúng thấy mặc ca-sa mới dám đến gần, do đó tôi dễ dàng giết nó.

Thái tử lại nói:

- Nếu như lời ông nói thì mặc ca-sa này chỉ muốn giết đàn nai thôi, chứ không phải mặc để cầu giải thoát sao? Nay ta mang áo báu này cùng ông trao đổi; ta mặc ca-sa này vì muốn thâm nhiếp, cứu độ và đoạn trừ phiền não cho tất cả chúng sinh.

Người thợ săn đáp:

- Hay thay! Tôi chấp nhận.

Thái tử liền cởi áo báu trao cho người thợ săn còn mình đắp ca-sa theo cách mặc của chư Phật đời quá khứ.

Lúc ấy, trời Tịnh Cư hóa lại thân cũ, bay lên hư không, trở về cung trời. Bấy giờ, trên hư không có ánh sáng lạ, Xa-nặc trông thấy rất ngạc nhiên khen là điều chưa từng có. Nay ứng hiện điềm lành này, chẳng phải việc nhỏ vậy.

Xa-nặc thấy Thái tử cạo bỏ râu tóc, thân mặc pháp phục, biết chắc Thái tử sẽ không trở về, lòng càng thêm buồn khổ, ngắt xiêu ngã xuống đất.

Bấy giờ, Thái tử nói rằng:

- Người nên xả bỏ tâm sầu khổ mà trở về hoàng cung trình bày đầy đủ ý của ta.

Nói xong, Thái tử từ từ tiến về phía trước. Xa-nặc khóc nức nở và đánh lễ cho đến lúc Thái tử đi khuất không còn trông thấy, sau đó mới đứng dậy, toàn thân run rẩy không thể làm chủ, quay nhìn Kiên-trắc và các thứ trang sức, khóc lóc nghẹn ngào. Rồi Xa-nặc dắt Kiên-trắc, cầm mũ báu và những thứ trang sức, Xa-nặc gào khóc. Kiên-trắc kêu tiếng bi thương, theo đường cũ trở về.

Thái tử đến chỗ tiên nhân Bạt-già. Các loài chim, thú trong rừng thấy Thái tử thì ngấm nhìn chăm chú không nháy mắt. Tiên nhân Bạt-già từ xa trông thấy Thái tử, nghĩ rằng: “Đây là vị thần nào? Trời Nhật Nguyệt hay là trời Đế Thích?” Liền cùng quyến thuộc cung kính tôn trọng nghinh đón Thái tử và nói rằng:

- Hay thay! Nhân giả đến đây!

Thái tử thấy tâm ý của các tiên nhân rất nhu hòa, oai nghi an tường. Khi Thái tử đến thì oai đức của các tiên nhân không còn nữa, họ cùng nhau đến mời Thái tử ngồi. Thái tử ngồi xuống, quán xét sự tu tập của các vị tiên nhân kia; có người dùng cỏ làm áo, hoặc lấy vỏ cây, lá cây làm y

phục. Hoặc có người chỉ ăn cỏ cây hoa quả, hoặc có người ăn ngày một bữa, hoặc hai ngày một bữa, hoặc ba ngày một bữa. Họ theo pháp tu hành tự nhịn đói như thế. Hoặc có người thờ nước, lửa, hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, hoặc đứng co chân, hoặc nằm trên đất, hoặc có người nằm trên gai góc, hoặc có người nằm bên cạnh nước, lửa.

Thái tử thấy pháp tu khổ hạnh như thế, liền hỏi tiên nhân Bạt-già:

- Pháp tu khổ hạnh của các ông rất kỳ lạ, vì muốn cầu quả báo gì?

Tiên nhân đáp:

- Chúng tôi tu khổ hạnh là muốn sinh lên cõi trời.

Thái tử lại hỏi:

- Các cõi trời tuy vui, khi phước hết thì bị nghèo cùng, luân hồi trong sáu đường, cuối cùng cũng là chứa nhóm các khổ. Tại sao các ông lại tu nhân khổ để cầu quả báo khổ?

Thái tử tự than rằng: Người thương buôn vì của báu nên vào biển lớn, vua vì đất nước mà khởi binh đánh nhau. Nay các vị tiên nhân vì sinh lên cõi trời mà tu khổ hạnh.” Than như thế rồi đứng im lặng.

Tiên nhân Bạt-già liền hỏi Thái tử rằng:

- Ý Nhân giả thế nào mà im lặng không nói? Chúng tôi tu không chơn chánh sao?

Thái tử đáp:

- Pháp các ông tu đều rất khổ, nhưng cầu quả báo hoàn toàn không lia khổ.

Thái tử và các tiên nhân bàn luận cho đến chiều tối. Thái tử nghỉ lại đó một đêm, đến sáng hôm sau lại suy nghĩ: “Các vị tiên nhân tuy tu tập khổ hạnh, nhưng đều chẳng phải là đạo giải thoát chơn chánh. Vậy ta không nên ở lại đây,” liền từ biệt các tiên nhân mà ra đi.

Bấy giờ, các tiên nhân nói với Thái tử rằng:

- Nhân giả đến đây, chúng tôi rất hoan hỷ, lại khiến oai đức tôi càng thêm hưng thịnh. Nay vì sao muốn ra đi? Vì chúng tôi đối với Nhân giả mất oai nghi hay trong chúng xúc phạm đến Ngài? Vì lý do gì mà không muốn ở lại nơi này?

Thái tử đáp:

- Chẳng phải các ông thất lễ gì giữa chủ và khách, cũng không thiếu sót, nhưng sự tu tập của các ông làm tăng thêm nhân khổ. Nay ta học đạo chỉ vì đoạn tận gốc khổ, do nhân duyên này nên ta ra đi mà thôi.

Các tiên nhân bàn luận với nhau rằng: “Sự tu tập của vị này rất rộng lớn, làm sao chúng ta lưu giữ vị ấy được?”

Lúc bấy giờ, có một tiên nhân giỏi xem tướng, nói với mọi người rằng:

- Nhân giả này đầy đủ các tướng tốt, ắt sẽ thành bậc Nhất thiết chủng trí, là thầy của trời người.

Nói xong, liền đến chỗ Thái tử và thưa rằng:

- Đạo của chúng tôi khác, nên không dám giữ Ngài ở lại. Nếu Ngài muốn đi thì nên đi về hướng Bắc, ở đó có hai vị đại tiên tên A-la-la-ca-lan. Nhân giả có thể đến đó đàm luận, nhưng tôi biết Nhân giả cũng sẽ không ở lại nơi này.

Khi ấy, Thái tử liền đi về hướng Bắc. Các tiên nhân thấy Thái tử ra đi, trong lòng buồn bã, chấp tay đưa tiễn, nhìn theo đến lúc không còn thấy nữa, sau đó mới trở về.

Từ khi Thái tử ra khỏi cung đến lúc trời sáng, Gia-du-đà-la và các thế nữ thức dậy không thấy Thái tử thì khóc lóc thảm thiết, liền đến thưa với Ma-ha-ba-xà-ba-đề:

- Sáng nay bỗng nhiên mất Thái tử!

Ma-ha-ba-xà-ba-đề nghe nói thế liền ngất xỉu ngã xuống đất. Việc ấy lần lượt truyền đến tai vua. Khi vua nghe chuyện này thì sững sốt im lặng, giống người mất hồn, toàn thân tê cứng. Tất cả mọi người trong ngoài hoàng cung đều như thế.

Bấy giờ, các vị đại thần đến chỗ ở Thái tử xem xét và tìm kiếm khắp trong hoàng cung, thấy cửa thành phía Bắc tự nhiên mở ra, lại không thấy Xa-nặc và Kiên-trắc, liền hỏi người canh cửa:

- Ai mở cửa này?

Họ hỏi nhau, nhưng không ai biết. Hỏi những người canh giữ thì họ cũng không biết vì sao cửa mở.

Bấy giờ, các vị đại thần suy nghĩ: “Cửa phía Bắc mở, hẳn là Thái tử sẽ theo lối đó ra đi, nên nhanh chóng tìm Thái tử.” Vua liền ra lệnh cho một ngàn cỗ xe và một vạn kỵ mã phân ra bốn hướng tìm kiếm Thái tử, nhưng do thần lực của trời khiến họ lạc đường không biết lối đi, bèn quay về tâu với Đại vương rằng:

- Tâu Đại vương! Chúng thần đi tìm Thái tử, nhưng không thấy.

Lúc đó, Xa-nặc dẫn Kiên-trắc và mang các thứ trang sức, buồn bã khóc lóc, theo lối cũ trở về. Toàn thể nhân dân trong thành thấy vậy cũng đều kinh ngạc và sầu não, họ tranh nhau đến hỏi Xa-nặc rằng:

- Người đưa Thái tử đi đâu mà nay một mình cùng Kiên-trắc trở về?

Xa-nặc nghe mọi người hỏi vậy thì càng thêm đau buồn, không thể đáp được. Mọi người chỉ thấy trên lưng Kiên-trắc chở những thứ trang sức bầy báu mà không thấy Thái tử, giống như dùng hoa thơm, lụa là trang sức cho người chết vậy.

Khi Xa-nặc vừa đến trước hoàng cung thì Kiên-trắc bỗng cất tiếng kêu bi thương, các đàn ngựa trong chuồng cùng kêu lên tiếng sầu thảm. Quần thần bên ngoài thưa với Ma-ha-ba-xà-ba-đề và Gia-du-đà-la rằng:

- Nay chỉ có Xa-nặc và Kiên-trắc trở về!

Nghe nói thế, bà liền quy xuống đất, nghĩ rằng: “Sao chỉ có Xa-nặc và Kiên-trắc trở về mà không nghe nói đến Thái tử?”

Ma-ha-ba-xà-ba-đề nói rằng:

- Ta nuôi dưỡng Thái tử đến khi trưởng thành, nay bỏ ra đi không biết ở đâu? Giống như trồng cây ăn quả, đơm hoa kết trái, sắp chín rơi xuống đất. Lại nữa, như người đói gặp những món ngon, khi sắp ăn thì bỗng nhiên lật đổ.

Gia-du-đà-la lại nghĩ rằng: “Ta cùng Thái tử đi, đứng, nằm, ngồi không rời xa nhau, nay lại bỏ ta không biết đi đâu?” Các vị vua ngày xưa vào núi học đạo đều mang theo vợ con, không nữ xa lìa. Người thế gian một lần gặp gỡ, đến lúc xa nhau còn không quên, huống gì vợ chồng ân tình sâu nặng mà lại nhạt đến thế! Gia-du-đà-la lại chất vấn Xa-nặc rằng:

- Thà kết oán thù với người trí còn hơn gần gũi với người ngu! Người là kẻ ngu si, lên đưa Thái tử đi đâu, khiến dòng họ Thích-ca từ nay không còn hưng thịnh?

Lại trách Kiên-trắc:

- Người chở Thái tử ra khỏi hoàng cung, lúc sắp đi tại sao im lặng, nay trở về một mình lại kêu lên tiếng bi thương, là ý gì?

Xa-nặc liền thưa rằng:

- Xin phu nhân đừng trách tôi và Kiên-trắc. Vì sao? Đây là do thần lực của trời, chẳng phải sức người thường làm được. Đêm đó, phu nhân và thể nữ đều ngủ say, Thái tử bảo tôi đi dẫn ngựa đến. Lúc đó tôi khóc rất lớn muốn khiến cho phu nhân và các thể nữ nghe biết tỉnh giấc để can ngăn Thái tử, nhưng đến lúc dẫn Kiên-trắc đến mà vẫn không có ai thức. Cửa thành mỗi khi mở, tiếng vang xa bốn mươi dặm, nhưng nay mở lại không có tiếng động, những việc như thế, há chẳng phải do thần lực của trời sao? Lúc ra khỏi thành, trời sai các vị thần dùng tay nâng bốn chân ngựa và đỡ tôi bay đi, các vị trời trên hư không bay theo vô số, làm sao tôi có thể dừng lại được? Đến lúc trời sáng thì Thái tử đã đi được ba do-tuần. Khi đến chỗ của tiên nhân Bạt-già kia, lại có những điều kỳ lạ, xin cho phép tôi trình bày: Vừa đến chỗ tiên nhân Bạt-già trong rừng Khổ Hạnh, Thái tử liền xuống ngựa, lấy tay vỗ vào lưng nó và bảo tôi trở về hoàng cung. Lúc đó, tôi xin theo Thái tử suốt đời không có ý quay về, nhưng Thái tử đuổi tôi, không cho ở lại. Thái tử

còn đến chỗ tôi, lấy cây kiếm bảy báu và tự xưng lên rằng: “Các Đức Phật thời quá khứ vì thành tựu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà xa lìa những thứ trang sức tốt đẹp, cạo bỏ râu tóc. Ta nay cũng theo pháp của chư Phật vậy.” Nói như thế rồi, liền cởi mũ báu và tháo viên minh châu trong búi tóc bảo tôi mang về để dưới chân vua, lại tháo chuỗi bảy báu bảo tôi mang về trao cho Ma-ha-ba-xà-ba-đề, các thứ trang sức khác thì bảo trao cho Gia-du-đà-la. Tôi nghe Thái tử nói những lời này nhưng vẫn đứng hầu, không có ý trở về.

Bấy giờ, Thái tử dùng kiếm bén tự cắt tóc, các vị trời trên hư không bay xuống hứng lấy mang đi. Sau đó, Thái tử tiến lên phía trước thì gặp một người thợ săn. Thái tử đem chiếc áo bảy báu đang mặc đổi lấy y ca-sa của người thợ săn kia. Lúc ấy, trên hư không có ánh sáng lớn. Tôi thấy Thái tử thay đổi y phục thì biết chắc sẽ không trở về, tôi buồn rĩ rượi, lòng rất sầu não. Thái tử lại đi tiếp, đến chỗ tiên nhân Bạt-già thì tôi từ biệt trở về. Những điều kỳ lạ như thế đều do thần lực của trời, chẳng phải người thường làm được, xin phu nhân đừng trách tôi và Kiên-trắc.

Ma-ha-ba-xà-ba-đề và Gia-du-đà-la nghe Xa-nặc trình bày mọi việc rồi, trong lòng có chút tình ngộ nên im lặng không nói.

Bấy giờ, vua Bạch Tịnh vừa tỉnh lại, liền ra lệnh cho gọi Xa-nặc đến, nói rằng:

- Tại sao người làm cho những người dòng họ Thích đau khổ? Ta ra lệnh nghiêm ngặt, các quân thần canh giữ trong ngoài sợ Thái tử xuất gia, vì sao người còn dẫn Kiên-trắc đến cho Thái tử bí mật ra đi?

Xa-nặc nghe nói, sinh lòng lo sợ, tâu với vua rằng:

- Tâu Đại vương! Thái tử ra khỏi hoàng cung, thật chẳng phải lỗi của thần, xin Đại vương cho thần được trình bày rõ.

Xa-nặc liền mang mũ báu và hạt minh châu trong búi tóc để dưới chân vua và nói:

- Thái tử bảo thần mang mũ báu và hạt minh châu này để dưới chân Đại vương, còn chuỗi bảy báu trao cho Ma-ha-ba-xà-ba-đề, các thứ trang sức khác trao cho Gia-du-đà-la.

Vua thấy các vật ấy, càng thêm đau buồn, dù gỗ đá vẫn còn có tình cảm, huống gì tình nghĩa sâu nặng của cha con! Xa-nặc trình bày đầy đủ các việc như trước, đồng thời tâu với vua rằng:

- Tâu Đại vương! Thái tử bảo thần: “Nếu phụ vương có nói phải có con mới cho xuất gia, nay chưa có con tại sao ra đi, hơn nữa lúc ra đi lại không xin phép? Người có thể vì ta mà tâu với phụ vương rằng: “Gia-du-đà-la đã có thai từ lâu.” Phụ vương nên hỏi nàng ấy, lúc trước vua ra lệnh như thế, chẳng phải tự ý.” Vua nghe nói liền cho người gọi Gia-du-đà-la đến, hỏi rằng:

- Thái tử nói con có thai từ lâu, đúng thật như thế không?

Gia-du-đà-la thưa rằng:

- Lúc Đại vương đến Đông cung, Thái tử dùng tay chỉ vào bụng con, liền biết mình có thai.

Vua nghe nói lấy làm kỳ lạ, nổi buồn vui đi, nghĩ rằng: “Ngày trước sở dĩ ta hứa với Thái tử, phải có con mới cho xuất gia, vì nghĩ trong vòng bảy ngày nhất định không có con thì Thái tử sẽ làm Chuyển Luân vương, nhưng không ngờ chưa đủ bảy ngày mà lại có thai.” Vua tự trách mình trí huệ nông cạn, đặt ra cách này không thể giữ Thái tử lại được, mà vội vàng đưa ra giao ước, nghĩ đến vô cùng hối hận. Thái tử mưu lược như thần, vượt hẳn ý mọi người, việc hôm nay còn có thần lực của các vị trời giúp đỡ, ta không nên trách Xa-nặc!”

Bấy giờ, vua Bạch Tịnh suy nghĩ: “Thái tử xuất gia, nhất định sẽ không trở về, giả sử ta đưa ra cách khác cũng không thể giữ được. Tuy Thái tử bỏ đất nước xuất gia học đạo, nhưng đã có con nối dõi, không bị tuyệt tự. Nay ta sẽ bảo Gia-du-đà-la chăm sóc bảo hộ thai nhi thật tốt.”

Vua Bạch Tịnh nghĩ đến ân tình sâu nặng nên nói với Xa-nặc rằng:

- Nay ta phải đi tìm Thái tử, nhưng không biết bây giờ ở đâu? Thái tử đã bỏ ta ra đi học đạo, ta làm sao nhẫn tâm để Thái tử sống một mình được?

Liền sai người đi tìm đến chỗ ở của Thái tử.

Lúc bấy giờ, Quốc sư và các vị đại thần nghe vua muốn xuất cung đi tìm Thái tử, hai vị này cùng đến can ngăn:

- Đại vương không nên buồn bã. Vì sao? Thần xem tướng mạo của Thái tử thấy trong nhiều đời quá khứ đã xuất gia tu tập rồi. Giả sử cho làm Thích-đề-hoàn-nhân, Thái tử cũng không vui, hưởng gì ngôi vị Chuyển Luân vương mà có thể giữ được sao? Đại vương không nhớ lúc Thái tử mới sinh, tự đi bảy bước, chỉ tay lên trời nói rằng: “Đời này ta sinh ra, đây là thân sau cùng.” Lúc ấy, các vua cõi trời và Thích-đề-hoàn-nhân đều đến hầu hạ. Có những điều kỳ lạ như thế thì làm sao Thái tử thích ở đời được?

Lại tâu với vua rằng:

- Tâu Đại vương! Lúc trước tiên nhân A-tu-đà đoán tướng cho Thái tử, năm 19 tuổi xuất gia học đạo, ắt sẽ thành tựu Nhất thiết chủng trí. Nay đã đến lúc, cố sao Đại vương sinh lòng sầu khổ? Lại nữa, Đại vương lo sợ Thái tử xuất gia nên ra lệnh cho quần thần trong ngoài canh giữ nghiêm ngặt, nhưng các vị trời đến dẫn ra khỏi thành. Việc như thế vượt ngoài sức của người thường, xin Đại vương nên vui mừng, chớ sinh lòng buồn bã, không nên tự đi tìm. Nếu nhớ Thái tử không người thì tôi cùng các vị đại thần sẽ đi tìm.

Vua nghe nói thế, nghĩ rằng: “Ta biết Thái tử sẽ không trở về, nhưng ta không nỡ bỏ, nay thử để Quốc sư và đại thần đi tìm một lần xem.” Vua liền nói với Quốc sư và đại thần rằng:

- Hay thay! Các khanh có thể đi! Tất cả mọi người trong ngoài cung tâm rất sầu não, các khanh mau chóng trở về.

Bấy giờ, Quốc sư và đại thần liền từ biệt ra đi tìm Thái tử.

QUYỂN III

NHÂN QUẢ QUÁ KHỨ HIỆN TẠI KINH

Hán dịch: Đồi Tống, Tam Tạng Câu-na-bạt-đà-la

Khi vua Bạch Tịnh phái Quốc sư và các vị đại thần đi rồi, liền mang chuỗi bảy báu trao cho Ma-ha-ba-xà-ba-đề và nói:

- Đây là chuỗi bảy báu của Thái tử nhờ Xa-nặc mang về trao cho khanh.

Ma-ha-ba-xà-ba-đề thấy chuỗi càng thêm đau buồn, nghĩ rằng: “Người trong bốn châu thiên hạ thật là bạc phước, mất một vị Chuyển Luân Thánh vương thông minh trí huệ.” Vua lại mang các thứ trang sức khác trao cho Gia-du-đà-la và nói:

- Những vật trang sức này Thái tử thường đeo trên thân, bảo Xa-nặc mang về trao cho con.

Gia-du-đà-la vừa thấy những vật ấy thì mê ngất ngã xuống đất. Vua lại sai người đến bảo Gia-du-đà-la, hãy thương yêu chính mình, chớ để tổn hại đến thai nhi.

Bấy giờ, Quốc sư và các vị đại thần đến chỗ tiên nhân Bạt-già trong rừng Khổ Hạnh, bảo các thị vệ lui ra và bỏ hết nghi phục, vào gặp tiên nhân. Tiên nhân mời ngồi, cùng nhau thăm hỏi. Quốc sư nói với tiên nhân rằng:

- Tôi là Quốc sư của vua Bạch Tịnh. Sở dĩ hôm nay tôi đến đây là vì nhà vua có vị Thái tử đầy đủ tướng tốt, nhưng chán ghét các khổ sinh, già, bệnh, chết nên xuất gia học đạo, trên đường đi ngang qua khu rừng này, đại tiên có thấy chăng?

Tiên nhân Bạt-già đáp rằng:

- Gần đây tôi có gặp một vị đồng tử, dung mạo đoan chánh, đầy đủ tướng tốt, đến khu rừng này cùng tôi bàn luận, nghỉ lại một đêm nhưng tôi không biết đó là con của vua Bạch Tịnh. Sau đó, Thái tử xem thường đạo của chúng tôi tu tập, nên đi về phía Bắc, đến chỗ tiên nhân A-la-la⁴⁹ và Ca-lan.

Quốc sư, đại thần nghe nói thế liền nhanh chóng đến chỗ tiên nhân kia, nhưng đi được nửa đường, từ xa trông thấy Thái tử ngồi ngay thẳng bên gốc cây tư duy, tướng tốt chói sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng. Liền xuống ngựa bảo các thị vệ lui ra, cởi bỏ nghi phục, đến ngồi bên Thái tử cùng nhau thăm hỏi. Quốc sư thưa Thái tử rằng:

⁴⁹ **A-la-la và Ca-lan:** vị tiên người thành Tỳ-xá-ly, Ấn Độ (có thuyết nói ở gần thành Vương Xá). Ông là học giả phái Số luận nổi tiếng nhất trong sáu thủ lĩnh ngoại đạo đương thời; cũng là vị tiên nhân ngoại đạo mà đức Thích Tôn đến hỏi đạo đầu tiên khi vừa mới ra khỏi vương cung (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập I, tr. 39).

- Đại vương sai tôi đến tìm Thái tử, có điều muốn nói.

Thái tử hỏi:

- Phụ vương sai ngài tìm ta muốn nói điều gì?

Quốc sư liền thưa:

- Từ lâu Đại vương đã biết Thái tử rất thích xuất gia, chí nguyện này khó chuyển đổi. Nhưng Đại vương đối với Thái tử ân tình sâu nặng, nên thường lo buồn, lòng như lửa đốt, chỉ cần Thái tử trở về là nỗi buồn kia sẽ vui. Xin Thái tử lên xe trở về hoàng cung! Ở hoàng cung tuy có nhiều việc, nhưng chúng thần không để Thái tử bỏ tu đạo nghiệp. Nơi tĩnh tâm không nhất thiết phải trong núi rừng! Ma-ha-ba-xà-ba-đề, Gia-du-đà-la và quyến thuộc trong ngoài đều bị chìm đắm trong biển lớn khổ não, mong Thái tử trở về cứu vớt họ!

Thái tử nghe Quốc sư nói thế, trầm giọng đáp:

- Ta há không biết phụ vương đối với ta ân tình sâu nặng ư? Nhưng sợ các khổ sinh, già, bệnh, chết, vì muốn chấm dứt nó nên đến nơi này. Nếu suốt ngày đoàn tụ trong tình yêu thương mà không có các khổ sinh, già, bệnh, chết thì ta còn đến đây làm gì? Sở dĩ hôm nay ta rời xa phụ vương là muốn đời sau được đoàn tụ mà thôi. Phụ vương đau buồn như lửa đốt, nhưng Đại vương và ta bị đau khổ thiêu đốt chỉ một đời này thôi, đời sau vĩnh viễn không còn khổ.

Nếu như lời Ngài nói bảo ta ở trong hoàng cung tu tập đạo nghiệp, cũng giống như ngôi nhà bảy báu, lửa cháy khắp nơi, có người nào chịu ở trong ấy không? Lại như thức ăn có độc, có người đang đói cũng không dám ăn.

Ta đã bỏ đất nước xuất gia học đạo, tại sao bảo ta trở về hoàng cung tu tập đạo nghiệp? Người thế gian khổ nhiều, vui ít mà còn đam mê không thể tạm bỏ, huống gì ta ở nơi này rất yên tĩnh, không có các khổ nạn mà lại bỏ để trở về nơi ô uế ư? Lúc xưa các vị vua vào núi tu học, không ai nửa chừng trở về hưởng thụ ngũ dục cả. Nếu phụ vương nhất định muốn ta trở về là trái với phép tắc các vị vua trước.

Lúc ấy, Quốc sư thưa rằng:

- Thật đúng như lời Thái tử nói. Nhưng các vị tiên nhân kia, người nói đời sau sẽ có quả báo, người nói đời sau không có. Hai vị tiên nhân đó còn không biết rõ đời sau có quả báo hay không, vậy tại sao Thái tử muốn bỏ niềm vui hiện tại mà cầu quả báo chưa hẳn có ở đời sau? Quả báo sinh tử còn không thể biết chắc có hay không, tại sao muốn cầu quả giải thoát? Mong Thái tử hãy trở về hoàng cung!

Thái tử đáp rằng:

- Hai vị tiên nhân kia nói về quả báo đời sau, một vị nói có, một vị nói không đều từ tâm nghi ngờ, chẳng phải lời quyết định. Nay ta sẽ không tu theo giáo pháp ấy, người không nên lấy điều

đó mà vẫn nạn ta. Vì sao? Ta nay không phải do mong cầu quả báo mà đến đây, mà vì chính mắt ta thấy các khổ sinh, già, bệnh, chết nhất định sẽ trải qua, nên ta cầu giải thoát để tránh các khổ ấy mà thôi. Không bao lâu nữa ngài sẽ thấy ta thành tựu đạo nghiệp, chí nguyện này không bao giờ thay đổi. Ngài hãy trở về tâu phụ vương ta như thế!

Thái tử nói rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy từ biệt Quốc sư và các vị đại thần, đi về hướng Bắc, đến chỗ tiên nhân A-la-la. Quốc sư và các vị đại thần thấy Thái tử ra đi, đau buồn rơi lệ, nghĩ rằng: “Thứ nhất là nghĩ Thái tử tình nghĩa sâu nặng, thứ hai là vâng lệnh vua đến đây mà không thể làm Thái tử đổi ý,” cứ do dự đứng bên đường không thể trở về. Sau đó, họ cùng bàn với nhau rằng: “Đã vâng lệnh mà không làm tròn, nay trở về làm sao trả lời với Đại vương đây? Trong chúng ta đây nên chọn ra năm người thông minh trí huệ, tâm ý nhu hòa, tánh tình cương trực, thuộc dòng tộc hùng mạnh, âm thầm đi theo, quan sát hành động của Thái tử.” Nói rồi, quay nhìn bên cạnh, thấy năm người như Kiều-trần-như v.v... liền hỏi rằng:

- Các ông có thể ở lại được chăng?

Năm người kia đáp:

- Hay thay! Chúng tôi vâng lệnh!

- Các ông phải âm thầm quan sát mọi cử chỉ hành động của Thái tử.

Năm người liền từ biệt đến chỗ Thái tử. Quốc sư và các vị đại thần trở về hoàng cung.

Bấy giờ, Thái tử đến chỗ của tiên nhân A-la-la và Ca-lan, vượt qua sông Hằng, đi ngang thành Vương xá. Khi vào đến thành, tất cả nhân dân trông thấy Thái tử dung mạo, tướng tốt đặc biệt, họ đều vui mừng kính mến, cả nước rầm rộ kéo nhau đến xem. Vua Tần-tỳ-sa-la nghe được, kinh ngạc hỏi rằng:

- Tiếng ồn gì vậy?

Các quần thần tâu:

- Tâu Đại vương! Thái tử con của vua Bạch Tịnh, tên là Tất-bà-tát-đạt. Ngày trước các vị thầy tướng đoán Thái tử sẽ làm Chuyển Luân vương, thống lãnh cả bốn châu thiên hạ, còn nếu xuất gia, sẽ thành tựu Nhất thiết chủng trí. Hôm nay Thái tử đến thành này, các người dân bên ngoài đua nhau đến xem nên có tiếng ồn này.

Vua Tần-tỳ-sa-la nghe nói thế, lòng rất vui mừng, toàn thân phấn khởi, liền sai người đến quan sát nơi ở của Thái tử. Sứ giả vâng lệnh đi tìm, thấy Thái tử ngồi thẳng tư duy trên một tảng đá trong núi Bát-trà-bà, liền trở về trình bày đầy đủ.

Khi ấy, vua liền ra lệnh chuẩn bị ngựa giá để cùng thần dân đến chỗ Thái tử. Khi vừa đến núi Bát-trà-bà, từ xa trông thấy Thái tử, tướng tốt chói sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng. Vua liền xuống ngựa, cởi bỏ nghi phục và bảo các thị vệ lui ra, một mình đến bên Thái tử ngồi xuống thăm hỏi:

- Thái tử! Bôn đại được điều hòa chăng? Tôi thấy Thái tử vô cùng hoan hỷ, nhưng có một điều khiến tôi buồn, đó là vì Thái tử vốn dòng Nhật Chung, trải qua nhiều đời nối tiếp làm Chuyển Luân vương. Nay tôi thấy Thái tử có đủ tướng ấy, vì sao lại bỏ đất nước đến chốn rừng sâu, đầm lầy đất cát nơi xa xôi này? Tôi thấy thế nên buồn mà thôi. Nếu Thái tử vì sự hiện diện của phụ vương, nên không muốn lên ngôi chuyển Luân Thánh vương, thì tôi sẽ chia nửa đất nước cho Thái tử cai trị, nếu ít thì tôi nhường hết đất nước và các quan phụng sự Thái tử. Nếu không nhận thì tôi cung cấp bốn binh, có thể tự đánh chiếm nước khác. Những điều Thái tử muốn tôi đều thuận theo.

Thái tử nghe vua Tần-tỳ-sa-la nói thế, lòng rất cảm động, liền thưa vua rằng:

- Vua vốn là dòng tộc Minh Nguyệt, bản tánh thanh cao, không làm việc tầm thường. Mọi hành động, việc làm đều luôn trong sạch thù thắng. Nay vua nói ra những điều này cũng không lấy làm lạ. Nhưng ta thấy vua chí thành khẩn thiết hơn lúc bình thường, nay Đại vương nên tu tập ba pháp bền chắc⁵⁰ đối với thân mạng và tài bảo và không nên khuyên người khác tu pháp không bền chắc. Nay ta đã bỏ ngôi vị Chuyển Luân vương thì lý do gì mà nhận lấy đất nước của ngài? Tuy vua có thiện ý trao đất nước cho ta, ta còn không nhận, huống gì đem binh đánh chiếm nước khác? Sở dĩ ta rời xa đất nước, từ biệt cha mẹ, cạo bỏ râu tóc là vì muốn đoạn trừ các khổ sinh, già, bệnh, chết, chẳng phải cầu sự vui thích năm dục.

Năm món dục lạc ở thế gian như đồng lừa lớn thiêu đốt chúng sinh không thể tự ra khỏi. Vì sao ngài khuyên ta tham đắm ngũ dục? Nay sở dĩ ta đến đây vì có tiên nhân A-la-la và Ca-lan là bậc thầy cầu giải thoát tối thượng. Ta muốn đến nơi đó cầu đạo giải thoát, không thể ở đây lâu. Ta đã trái thiện ý của ngài, mong ngài hoan hỷ chớ giận trách. Nay Đại vương nên dùng chánh pháp để trị quốc, không để nhân dân bị oan uổng.

Nói xong, Thái tử đứng dậy từ biệt vua.

Lúc ấy, vua Tần-tỳ-sa-la thấy Thái tử ra đi vô cùng buồn bã, chấp tay rơi lệ, nói rằng:

⁵⁰ **Tam chủng bất kiên** (Tam kiên pháp): ba pháp không bền chắc đổi thành ba pháp bền chắc.

1. Bất kiên tài đổi thành kiên tài: Tất cả mọi vật ở thế gian không có tính bền chắc, tụ tán vô thường không giữ được lâu. Nếu bố thí tài vật ấy cho người phạm hạnh thanh tịnh để cầu Niết bàn an lạc vô thượng, hoặc cầu quả vui cõi trời, người ở đương lai thì đó là kiên tài (tài sản kiên cố).
2. Bất kiên thân đổi thành kiên thân: thân cha mẹ sinh ra là do bốn đại giả hợp tạm bợ không thật, chẳng có tính bền chắc, sinh diệt vô thường không giữ được lâu. Nếu giữ gìn năm giới thanh tịnh vô nhiễm, tu tập đạo Vô Thượng Bồ đề, chứng thân kim cương bất hoại thì đó là kiên thân.
3. Bất kiên mạng trở thành kiên mạng: mạng sống của con người tuy có thọ, yếu khác nhau, nhưng đều là mộng huyễn, chẳng có tính bền chắc, bỗng chốc vô thường không giữ được lâu. Nếu rõ biết được Tứ đế, tu tập chánh pháp siêu việt sinh tử để thường trụ mãi mãi, huệ không dứt mất đó là kiên mạng (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập V, tr. 4066).

- Khi mới gặp Thái tử, lòng tôi rất hớn hở vui mừng. Nay Thái tử ra đi, tôi vô cùng đau buồn. Nhưng Thái tử vì cầu đạo giải thoát mà ra đi thì tôi không dám giữ lại, chỉ mong Thái tử sớm thành đạo quả. Nếu Thái tử thành đạo thì xin độ tôi trước!

Thái tử liền từ biệt ra đi. Vua cung kính đưa tiễn, đứng bên đường nhìn theo đến lúc không còn trông thấy nữa mới trở về.

Bấy giờ, Thái tử đến chỗ tiên nhân A-la-la. Khi ấy, các vị trời nói với tiên nhân rằng:

- Tát-bà-tát-đạt rời bỏ đất nước, từ biệt cha mẹ vì cầu đạo Vô thượng chơn chánh, muốn nhổ tận gốc các khổ cho chúng sinh, nay sắp đến đây.

Tiên nhân kia nghe nói thế, lòng rất vui mừng. Một lát sau, từ xa trông thấy Thái tử, tiên nhân liền ra nghinh đón, khen rằng:

- Hay thay! Thái tử đã đến!

Họ cùng nhau trở về trụ xứ, mời Thái tử ngồi. Tiên nhân thấy Thái tử dung mạo đoan chánh, đầy đủ tướng tốt, dáng vẻ điềm tĩnh, sinh lòng cung kính, liền hỏi

- Thái tử đi đường có mệt chãng? Từ lúc Thái tử đản sinh, xuất gia và hôm nay đến nơi này, tôi đều biết rõ. Thái tử đang ở trong đồng lửa mà có thể tự tỉnh giác vượt ra, lại giống như voi lớn bị trói mà tự thoát khỏi. Ngày xưa, các vị vua lúc tuổi còn trẻ hưởng thụ năm dục, đến lúc già mới bỏ đất nước và các thứ dục lạc mà xuất gia học đạo, việc ấy chưa phải kỳ lạ. Nay Thái tử đang còn trẻ, có thể bỏ năm dục, từ xa đến đây, thật là đặc biệt. Thái tử phải siêng năng tinh tấn để mau đến bờ giải thoát.

Thái tử nghe xong liền nói:

- Ta nghe tiên nhân nói, lòng rất vui mừng. Ngài có thể vì ta mà nói pháp đoạn trừ các khổ sinh, già, bệnh, chết không? Nay ta muốn nghe!

Tiên nhân đáp:

- Hay thay! Hay thay!

Liền nói rằng:

- Khởi đầu của chúng sinh là do niệm vô minh, từ vô minh khởi ngã mạn, từ ngã mạn sinh tâm si, từ tâm si sinh nhiễm ái, từ nhiễm ái sinh năm loại khí vi trần, từ năm loại khí vi trần sinh năm đại⁵¹, từ năm đại sinh ra các thứ phiền não, tham dục, sân hận v.v... Do đó, trôi lăn mãi trong sinh, già, bệnh, chết, lo buồn khổ não. Nay tôi vì Thái tử mà lược nói như thế.

⁵¹ **Năm đại**: là năm yếu tố có thể tánh rộng lớn sinh thành ra vạn pháp: đất, nước, gió, lửa và không. Thể chất của năm đại theo thứ tự là: cứng, ướt, động, nóng và vô ngại, tác dụng là nâng đỡ, giữ gìn, thu nhiếp, thành thực, tăng trưởng, không chướng ngại. (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập III, tr. 2950).

Thái tử lại hỏi:

- Ta đã hiểu lời ngài nói, nhưng phải dùng pháp gì để đoạn trừ tận gốc của sinh tử?

Tiên nhân đáp:

- Nếu muốn đoạn trừ được gốc của sinh tử, trước hết phải xuất gia tu học, giữ gìn giới hạnh, khiêm cung nhẫn nhục, ở nơi vắng lặng tu tập thiền định, liả các pháp dục ác bất thiện, hữu giác hữu quán⁵², đấc Sơ thiên⁵³. Khi bỏ được giác, quán thì định phát sinh, nhập vào tâm hỷ, đấc Nhị thiên. Xả bỏ tâm hỷ được chánh niệm, các căn an lạc, đấc Tam thiên. Xả liả khổ lạc, được niệm thanh tịnh, nhập vào xả căn, đấc Tứ thiên, được quả báo Vô tướng.

Có một vị thầy khác nói:

- Cảnh giới này gọi là giải thoát. Nhưng khi xuất định rồi mới biết cảnh giới ấy chẳng phải là giải thoát. Cần phải liả Sắc tướng, nhập vào Không xứ; diệt Hữu đối tượng, nhập vào Thức xứ; diệt Vô lượng thức tướng, chỉ còn quán một thức, nhập vào Vô sở hữu xứ; liả tất cả các tướng nhập vào Phi tướng phi phi tướng xứ. Cảnh giới này gọi là giải thoát rốt ráo, là bờ giác của người tu học. Nếu Thái tử muốn đoạn trừ các khổ sinh, già, bệnh, chết thì nên tu theo hạnh này.

Thái tử nghe tiên nhân nói thế trong lòng không vui, liền suy nghĩ: “Sự thấy biết đó chẳng phải là pháp cứu cánh, cũng không phải là pháp đoạn trừ hết các phiền não.” Liền nói rằng:

- Pháp của tiên nhân nói có chỗ ta chưa hiểu, nên muốn thưa hỏi.

Tiên nhân nói:

- Xin Thái tử cứ hỏi.

Thái tử liền hỏi:

⁵² **Hữu giác hữu quán Tam-muội:** là một trong ba Tam-muội. Sơ tâm tại thiên gọi là Giác, tế tâm phân biệt thiên vị gọi là Quán. Không, vô tướng, vô tác tương ứng với tâm, nhập vào Sơ thiên thì tất cả các giác quán đều phải chánh trực, do vậy gọi là Hữu giác Hữu quán Tam-muội (Theo *Từ điển Phật học* của viện Nghiên Cứu Phật Học, tr. 549).

⁵³ **Tứ thiên thiên:**

1. Sơ thiên thiên: các tầng trời này không dùng thức ăn sáu tướng như nhân gian nên không có tỷ thức và thiết thức, chỉ có nhãn, nhĩ, thân và ý thức sinh khởi hỷ thụ và lạc thụ và năng lực tư duy của Tầm, Tứ.
2. Nhị thiên thiên: Lại không có nhãn thức, nhĩ thức và thân thức, cũng không có sự tư duy của Tầm, Tứ, chỉ có tỷ thức tương ứng với hỷ thọ, xả thọ (cảm họ phi khổ phi lạc).
3. Tam thiên thiên: Chỉ có hoạt động của ý thức, tương ứng với lạc thọ, xả thọ.
4. Tứ thiên thiên: Chỉ có hoạt động của ý thức tương ứng với xả thọ (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập V, tr. 4877).

- Phi tướng phi phi tướng xứ là Hữu ngã hay Vô ngã? Nếu nói vô ngã thì không nên gọi là Phi tướng phi phi tướng xứ. Còn nói là Hữu ngã thì Ngã là hữu tri hay vô tri? Nếu Ngã là vô tri thì như gỗ đá; nếu Ngã là hữu tri thì có phan duyên, đã có phan duyên thì có nhiệm trước, vì có nhiệm trước nên chẳng phải là giải thoát. Ngài mới diệt được phiền não thô mà không biết phiền não vi tế vẫn còn. Vì cho đó là cứu cánh, nên phiền não vi tế dần dần tăng trưởng, trở lại thọ sinh. Do đó mà biết, đây chẳng phải đến bờ giải thoát. Nếu trừ hết tất cả Ngã và Ngã tướng mới gọi là chân giải thoát.

Tiên nhân nghe Thái tử nói như vậy thì im lặng suy nghĩ: “Lời của Thái tử nói thật là vi diệu.”

Thái tử lại hỏi tiếp:

- Ngài xuất gia và tu khổ hạnh đến nay được bao nhiêu năm rồi?

Tiên nhân đáp:

- Tôi xuất gia năm 16 tuổi, tu khổ hạnh đến nay đã được 104 năm.

Thái tử nghe rồi, nghĩ rằng: “Từ khi xuất gia đến nay lâu như vậy mà chỗ chúng đắc được thế thôi ư?”

Bấy giờ, Thái tử vì câu pháp thù thắng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy từ biệt tiên nhân.

Tiên nhân nói với Thái tử rằng:

- Tôi tu tập khổ hạnh đã lâu mà chỗ chúng đắc chỉ được như vậy. Thái tử là dòng tộc vua chúa, làm sao có thể tu khổ hạnh được?

Thái tử đáp:

- Như pháp ngài tu chưa phải là khổ, có một pháp tu khác vô cùng khổ, khó thực hành hơn.

Tiên nhân thấy Thái tử có trí huệ, ý chí vững chắc khó lay chuyển, nên biết nhất định sẽ thành bậc Nhất thiết chủng trí, liền thưa Thái tử rằng:

- Nếu Thái tử thành đạo xin độ tôi trước.

Thái tử đáp:

- Được!

Kế đó, Thái tử đến chỗ tiên nhân Ca-lan, bàn luận, hỏi đáp cũng như trước, rồi từ biệt ra đi. Hai vị tiên nhân thấy Thái tử ra đi, đều suy nghĩ: “Trí huệ của Thái tử rất kỳ diệu đặc biệt, khó ai lường được.” Bèn chấp tay đưa tiễn, đến lúc không còn trông thấy mới trở vào.

Thái tử điều phục được hai vị tiên nhân A-la-la và Ca-lan rồi, liền lên đường đến núi Ca-xà trong rừng Khổ Hạnh, là nơi ở của năm anh em Kiều-trần-như v.v. Thái tử liền đến bờ sông Ni-liên-

thiền ngồi thẳng tư duy, quan sát căn cơ chúng sinh. Xét thấy phải tu khổ hạnh sáu năm mới độ được họ. Tư duy, quán xét như thế liền tu khổ hạnh. Bấy giờ, các vị trời dâng cúng mè, gạo. Thái tử vì cầu đạo chơn chánh nên tịnh tâm giữ giới, mỗi ngày ăn một hạt mè hoặc một hạt gạo. Giả sử có ai đến xin, Ngài cũng ban cho.

Bấy giờ, năm người như Kiều-trần-như v.v... thấy Thái tử ngồi thẳng tư duy, tu khổ hạnh, mỗi ngày ăn một hạt mè hoặc một hạt gạo, hoặc hai ngày cho đến bảy ngày cũng ăn như thế. Khi ấy, năm anh em Kiều-trần-như v.v... cũng tu khổ hạnh, và luôn ở bên cạnh cung phụng Thái tử. Họ thấy Thái tử như vậy, liền sai một người trở về trình bày rõ sự tu tập của Thái tử cho Quốc sư và các vị đại thần. Lúc đó, Quốc sư và các vị đại thần về đến hoàng cung, nét mặt buồn bã, thân hình tiêu tụy giống như có người thân mất mới chôn xong, nén nỗi đau trở về. Người giữ cửa vào tâu vua rằng:

- Tâu Đại vương! Quốc sư và các vị đại thần đang ở ngoài cửa.

Vua vừa nghe, hơi thở dồn dập, giọng nói đứt quãng, toàn thân bất động. Người giữ cửa hiểu ý của Đại vương, liền cho mời vào.

Vua vừa gặp họ thì buồn bã không nói nên lời, một hồi lâu mới hỏi nhỏ rằng:

- Thái tử là tánh mạng của trẫm, nay các khanh trở về một mình thì tánh mạng của trẫm làm sao tồn tại?

Quốc sư thưa rằng:

- Tôi vâng lệnh Đại vương đi tìm Thái tử, đến chỗ tiên nhân Bạt-già thăm hỏi. Tiên nhân kể lại những sự việc và chỉ chỗ ở của Thái tử. Tôi liền lên đường. Khi đi được nửa đường thì gặp Thái tử đang ngồi bên gốc cây tư duy, tướng tốt chói sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng. Tôi liền đến bên Thái tử trình bày rõ sự sầu não của Đại vương, Ma-ha-ba-xà-ba-đề và Gia-du-đà-la. Thái tử trầm giọng đáp: “Ta há không biết ân tình sâu nặng của phụ vương và quyền thuộc sao? Nhưng vì sợ các khổ sinh tử và xa lìa người thân, vì muốn đoạn trừ khổ ấy mới đến nơi này.” Ngôn từ lời lẽ, ý chí của Thái tử vững chãi như núi Tu-di không thể lay chuyển. Nói rồi Ngài bỏ tôi ra đi như bỏ cỏ rác.

Khi ấy, tôi chọn ra năm người đi theo cung cấp hầu hạ, đồng thời xem xét chỗ ở của Thái tử. Trong số năm người kia, có một người trở về thưa rằng: “Thái tử đang đến chỗ tiên nhân A-la-la và Ca-lan.” Trên đường đi qua sông Hằng, do thần lực của trời nên Thái tử vượt qua sông, đến thành Vương xá. Lúc ấy, vua Tần-tỳ-sa-la đến gặp Thái tử, dùng những lý lẽ và tìm cách khuyên ngăn Thái tử không nên xuất gia, hứa sẽ phân đôi đất nước cùng Thái tử cai trị. Vua thậm chí nhường toàn bộ đất nước, hoặc giao cho bốn binh đánh chiếm nước khác, nhưng Thái tử đều từ chối tất cả.

Thái tử liền lên đường đến chỗ tiên nhân thuyết pháp, hàng phục tâm họ. Thái tử lại đến núi Ca-xà trong rừng Khổ Hạnh, ngồi bên bờ sông Ni-liên-thiên tư duy, mỗi ngày ăn một hạt mè hoặc một hạt gạo.

Vua Bạch Tịnh nghe Quốc sư và các vị đại thần kể lại lời của vị sứ giả kia như thế, lòng rất âu sầu, toàn thân run rẩy, lông tóc dựng đứng, liền nói với Quốc sư và các vị đại thần rằng:

- Thái tử bỏ ngôi vị Chuyển Luân vương, cha mẹ, quyến thuộc, niềm vui ân ái, vào tận chốn rừng sâu tu tập khổ hạnh. Nay ta thật bạc phước, mất đi người con trân quý như thế.

Vua lại đem lời của người sứ kia, thuật cho Ma-ha-ba-xà-ba-đề và Gia-du-đà-la. Đồng thời, vua Bạch Tịnh ra lệnh chuẩn bị 500 cỗ xe, Ma-ha-ba-xà-ba-đề và Gia-du-đà-la cũng sắp đặt 50 cỗ xe chứa đầy đủ tất cả vật thực nuôi sống, rồi cho gọi Xa-nặc đến nói rằng:

- Người đưa Thái tử vào chốn rừng sâu, nay hãy hướng 1000 cỗ xe này chở lương thực đến cho Thái tử, theo thời mà cung cấp chớ để thiếu thốn, hết lại về lấy thêm.

Xa-nặc vâng lệnh, liền dẫn 1000 cỗ xe nhanh chóng lên đường. Đến nơi, Xa-nặc thấy Thái tử thân hình gầy ốm, còn da bọc xương, gân mạch hiện rõ như hoa ba-la-xa, liền cúi đầu đánh lễ dưới chân Thái tử và ngất xỉu, một lát sau mới đứng dậy, rơi lệ nói rằng:

- Đại vương ngày đêm thương nhớ Thái tử nên sai tôi dẫn 1000 cỗ xe chở đầy lương thực đến cho Thái tử.

Thái tử bảo Xa-nặc:

- Ta trái lời cha mẹ và rời bỏ đất nước đến nơi xa xôi này, vì cầu đạo Vô thượng, tại sao phải thọ nhận những vật thực này?

Xa-nặc nghe Thái tử nói thế, trong lòng suy nghĩ: “Thái tử không chịu thọ nhận những vật thực này, ta sẽ tìm một người khác dẫn 1000 cỗ xe trở về hoàng cung. Ta ở lại nơi này hầu hạ Thái tử.” Liền sai một người dẫn xe trở về. Khi ấy, Xa-nặc âm thầm hầu hạ Thái tử, sớm tối không rời.

Bấy giờ, Thái tử nghĩ: “Nay ta mỗi ngày ăn một hạt mè hoặc một hạt gạo, cho đến bảy ngày cũng như thế, thân hình gầy ốm giống như cây khô, tu khổ hạnh suốt sáu năm mà không được giải thoát, nên biết đó chẳng phải là đạo vậy. Không giống như ngày trước ở bên gốc cây Diêm-phù, pháp tư duy đạt đến sự lìa dục, vắng lặng, đây là đạo chon chánh tối thượng. Nếu ta để thân hình gầy ốm mà tu tập thì những ngoại đạo sẽ nói tự nhin đối là nhân Niết-bàn. Tuy toàn thân ta có sức mạnh như trời Na-la-diên, cũng không thể lấy đó mà tu đạo quả. Ta phải ăn uống, sau đó mới thành đạo.” Nghĩ như vậy liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến sông Ni-liên-thiên tắm rửa. Tắm rửa xong, vì thân thể quá ốm yếu nên không thể tự bước lên được. Lúc ấy, các vị trời hiện ra đề cành cây xuống cho Thái tử vịn bước lên.

Khi đó, ngoài bờ rừng kia, có một người nữ chăn bò tên Nan-đà-ba-la. Trời Tịnh Cư hiện xuống khuyên rằng:

- Thái tử đang ở trong rừng, người có thể đến cúng dường.

Người nữ nghe nói lòng rất vui mừng. Ngay lúc ấy, từ dưới đất bỗng nhiên mọc lên một hoa sen ngàn cánh, trên đài hoa có cháo sữa. Người nữ trông thấy, lòng rất kinh ngạc, liền lấy cháo sữa mang đến chỗ Thái tử, cúi đầu đánh lễ rồi dâng lên cúng dường. Thái tử liền thọ nhận sự cúng dường của người nữ kia mà chú nguyện rằng: “Nay cúng dường thức ăn này là vì muốn cho người thọ thực có đủ sức khỏe. Ta nguyện cho gia đình của người được vui vẻ, an lạc không bệnh tật, trường thọ, trí huệ đầy đủ.” Thái tử lại nói:

- Ta vì muốn thành thực tất cả chúng sinh mà thọ nhận thức ăn này.

Chú nguyện xong liền ăn. Thân thể tươi tỉnh, khí lực đầy đủ, có thể chứng đạo Bồ-đề.

Lúc bấy giờ, năm anh em Kiều-trần-như thấy việc này, vô cùng kinh ngạc, cho là Thái tử thối tâm. Họ liền trở về chỗ của mình. Còn Bồ-tát một mình đi đến gốc cây Tất-bát-la, phát nguyện rằng: “Ta ngồi dưới gốc cây này, nếu không thành đạo quả, quyết chẳng bao giờ đứng dậy.” Đức hạnh của Bồ-tát sâu nặng, đất cũng không thể chịu nổi, nên mỗi bước đi của Ngài đều làm đất chấn động, phát ra âm thanh lớn.

Khi ấy, có con rồng mù nghe đất chấn động, tâm rất hoan hỷ, hai mắt sáng lại, tự nghĩ rằng: “Ta từng thấy các Đức Phật quá khứ cũng ứng hiện điềm lành này.” Nghĩ như thế liền từ dưới đất vọt lên, đánh lễ dưới chân Bồ-tát. Lúc ấy, có 500 con chim xanh bay trên hư không, nhiều quanh bên phải của Bồ-tát, có mây lành nhiều màu sắc rực rỡ và gió thơm bay quyện theo. Bấy giờ, rồng mù dùng kệ khen rằng:

Bồ-tát đến nơi này

Đất chấn động sáu cách

Phát ra âm thanh lớn

Ta nghe, mắt bừng sáng.

Lại thấy trên hư không

Chim xanh nhiều quanh Ngài

Mây lành sáng rực rỡ

Gió thơm rất mát mẻ.

Tướng lành của Bồ-tát

Đều giống Phật quá khứ

Do đó biết Bồ-tát

Nhất định sẽ thành Phật.

Bấy giờ, Bồ-tát suy nghĩ: “Chư Phật đời quá khứ lấy gì làm tòa để thành đạo Vô Thượng?” Bồ-tát liền tự biết dùng cỏ làm tòa. Lúc ấy, Thích-đề-hoàn-nhơn hóa làm một người phàm, ôm bó cỏ sạch mềm mại.

Bồ-tát hỏi:

- Ông tên gì?

Người kia liền đáp:

- Tôi tên Cát Tường.

Bồ-tát nghe tên, lòng rất hoan hỷ, nói rằng:

- Ta phá điều chẳng lành để thành tựu điềm lành.

Bồ-tát lại hỏi:

- Ông có thể cho tôi bó cỏ trong tay được không?

Cát Tường liền trao cỏ cho Bồ-tát, nhân đó phát nguyện rằng: “Nếu Bồ-tát thành đạo xin độ tôi trước.”

Bồ-tát nhận cỏ rồi trải làm tòa, ngồi kiết già trên ấy, giống như pháp của chư Phật đời quá khứ đã ngồi và phát nguyện: “Nếu không thành Chánh giác thì sẽ không rời khỏi tòa này. Nay ta cũng phát nguyện giống như thế.” Lúc Bồ-tát phát nguyện, Trời, Rồng, quý, thần thấy đều hoan hỷ, gió mát thổi từ khắp nơi đến, cầm thú im lặng, cây cối ngừng rung, mây bụi lắng trong. Nên biết, đây là tướng lành Bồ-tát nhất định sẽ thành đạo.

Lúc Bồ-tát ở dưới gốc cây phát nguyện, tám bộ Trời, Rồng thấy đều hoan hỷ, ở trên hư không vui mừng khen ngợi. Khi đó, cung điện Ma vương ở tầng trời thứ sáu tự nhiên chấn động. Ma vương vô cùng sầu não, tinh thần tán loạn, không màng đến việc ăn uống vui chơi, suy nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm xả bỏ ngũ dục, đang ở dưới gốc cây, tịnh tọa tư duy, không bao lâu nữa sẽ thành đạo Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu thành tựu đạo này thì sẽ độ khắp tất cả chúng sinh, vượt xa cảnh giới của ta. Nhân lúc Cù-đàm chưa thành đạo, ta sẽ đến phá hoại!”

Lúc bấy giờ, con của Ma vương tên là Tát-đà, thấy cha sầu khổ, liền đến thưa rằng:

- Chẳng hay phụ vương lo buồn điều gì?

Ma vương đáp:

- Sa-môn Cù-đàm hiện đang ngồi dưới gốc cây Tất-bát-la, sắp thành Chánh Giác, vượt hẳn đạo ta, nay ta muốn đến phá hoại.

Tất-đà liền can ngăn cha rằng:

- Bồ-tát là bậc đã đạt được thanh tịnh, vượt ngoài ba cõi, thần thông, trí huệ đều thấu triệt, tám bộ Trời, Rồng cùng khen ngợi. Người này phụ vương không thể chế phục được. Phụ vương không nên tạo nghiệp mà chuốc lấy tai họa.

Ma vương có ba người con gái, dung nghi tướng mạo rất đoan chánh, xinh đẹp mê người, thường dùng hương thơm xông ướp, đeo chuỗi bảy báu, là bậc nhất trong các thiên nữ. Người thứ nhất tên Nhiễm Dục, người thứ hai tên Năng Khoái Nhân, người thứ ba tên Khả Ái Lạc. Ba người này cùng đến thưa phụ vương rằng:

- Chẳng hay hôm nay phụ vương lo buồn điều gì?

Ma vương liền đem hết nỗi lòng nói với các con rằng:

- Nay ở dưới nhân gian xuất hiện vị Sa-môn Cù-đàm, thân mặc áo giáp pháp, cầm cung tự tại, mũi tên trí huệ, muốn hàng phục chúng sinh và phá hoại cảnh giới của ta. Nếu ta không sánh bằng thì chúng sinh sẽ tin phục quy kính Sa-môn kia, cõi nước ta sẽ trống rỗng, nên lo buồn mà thôi. Nhân lúc Cù-đàm chưa thành đạo, ta muốn đến phá hoại.

Lúc ấy, Ma vương cầm cung cứng và năm mũi tên, cùng quyền thuộc nam nữ đến dưới cây Tất-bát-la, thấy Bồ-tát ngồi yên bất động, muốn vượt qua biển sinh tử ba cõi. Bấy giờ, Ma vương tay trái cầm cung, tay phải lấp tên, nói với Bồ-tát rằng:

- Ngươi là dòng Sát-đế-lợi, đối với cái chết rất đáng sợ, tại sao không mau đứng dậy? Ngươi nên làm bậc Chuyển Luân vương, bỏ pháp xuất gia, lập nhiều hội bố thí để được sinh lên cõi trời, đây là con đường thù thắng hơn pháp của người. Ngươi là dòng Sát-đế-lợi, Chuyển Luân vương mà đi ăn xin, là việc không thể chấp nhận. Nếu ngươi không chịu đứng dậy mà cứ ngồi yên trên tòa, không bỏ nguyện xưa, ta sẽ bắn cho ngươi một mũi tên nhọn. Các vị tiên nhân tu khổ hạnh, khi nghe âm thanh mũi tên của ta bắn, không ai không sợ hãi, tinh thần tán loạn, huống gì Cù-đàm ngươi có thể chịu được mũi tên độc này! Nếu ngươi nhanh chóng đứng dậy thì sẽ được an toàn.

Ma vương nói như thế là để Bồ-tát sợ, nhưng Ngài vẫn an nhiên, không kinh hãi hoặc dao động. Lúc ấy, Ma vương kéo cung bắn, đồng thời đưa các thiên nữ đến. Khi Ma vương bắn, Bồ-tát không nhìn mũi tên bay, tên dừng trên hư không, sau đó rơi xuống đất biến thành hoa sen.

Bấy giờ, ba thiên nữ thưa Bồ-tát rằng:

- Nhân giả đức hạnh cao tột, là bậc tôn kính của trời người, nên phải có người hầu hạ. Chúng tôi đang tuổi thanh xuân, là thiên nữ đoan chánh không ai bằng. Nay trời sai chúng tôi xuống hầu hạ Ngài sớm tối, ngủ nghỉ.

Bồ-tát nói:

- Các người có trông chút ít căn lành, được làm thân trời, không nghĩ đến sự vô thường mà cứ làm yêu mị mê hoặc hại người. Thân thể tuy đẹp nhưng tâm không ngay thẳng, dâm dục, làm điều ác, lúc chết sẽ bị đọa vào trong ba đường ác, thọ thân chim thú, rất khó thoát ra. Ta biết các người muốn nhiều loạn khiến tâm của ta không thanh tịnh. Các người hãy đi đi, ta không cần!

Khi ấy, ba người thiên nữ kia biến thành bà lão, tóc bạc mặt nhăn, răng rụng, nước dãi chảy ra, còn da bọc xương, bụng to như cái trống, khi đi phải chống gậy, không thể trở lại hình tướng như ban đầu được.

Ma vương thấy tâm Bồ-tát vững chãi như thế, trong lòng suy nghĩ: “Ngày xưa ta từng ở trong núi Tuyết, mỗi khi bán cung tên, trời Ma-hê-thủ-la còn kinh sợ, lui sụt tâm thiện, mà nay không thể làm Sa-môn Cù-đàm dao động. Chẳng những ông không sợ cung tên, mà ba người con gái của ta cũng không thể lay chuyển được. Ma vương tức giận, lại tìm cách khác, liền dùng lời nhu hòa khuyển dụ Bồ-tát:

- Nếu người không thích những dục lạc ở thế gian, nay có thể lên cõi trời, ta nhường ngôi vị và các thứ ngũ dục cho người.

Bồ-tát nói:

- Đời trước ông có tu chút ít nhân bố thí, cho nên đời này được làm vua ở cõi trời Tự-tại, phước này có hạn. Khi phước hết thì thọ sinh trở lại, chìm đắm trong ba đường ác, rất khó ra khỏi. Đây là nhân tội lỗi, chẳng phải điều ta cần.

Ma vương nói với Bồ-tát:

- Quả báo của ta người biết, còn quả báo của người ai biết?

Bồ-tát đáp:

- Quả báo của ta chỉ có đất này biết.

Khi Bồ-tát nói như thế thì đại địa chấn động sáu cách.

Lúc ấy, Địa thần cầm bình bảy báu đựng đầy hoa sen, từ dưới đất vọt lên, nói với Ma vương rằng:

- Ngày xưa Bồ-tát dùng đầu, mắt, tùy, não bố thí cho người khác, máu chảy thấm cả đại địa; lại đem đất nước, vợ con, voi, ngựa, châu báu mà bố thí không thể tính kể, chỉ vì cầu đạo Vô Thượng chân chánh. Vì thế, ông không nên nhiều loạn Bồ-tát.

Ma vương nghe nói thế, lòng vô cùng sợ hãi, lông tóc dựng đứng. Bấy giờ, Địa thần đánh lễ dưới chân Bồ-tát, dùng hoa cúng dường, sau đó bỗng nhiên biến mất.

Ma vương suy nghĩ: “Ta dùng cung mạnh, tên nhọn, ba người con gái và lời nói nhu hòa để khuyên dụ mà vẫn không thể nhiều loạn tâm của Cù-đàm này, nay ta sẽ tìm cách khác.” Thế là Ma vương suy nghĩ muốn nhóm họp tất cả binh chúng, dùng sức mạnh bức hiếp. Lúc Ma vương nghĩ như thế thì các chúng trời bỗng nhiên nhóm đến, đầy khắp hư không, hình tướng mỗi vị đều sai khác, có người cầm kích, kiếm, hoặc đầu đội cây lớn, hoặc tay cầm chày vàng, hoặc trang bị đầy đủ các thứ vũ khí chiến đấu, hoặc thân người mà đầu heo, cá, lừa, ngựa, sư tử, rồng, gấu, hổ, tê giác và đầu các loài thú khác..., hoặc một thân có nhiều đầu, hoặc trên mặt có một mắt, hoặc nhiều mắt. Hoặc có người thân cao bụng lớn, hoặc gầy ốm không có bụng, hoặc chân dài đầu gối lớn, hoặc chân to béo phì, hoặc móng dài răng nhọn, hoặc đầu nằm trước ngực, hoặc có hai chân mà nhiều thân, hoặc mặt lớn, hoặc mặt nằm một bên, hoặc sắc mặt như tro đất, hoặc thân phát lửa cháy. Hoặc thân vác núi, hoặc tóc tai rối bời, thân thể trần truồng, hoặc sắc mặt nửa đỏ nửa trắng, hoặc môi trề xuống tận đất, hoặc lấy chéo áo che mặt, hoặc thân mặc áo da hổ, hoặc da rắn, sư tử, hoặc rắn quấn khắp thân, hoặc trên đầu lửa cháy, hoặc trợn mắt vung tay, hoặc chạy nhảy hai bên, hoặc bay vòng trên hư không, hoặc đuổi chạy kêu gào. Các loại hình tướng ác như thế không thể tính kể vây quanh Bồ-tát. Hoặc có người muốn cắt thân Bồ-tát, hoặc bốn phía lửa cháy cao ngút tận trời, la hét cuồng loạn, chấn động cả núi rừng; rồi gió, lửa, khói, bụi bay mù mịt, nước bốn biển lớn cùng lúc phun lên.

Bấy giờ, Hộ pháp, Trời, Rồng, quỷ thần v.v... thấy đều tức giận quân ma. Do quá tức giận nên máu từ các lỗ chân lông chảy ra. Chúng trời Tịnh Cư thấy ác ma quấy nhiễu Bồ-tát, khởi tâm từ bi thương xót chúng, liền hiện xuống khắp cả hư không, thấy vô số quân ma, vây quanh Bồ-tát, nói ra những lời ác độc, chấn động cả trời đất. Nhưng tâm Bồ-tát vẫn an định, dung mạo không thay đổi, giống như sư tử ở giữa đàn nai. Họ đều khen rằng:

- Kỳ lạ thay! Thật chưa từng có! Bồ-tát nhất định sẽ thành Chánh Giác!

Bấy giờ, quân ma cùng nhau thúc giục mỗi người đều dốc hết uy lực để phá hoại Bồ-tát. Hoặc trùng mắt nghiêng răng, hoặc bay nhảy loạn xạ. Bồ-tát xem chúng như trẻ em đang đùa giỡn. Quân ma buồn giận, lại càng ra sức chiến đấu. Bấy giờ, Bồ-tát dùng sức từ bi khiến cho người ôm đá không thể đưa lên, còn ai đưa lên rồi thì không thể hạ xuống. Kẻ vung dao múa kiếm dừng lại trên hư không. Điện chớp, sét đánh, trời mưa, lửa cháy đều biến thành hoa năm sắc. Rồng dữ phun nọc độc biến thành gió thơm, các loại hình hung ác, muốn làm hại Bồ-tát đều không thể cử động được. Ma vương có người chị tên Di-già, người em tên Ca-lợi, mỗi người tay cầm vũ khí bằng đầu lâu, ở trước Bồ-tát làm các hình trạng khác nhau để nhiễu loạn. Quân ma hiện ra các thân hình xấu xí, muốn làm cho Bồ-tát sợ, nhưng hoàn toàn không thể chạm đến một sợi lông của Ngài, nên quân ma càng thêm sầu não. Bấy giờ, trên hư không có một vị thần, tên là Phụ-đa, ẩn thân nói rằng:

- Nay ta thấy tâm Bồ-tát an nhiên vắng lặng, lòng không oán giận. Quân ma này khởi tâm ác độc đối với Bồ-tát. Đối với bậc không oán thù mà vọng sinh phẫn nộ, thật là ác ma ngu si, tự mình làm một nhọc mà hoàn toàn không được gì. Nay các người nên bỏ tâm oán giận và hãm hại. Miệng người có thể thổi núi Tu-di nghiêng đổ, lửa có thể làm cho lạnh, nước có thể khiến cho

nóng, tánh của đất cứng rắn có thể làm cho mềm mại, nhưng các người không thể phá hoại Bồ-tát đã trải qua nhiều kiếp tu tập thiện quả, chánh tư duy định, tinh cần phương tiện, tịnh trí huệ quang. Bốn công đức này không thể đoạn dứt được, nếu bị ngăn ngại thì không thành Chánh Giác. Giống như ngàn mặt trời chiếu ắt sẽ tiêu tan bóng tối. Như dùi cây được lửa, đào đất được nước, tinh cần phương tiện, không cầu thì chẳng được. Chúng sinh ở thế gian đang chìm đắm trong ba độc, không người cứu vớt, Bồ-tát từ bi, tìm thuốc trí huệ, vi trừ các bệnh cho thế gian. Nay tại sao các người lại nhiều loạn Bồ-tát?

Chúng sinh ở thế gian ngu si không có trí tuệ, thầy đều rơi vào tà kiến. Nay Bồ-tát lập ra pháp nhân muốn dẫn dắt chúng sinh tu tập theo con đường chơn chánh. Vì sao người nhiều loạn bậc Đại sư, đây là điều không nên làm. Giống như ở giữa đồng trống mà muốn đổi gặt người dẫn đường đàn buôn vậy. Chúng sinh rơi vào chỗ tối tăm, mờ mịt không biết nơi an trú. Bồ-tát thấp ngọn đèn trí huệ, tại sao người muốn thổi tắt? Nay chúng sinh đang chìm đắm trong biển sinh tử, Bồ-tát vì họ mà làm thuyền báu trí huệ, tại sao người muốn nhận chìm? Bồ-tát lấy nhẫn nhục làm mầm, kiên cố làm gốc, pháp lớn vô thượng làm quả, tại sao người muốn chặt phá? Tham, sân, si là xiềng xích trói buộc các chúng sinh, Bồ-tát tu khổ hạnh là muốn giải thoát cho họ; hôm nay quyết định ngồi kiết già dưới gốc cây này thành đạo Vô thượng. Nơi đây là tòa kim cương của chư Phật quá khứ, những nơi khác rung chuyển mà chỗ này vẫn bất động. Bồ-tát đã vào chánh định vi diệu, người không thể phá hoại được, mà phải nên sinh lòng vui mừng, bỏ tâm kiêu mạn, cần nhớ nghĩ phụng Bồ-tát.

Khi ấy, Ma vương nghe tiếng nói trên hư không, lại thấy Bồ-tát điềm nhiên không biến đổi, trong lòng hổ thẹn, bỏ tâm kiêu mạn, tức quy phục, trở về thiên cung. Quân ma thầy đều tan rã, trong lòng lo buồn chán nản không còn uy lực, các vũ khí chiến đấu bỏ ngổ ngang trong rừng. Lúc ác ma đang phân tán, rút lui, tâm Bồ-tát thanh tịnh, vắng lặng không lay động, trời quang mây tạnh, gió ngừng thổi, mặt trời đã lặn, nhưng ánh sáng càng gấp bội. Mặt trăng và các vì sao cũng chiếu sáng rực rỡ, những nơi tối tăm không còn ngăn che, các vị trời trên hư không rải hoa báu như mưa, đồng thời trỗi các kỹ nhạc để cúng dường Bồ-tát.

Đêm mừng bảy tháng hai, Bồ-tát vận sức từ bi hàng phục ma quân rồi, phóng ánh sáng rực rỡ, nhập định tư duy chân đế. Đối với các pháp, thiên định tự tại, biết rõ tất cả nghiệp thiện, ác của mình đã tạo đời quá khứ, từ nơi này sinh qua chỗ kia, cha mẹ quyến thuộc, giàu nghèo, sang hèn, thọ mạng dài ngắn cho đến tên tuổi, dòng họ. Bồ-tát đối với chúng sinh, khởi tâm từ bi, tự suy nghĩ rằng: “Tất cả chúng sinh không có người cứu giúp, luân hồi mãi trong năm đường chẳng biết lối ra. Hết thầy đều hư ngụy không chân thật, mà chúng sinh ở trong đó vọng sinh khổ vui.” Bồ-tát tư duy như thế đến hết canh một.

Đến canh hai, Bồ-tát chứng được Thiên nhãn, quán sát thế gian, thấy rõ tất cả như thấy bóng mình trong gương sáng. Ngài lại thấy các loài chúng sinh nhiều vô lượng, chết đây sinh kia, tùy theo nghiệp thiện hoặc ác mà thọ quả báo khổ vui. Lại thấy chúng sinh bị tra khảo trong địa ngục như: rót nước đồng sôi vào miệng tội nhân, hoặc ôm cột đồng cháy, hoặc nằm giường sắt nóng, hoặc dùng vạc sắt mà nấu, hoặc bị thui nướng trên lửa, hoặc làm thức ăn cho loài hổ, lang, chim

ung, chó, hoặc tránh hầm lửa nướng vào gốc cây, lá rụng xuống đều biến thành dao kiếm, cắt xẻ thân thể. Hoặc dùng cưa, búa lóc xẻ các chi trên thân, hoặc quăng vào soong tro sôi, hoặc ném vào hầm phân tiêu. Chịu các khổ sở như thế, nhưng do nghiệp báo nên phải chết đi sống lại muôn lần. Bồ tát thấy những việc như thế, trong lòng suy nghĩ rằng: “Những chúng sinh này vì thích tạo nghiệp ác ở thế gian, ngày nay chịu quả báo vô cùng khổ sở. Nếu người nào thấy quả báo khổ này sẽ không dám nghĩ đến điều ác nữa.”

Bấy giờ, Bồ tát lại quán loài súc sinh, tùy theo hạnh nghiệp của mỗi loài mà thọ các thân hình xấu xí. Hoặc làm những loài có thịt, xương, gân, sừng, da, răng, lông, cánh bị người giết hại; hoặc mang vác vật nặng cho người, đói khát cơ cực mà người không nghĩ đến; hoặc bị xỏ mũi, hoặc bị móc đầu, thường đem thịt thân mình cung cấp cho con người, lại cùng đồng loại ăn nuốt lẫn nhau, chịu những sự thống khổ như thế. Bồ tát thấy vậy khởi tâm đại bi, tự suy nghĩ rằng: “Các chúng sinh này thường dùng sức của mình để phục vụ cho con người, lại chịu khổ sở, đói khát đánh đập đều do quả báo ác đã tạo đời trước.”

Thứ đến, Bồ tát quán loài ngựa quý, thấy chúng thường ở chỗ tối tăm, chưa từng thấy ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, không nhìn thấy đồng loại. Thọ thân hình cao lớn, bụng to như núi Thái, cổ nhỏ như cây kim; trong miệng thường có lửa đốt, luôn bị sự đói khát bức bách, trăm ức vạn năm không hề nghe nói đến tiếng ăn uống. Giả sử gặp trời mưa rơi trên thân cũng biến thành lửa, hoặc lúc đi qua ao hồ, sông, biển thì nước hóa thành đồng sôi, than đỏ; mỗi khi động thân cất bước âm thanh phát ra như đoàn người kéo 500 cỗ xe đi qua, toàn thân như bị lửa đốt. Bồ tát thấy loài ngựa quý chịu các đau khổ như thế, khởi tâm đại bi, tự suy nghĩ rằng: “Loài ngựa quý này do tạo các nghiệp keo kiệt, tham lam, tích chứa của cải, không chịu bố thí, nên hôm nay chịu tội báo này. Nếu ai thấy những sự đau khổ kia thì nên bố thí chớ sinh lòng tham tiếc. Giả sử không có của cải, cũng nên cắt thịt mình để bố thí.”

Tiếp đến, Bồ tát lại quán loài người, thấy lúc thân Trung ấm mới gá vào thai. Nhân lúc cha mẹ giao hợp, do vọng tưởng điên đảo khởi tâm ái nhiễm, liền lấy chất bất tịnh làm thân mình. Lúc ở trong thai thân thể bị nóng đốt như ở địa ngục, đủ mười tháng mới sinh. Khi mới sinh ra bị người bên ngoài bông bế, xúc chạm sự thô nhám khiến đau đớn như bị dao kiếm cắt. Không được bao lâu lại trở về bị già, chết, rồi sinh trở lại làm đứa trẻ, cứ xoay chuyển mãi trong năm đường, không tự tỉnh ngộ. Bồ tát thấy vậy khởi tâm đại bi, tự suy nghĩ rằng: “Tất cả chúng sinh đều có cái họa như thế, tại sao cứ đắm chìm trong năm dục vọng cho là vui, không thể đoạn trừ gốc rễ của điên đảo.”

Bồ tát lại quán đến chư Thiên, thấy các vị Thiên tử kia, thân thể thanh tịnh, không dính bụi nhơ, giống như lưu ly, hai mắt không máy động. Hoặc có chư Thiên ở trên đỉnh núi Tu di, hoặc ở bốn phía, hoặc ở trên hư không, tâm thường vui vẻ chơi quên cả đêm ngày, nơi nơi đều tuyệt đẹp, nhìn về hướng Đông đắm trước nhiều năm quên quay lại, nhìn về hướng Tây say mê nhiều năm không trở về. Cho đến hướng Nam, Bắc cũng đều như thế. Y phục, ăn uống vừa nghĩ liền có. Tuy có những việc vừa ý như thế nhưng vẫn bị lửa dục thiêu đốt. Lại thấy lúc phước trời hết năm tướng chết hiện ra:

1. Hoa trên đầu héo.
2. Mắt máy động.
3. Ánh sáng trên thân biến mất.
4. Mồ hôi tách tiết ra.
5. Tự nhiên muốn lia khỏi tòa của mình.

Các quyền thuộc thấy thân Thiên tử có năm tướng chết hiện ra, tâm sinh luyện mộ. Thiên tử cũng tự biết thân mình hiện ra năm tướng chết, lại thấy quyền thuộc luyện mộ mình trong lòng vô cùng khổ não. Bồ tát thấy các vị Thiên tử có những việc như thế, khởi tâm đại bi, tự nghĩ rằng: “Các vị Thiên tử này vốn có tu một ít điều thiện, được hưởng niềm vui ở cõi trời, quả báo sắp hết vô cùng khổ não. Sau khi mạng chung, xả bỏ thân trời sẽ đọa vào trong ba đường ác. Kiếp trước làm những việc thiện, nhưng vì cầu quả báo vui mà ngày nay được vui ít khổ nhiều. Giống như người đói ăn các thứ có độc, lúc đầu tuy ngon, sau đó bị họa lớn. Tại sao người trí phải tham đắm dục lạc này?”

Các vị trời ở cõi Sắc và Vô Sắc thấy tuổi thọ dài, nên cho dục lạc là thường hằng. Khi thấy biến hoại thì vô cùng sầu não, liền khởi tà kiến, phỉ báng nhân quả, do việc này mà bị luân hồi trong ba đường chịu các khổ não. Bồ tát dùng Thiên nhãn quan sát trong năm đường, khởi tâm đại bi, tự nghĩ rằng: “Trong ba cõi không có một pháp nào vui.” Suy nghĩ như thế đến hết canh hai.

Đến đầu canh ba, Bồ tát quán căn tánh của chúng sinh do nhân duyên gì mà có “già, chết,” liền biết “già, chết” do “sinh” làm gốc, nếu lia được “sinh” thì không còn “già, chết.” Hơn nữa, sinh này không phải tự nhiên sinh, cũng chẳng từ tự sinh mà đều do nhân duyên sinh. Vì từ nhân duyên sinh, nên sinh các nghiệp Dục hữu, Sắc hữu, Vô Sắc hữu. Bồ tát lại quán nghiệp trong ba cõi từ đâu mà sinh, liền biết nghiệp trong ba cõi từ Tứ thủ⁵⁴ sinh. Lại quán Tứ thủ từ đâu sinh ra, liền biết Tứ thủ từ Ái mà sinh. Lại quán Ái từ đâu sinh ra, liền biết Ái từ Thọ sinh. Lại quán Thọ từ đâu sinh ra, liền biết Thọ từ Xúc sinh. Lại quán Xúc từ đâu sinh ra, liền biết Xúc từ Lục nhập sinh. Lại quán Lục nhập từ đâu sinh ra, liền biết Lục nhập từ Danh sắc sinh. Lại quán Danh sắc từ đâu sinh, liền biết Danh sắc từ Thức sinh. Lại quán Thức từ đâu sinh ra, liền biết Thức từ Hành sinh. Lại quán Hành từ đâu sinh ra, liền biết Hành từ Vô minh sinh.

Nếu diệt được Vô minh thì Hành diệt, Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh sắc diệt, Danh sắc diệt thì Lục nhập diệt, Lục nhập diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thì Sinh diệt, Sinh diệt thì già, chết, lo buồn khổ não diệt. Bồ tát quán 12 nhân duyên theo chiều thuận nghịch như thế, đến hết canh ba thì

⁵⁴ **Tứ thủ:** bốn chấp thủ, gồm: 1. *Dục thủ:* tham chấp sinh khởi đối với cảnh ngũ dục của cõi Dục; 2. *Kiến thủ:* chấp trước kiến giải tà tâm, phân biệt là chân thật, cũng tức là chấp lấy Tứ kiến; 3. *Giới cầm thủ:* chấp trước phi chánh nhân, phi chánh đạo, cũng tức là chấp lấy Giới cầm thủ trong Ngũ kiến; 4. *Ngã ngữ thủ:* ngã chấp khởi lên do duyên tất cả nội thân (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập V, tr. 4482).

phá được vô minh. Khi trời gần sáng, đạt được ánh sáng trí tuệ, đoạn trừ các tập chướng, thành tựu Nhất thiết chủng trí.

Lúc bấy giờ, Đức Như Lai tự suy nghĩ: “Tám con đường chơn chánh là pháp tu hành của chư Phật trong ba đời, là con đường đến Niết bàn. Nay ta đã trải qua, trí huệ thông đạt không còn chướng ngại.” Lúc ấy, đại địa chấn động 18 cách, mây bụi lắng trong, trống trời tự nhiên phát ra âm thanh vi diệu, gió thơm thổi nhẹ êm dịu mát mẻ, mây lành nhiều sắc, trời mưa cam lộ; trong vườn cây, hoa quả sum suê không tùy thuộc vào thời tiết. Trời lại mưa hoa Mạn-đà-la, hoa Ma ha Mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha Mạn-thù-sa, hoa sen bảy báu, hoa vàng, hoa bạc, hoa lưu ly v.v... rơi quanh cây Bồ đề rộng khắp 36 do tuần. Lúc ấy, các vị trời trởi kỹ nhạc, rải hoa, đốt hương, ngâm vịnh khen ngợi, cầm tràng phan và bảo cái trời đứng khắp cả hư không cúng dường Đức Như Lai. Tám bộ là rồng, thần... cúng dường cũng giống như thế.

Ngay lúc ấy, tất cả tâm chúng sinh trở nên từ ái, không còn sân hận và ý sát hại, ngược lại, còn hoan hỷ vui mừng như gặp được Thánh tích; trong lòng không còn sợ hãi, tâm được nhu hòa, dứt ý kiêu mạn, cũng không còn keo kiệt, ganh ghét, nịnh hót, dối trá. Trời Ngũ Tịnh Cư vốn đã lia sự hỷ lạc, cũng đều vui mừng, không thể tự kèm chế. Những hình phạt đau khổ trong địa ngục cũng tạm dừng, khiến cho chúng tội nhân nơi đây vô cùng vui mừng. Tất cả loài súc sinh vốn ăn nuốt lẫn nhau, nay đều không còn tâm hung ác. Loài ngạ quỷ được no đủ không còn nghĩ đến đói khát. Trong thế giới, những chỗ tối tăm, ánh sáng mặt trời, mặt trăng không thể chiếu đến, mà nay đều được sáng rực. Các chúng sinh ở trong đó đều thấy được nhau và tự nghĩ rằng: “Trong đây tại sao bỗng sinh ra chúng sinh?” Bậc Đại Thánh Pháp vương xuất hiện ở đời, dùng ánh sáng đại pháp phá bóng tối phi pháp, khiến cho tất cả đều được sáng tỏ. Các vị vương dòng tộc Cam Giá bỏ nước xuất gia học đạo, đắc năm pháp thần thông của Tiên, lại tu Thập thiện, được sinh lên cõi trời. Họ đều nương vào thần thông bay đến chỗ cây Bồ-đề, trụ trên hư không, vui mừng chấp tay khen ngợi rằng:

- Trong dòng tộc Cam Giá của ta, Ngài là người đoạn được các lậu hoặc, thành tựu Nhất thiết chủng trí, là con mắt cho thế gian, thật là kỳ diệu!

Tất cả chúng sinh đều hoan hỷ vui mừng, chỉ có Ma vương ôm lòng sầu não.

Sau khi thành Phật, bảy ngày đầu, Đức Như Lai nhiếp tâm tư duy, quán cây Bồ-đề tự suy nghĩ rằng: “Ta ở nơi đây đoạn hết các lậu hoặc, việc làm đã xong, bốn nguyện đã thành tựu viên mãn. Pháp của ta chứng đắc rất sâu xa khó hiểu, chỉ có Phật với Phật mới hiểu được. Tất cả chúng sinh ở trong đời năm trước bị tham dục, sân hận, si mê, tà kiến, kiêu mạn nịnh hót ngăn che, phước mỏng, căn tánh ám độn, không có trí huệ, làm sao có thể hiểu được pháp của ta đã chứng đắc! Nay nếu ta chuyển pháp luân thì họ mê muội không thể tín thọ, trở lại sinh lòng phỉ báng, sẽ đọa vào đường ác, chịu các sự đau khổ, thà ta im lặng mà nhập Niết bàn!”

Lúc ấy, Đức Như Lai liền nói kệ rằng:

Thánh đạo rất khó chứng

Trí huệ thật khó được

Đối với việc khó này

Ta đều đã làm xong.

Trí huệ của ta chứng

Là vi diệu bậc nhất

Các chúng sinh độn căn

Dục lạc, si che mờ.

Thuận theo dòng sinh tử

Không thể quay về nguồn

Các loài chúng sinh ấy

Làm sao mà độ được?

Khi đức Như Lai nghĩ như vậy, Đại Phạm Thiên vương thấy Đức Như Lai thành tựu Thánh quả rồi mà cứ ngồi im lặng không chuyển pháp luân. Đại Phạm Thiên vương buồn bã, liền tự nghĩ rằng: “Ngày xưa, Đức Thế Tôn trải qua vô lượng ức kiếp vì chúng sinh mà ở lâu trong sinh tử, xả bỏ đất nước, vợ con, đầu, mắt, tủy, não, chịu các sự đau khổ, hôm nay mới thành tựu sở nguyện, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tại sao lại im lặng không thuyết pháp? Chúng sinh ở mãi trong đêm dài, chìm đắm trong sinh tử, nay ta sẽ đến thỉnh Ngài chuyển pháp luân.” Nghĩ như thế liền rời khỏi cung trời, nhanh chóng giống như thời gian người tráng sĩ duỗi cánh tay đã đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, nhiễu quanh trăm nghìn vòng, rồi lui qua một bên, quỳ xuống chấp tay, bạch Đức Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ngày xưa Ngài vì chúng sinh mà ở lâu trong sinh tử, xả bỏ thân mạng, đầu mắt để bố thí, chịu các sự đau khổ, tu tập công đức sâu dày, hôm nay mới thành đạo Vô thượng, tại sao lại im lặng không nói pháp? Chúng sinh ở mãi trong đêm dài, chìm đắm trong sinh tử, rơi vào bóng tối của vô minh, rất khó ra khỏi. Tuy nhiên trong đó cũng có những chúng sinh ở đời quá khứ, đã gần gũi bạn lành, gieo trồng các công đức, nên có nghe pháp mà lãnh thọ Thánh đạo. Xin Đức Thế Tôn vì những người này, vận sức từ bi chuyển pháp luân vi diệu!

Thích-đề-hoàn-nhân cho đến trời Tha Hóa Tự Tại cũng khuyến thỉnh Đức Như Lai vì các chúng sinh chuyển đại pháp luân!

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Đại Phạm Thiên vương và Thích-đề-hoàn-nhân v.v...:

- Ta cũng muốn vì tất cả chúng sinh mà chuyển pháp luân. Nhưng pháp của ta chứng đắc sâu xa vi diệu, khó hiểu, ta sợ các chúng sinh không thể tin thọ, trở lại sinh lòng phi báng, đọa vào địa ngục. Vì thế mà ta im lặng.

Đại Phạm Thiên vương v.v... thưa thỉnh ba lần. Đến ngày thứ bảy, Đức Như Lai mới im lặng nhận lời. Đại Phạm Thiên vương... biết Phật đã chấp nhận lời thỉnh cầu, liền cúi đầu đánh lễ dưới chân Đức Phật, sau đó mỗi người trở về trú xứ của mình.

Đức Thế Tôn nhận lời thỉnh cầu của Đại Phạm Thiên vương v.v... rồi, bảy ngày kế tiếp, Ngài dùng Phật nhãn quan sát căn cơ của chúng sinh, thấy có ba bậc thượng, trung, hạ và các loại phiền não cũng có ba bậc hạ, trung, thượng. Trải qua 14 ngày, Đức Thế Tôn lại suy nghĩ: “Nay ta sẽ khai mở pháp môn cam lồ, ai là người được nghe trước đây?” Ngài liền nghĩ đến tiên nhân A-la-la thông minh, dễ lãnh ngộ, vả lại lúc trước đã phát nguyện khi thành đạo sẽ độ ông ta đầu tiên. Lúc nghĩ như thế, trên hư không có giọng nói rằng: “Tiên nhân A-la-la mới mạng chung hôm qua.” Đức Thế Tôn liền đáp lại: “Ta cũng đã biết điều đó.”

Đức Thế Tôn lại nghĩ đến tiên nhân Ca-lan cũng là người căn tánh lanh lợi sáng suốt, đáng được nghe trước. Trên hư không lại nói rằng: “Tiên nhân Ca-lan cũng mạng chung hôm qua.” Đức Thế Tôn lại đáp rằng: “Ta cũng đã biết việc đó.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nghĩ: “Năm anh em Kiều-trần-như v.v. được Quốc sư và các vị đại thần sai ở lại chăm sóc ta, đều rất thông minh; hơn nữa vào đời quá khứ, đã ở trước phát nguyện được nghe pháp đầu tiên. Nay ta sẽ vì năm người này mà giảng nói chánh pháp. Đức Thế Tôn lại suy nghĩ: “Ngày xưa, các Đức Phật chuyển pháp luân đều ở chỗ các vị tiên nhân, trong vườn Lộc Uyển, tại nước Ba-la-nại. Hơn nữa, đây cũng là chỗ ở của năm người kia. Nay ta sẽ đến đó chuyển đại pháp luân.” Suy nghĩ như thế rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến nước Ba-la-nại.

Lúc bấy giờ, có 500 thương buôn, trong đó có hai người dẫn đầu tên Bạt-đà-la-tu-na và Bạt-đà-la-lê đi ngang qua đồng vắng. Bỗng có vị Thiên thần đến báo với họ rằng: “Hiện nay có Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời, là ruộng phước tối thượng, các người nên đến đó cúng dường trước tiên.”

Các vị thương buôn kia nghe Thiên thần nói thế, liền thưa rằng:

- Hay thay! Chúng tôi sẽ đến!

Các vị thương buôn lại hỏi Thiên thần rằng:

- Hiện nay, Đức Thế Tôn đang ở đâu?

Thiên thần đáp:

- Không bao lâu Đức Thế Tôn sẽ đến đây.

Bấy giờ, Đức Như Lai cùng vô lượng chư Thiên, thứ lớp đến thôn Đa-vị-sa-bạt-lợi. Các thương buôn kia thấy Đức Như Lai tướng tốt trang nghiêm, lại thấy các vị trời vây quanh, lòng càng hoan hỷ liền đem gạo rang mật dâng lên cúng dường Đức Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn suy nghĩ: “Chư Phật thời quá khứ dùng bát-đa-la để đựng thức ăn.” Khi ấy, bốn vị thiên vương biết ý nghĩ của Phật, mỗi người mang một bình bát đến dâng lên cúng dường. Đức Thế Tôn lại nghĩ: “Nay nếu ta nhận bát của một vị vua thì các vị vua khác nhất định sẽ sinh lòng oán giận.” Nên Ngài liền nhận tất cả bát của bốn vị vua, đặt chồng lên lòng bàn tay rồi ấn xuống thành một cái bát, nhưng trên miệng bát hiện ra bốn ngấn. Lúc đó, Đức Thế Tôn liền chú nguyện: “Vật được cúng dường hôm nay là muốn cho người thọ thực có đủ sức khỏe. Ta nguyện cho người cúng dường khí lực sung mãn, tinh thần vui vẻ, không bị bệnh tật, trường thọ, các vị thiện thần thường theo ủng hộ. Nhờ phước cúng dường thức ăn mà đoạn trừ tận gốc của ba độc. Đời sau sẽ được ba pháp bền chắc, thông minh trí huệ, tin sâu Phật pháp, sinh ở nơi nào cũng được chánh kiến không mê muội. Đời hiện tại thì cha mẹ, vợ con, thân bằng quyến thuộc đều được thịnh vượng, không có các tai ương và việc chẳng lành. Trong dòng tộc, nếu có người mạng chung rơi vào trong đường ác, nhờ phước của người cúng dường khiến cho sinh trở lại sinh vào trời, người, không khởi tà kiến, vun bồi công đức, thường được gần gũi phụng sự các Đức Như Lai, được nghe chánh pháp, thấu được chân lý, chứng đắc đạo quả, thành tựu sở nguyện.”

Đức Thế Tôn chú nguyện rồi liền thọ thực, sau khi thọ thực xong, súc miệng, rửa bát, truyền pháp Tam quy cho hai vị thương nhân.

1. Quy y Phật.
2. Quy y Pháp.
3. Quy y Tăng tương lai.

Khi truyền pháp Tam quy xong, Thế Tôn từ biệt họ lên đường. Bấy giờ, oai nghi của Ngài an tường, bước đi như ngỗng chúa. Trên đường đi, gặp một ngoại đạo tên Ưu-ba-già. Ông ta thấy Đức Như Lai có tướng tốt trang nghiêm, các căn an định, khen là rất đặc biệt, liền nói kệ rằng:

Chúng sinh ở thế gian

Đều bị ba độc trói

Các căn lại thô phù

Rong ruổi theo ngoại cảnh.

Nay tôi thấy Nhân giả

Dáng vẻ rất điềm tĩnh

*Ắt đã được giải thoát
Chắc chắn không còn nghi.
Thầy Nhân giả là ai
Và tên họ là gì?*

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn liền dùng kệ đáp rằng:

*Ta nay đã vượt thoát
Ngoài tất cả chúng sinh
Pháp vi diệu sâu xa
Nay ta đều biết rõ.
Cảnh tam độc, ngũ dục
Ta hoàn toàn chấm dứt
Như hoa sen trong nước
Không nhiễm bởi bùn dơ
Tự ngộ Bát chánh đạo
Không thầy không bạn lữ.
Dùng trí huệ thanh tịnh
Hành phục Đại lực ma
Nay thành bậc Chánh giác
Là thầy của trời, người
Thân, miệng, ý thanh tịnh
Nên hiệu là Mâu-ni.
Muốn đến Ba-la-nại
Chuyển pháp luân cam lồ
Mà trời, người, ma, phàm
Đều không thể chuyển được.*

Ưu-ba-già nghe Phật nói kệ, lòng vô cùng hoan hỷ, khen là việc chưa từng có, cung kính chấp tay, nhiễu quanh Đức Phật rồi từ biệt ra đi, vừa đi vừa quay lại nhìn đến khi không còn thấy mới thôi.

Đức Thế Tôn lại tiếp tục lên đường. Khi đến bờ sông A-xà-bà-la thì trời vừa tối. Ngài liền nghỉ qua đêm ở đây và an trú trong chánh định. Trong dòng sông kia có đại long vương tên là Mục-chân-lân-đà, thấy Đức Phật nhập định, liền dùng thân mình quấn quanh bảy vòng để che mưa gió cho Phật. Qua bảy ngày, Đại long vương hóa làm thân người, đánh lễ dưới chân Đức Phật, bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ngài ở đây trong bảy ngày qua, không quá sợ mưa gió chứ?

Đức Thế Tôn liền dùng kệ đáp rằng:

Chư Thiên và thế gian

Đều vui thích năm dục

So với thiên định này

Không có gì sánh được.

Khi Long vương nghe Đức Phật nói kệ, lòng vô cùng hoan hỷ, đánh lễ dưới chân Đức Phật rồi trở về trú xứ của mình.

Đức Thế Tôn lại đi tiếp đến nước Ba-la-nại. Sau đó, đến chỗ ở của năm người là Kiều-trần-như, Ma-ha-na-ma, Bạt-ba, A-xã-bà-xà, Bạt-đà-la-xà. Năm người vừa trông thấy Đức Phật từ xa, họ cùng bảo nhau rằng: “Sa môn Cù-đàm bỏ tu khổ hạnh, trở lại vui thích sự ăn uống, không còn tâm đạo. Nay ông trở lại, chúng ta không phải đứng dậy đón tiếp, cũng chẳng cung kính đánh lễ. Nếu Cù-đàm có hỏi chỗ trái tào, chúng ta hãy nói muốn ngồi đâu tùy ý.” Nói xong, mỗi người ngồi im lặng. Thế nhưng, khi Thế Tôn vừa đến nơi thì năm người tự nhiên đứng dậy cung kính đánh lễ nghinh đón, cùng nhau làm các việc. Người thì đến đỡ y bát, người lấy nước cho Ngài rửa tay, người mang nước đến rửa chân v.v..., tất cả đều trái với lời hứa trước đó, nhưng vẫn còn gọi Phật là Cù-đàm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Kiều-trần-như rằng:

- Các ông cùng hứa với nhau, khi thấy ta đến không đứng dậy, nay tại sao làm trái với lời hứa, lại kinh sợ đứng dậy làm mọi việc giúp ta?

Năm anh em Kiều-trần-như nghe Đức Phật nói thế, vô cùng hổ thẹn, liền đến thưa rằng:

- Cù-đàm hành đạo có mệt nhọc chăng?

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói với họ rằng:

- Tại sao các ông đối với bậc Vô Thượng Tôn mà tỏ lòng cao ngạo, gọi tên họ như thế? Tâm ta rộng rang như hư không, đối với sự khen chê không còn phân biệt, nhưng các người khởi lòng kiêu mạn sẽ tự chuốc lấy quả báo ác. Cũng giống như người con gọi tên của cha mẹ, đối với phép tắc ở thế gian còn không được, huống gì ta là cha mẹ của tất cả chúng sinh!

Năm anh em Kiều-trần-như nghe Phật nói thế thì vô cùng hổ thẹn, liền bạch Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con ngu si, không biết Ngài đã thành chánh giác. Vì sao? Vì ngày trước chúng con thấy Đức Như Lai tu khổ hạnh, mỗi ngày ăn một hạt gạo hoặc hạt mè mà nay trở lại ưa thích thọ nhận thức ăn. Do đó, chúng con nghĩ rằng Ngài không thể thành đạo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Kiều-trần-như rằng:

- Các ông chớ dùng trí huệ nông cạn để xét ta thành đạo hay không thành đạo. Vì sao? Vì thân khổ thì tâm phiền não, còn thân vui thì tâm lại đắm trước. Vì thế, vui khổ chẳng phải là nhân của đạo. Ví như dùi cây lấy lửa mà lại rưới nước, chắc chắn sẽ không có ánh sáng để phá bóng tối. Cũng vậy, muốn khơi ngọn lửa trí huệ lại lấy nước khổ lạc rưới lên thì ánh sáng trí huệ không bao giờ phát sinh. Vì ánh sáng trí huệ không sinh, nên không thể diệt được bóng tối sinh tử. Nay nếu ông bỏ được hai trạng thái khổ và lạc, thực hành Trung đạo, tâm được vắng lặng mới có thể tu theo con đường Bát chánh, xa lìa các họa sinh, già, bệnh, chết. Ta đã thực hành theo Trung đạo, thành tựu quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Năm anh em Kiều-trần-như nghe Đức Như Lai nói thế, lòng vô cùng hoan hỷ vui mừng, chiêm ngưỡng tôn nhan của Đức Như Lai mắt không tạm rời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn quán sát căn cơ của năm anh em Kiều-trần-như, thấy họ có thể lãnh hội chánh pháp, liền nói rằng:

- Kiều-trần-như...! Các ông nên biết năm ấm quá thịnh cũng khổ, sinh, già, bệnh, chết là khổ, người thân xa lìa là khổ, oán ghét gặp nhau là khổ, cầu không toại ý là khổ, cho đến mất vinh và lạc. Nay Kiều-trần-như! Loài có hình không hình, không chân một chân, hai chân, bốn chân hoặc nhiều chân, đều chịu các sự đau khổ như thế. Giống như lấy tro lấp lên lửa than, nếu gặp cỏ khô thì lại bốc cháy. Như thế, các khổ đều do Ngã làm gốc, nếu có chúng sinh nào khởi Ngã tưởng vì tế vẫn trở lại chịu khổ như thế. Tham lam, sân hận, ngu si đều do gốc Ngã mà phát sinh.

Lại nữa, ba độc là nhân của các khổ, cũng như hạt giống có thể nảy mầm, chúng sinh do đó mà bị luân hồi trong ba cõi. Nếu diệt được Ngã tưởng và tham, sân, si thì các khổ kia cũng chấm dứt. Ai thực hành theo con đường Bát chánh, cũng giống như lấy nước rưới vào lửa cháy mạnh. Tất cả chúng sinh vì không biết nguồn gốc của các khổ nên bị luân hồi trong sinh tử.

Kiều-trần-như! Đây là Khổ, các ông nên biết. Đây là Tập, nên đoạn. Đây là Diệt, nên chứng. Đây là Đạo, nên tu. Kiều-trần-như! Khổ, ta đã biết; Tập, ta đã đoạn; Diệt, ta đã chứng; Đạo, ta đã tu, thành tựu quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế, các ông nên biết Khổ, phải đoạn

Tập, phải chứng Diệt, phải tu đạo. Nếu người nào không hiểu bốn Thánh đế, nên biết người đó không được giải thoát.

Bốn Thánh đế là chơn là thật. Khổ thật là khổ, Tập thật là Tập, Diệt thật là Diệt, Đạo thật là Đạo. Kiền-trần-như! Các ông hiểu chưa?

Kiền-trần-như bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Con đã hiểu rõ! Do hiểu bốn Thánh đế nên gọi là A-nhã Kiền-trần-như.

Lúc Đức Phật ba lần chuyển Tứ đế thành 12 hành pháp luân, A-nhã Kiền-trần-như ở trong các pháp xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh⁵⁵.

Bấy giờ, trên hư không có tám vạn na-do-tha chư Thiên cũng lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh. Lúc đó, Địa thần thấy Đức Như Lai ở cõi này chuyển pháp luân, lòng rất hoan hỷ, cao giọng xưng rằng: “Đức Như Lai ở cõi này chuyển pháp luân vi diệu!” Thiên thần trên hư không nghe nói thế, sinh lòng vui mừng, lần lượt xưng lên như thế, cho đến chư Thiên ở cõi trời A-ca-nị-tra nghe cũng vô cùng vui mừng, cao giọng xưng rằng: “Hôm nay, Đức Như Lai ở chỗ tiên nhân tại Vườn Nai, nước Ba-la-nại, chuyển đại pháp luân mà tất cả trời, người, ma, phạm, Sa môn, Bà la môn trong thế gian không thể chuyển được!” Lúc ấy, đại địa chấn động 18 cách, tám bộ Trời Rồng ở trên hư không thổi các kỹ nhạc, đốt các hương thơm, rải nhiều hoa đẹp, cầm tràng phan, bảo cái, ca ngâm tán thán; trống trời tự phát ra âm thanh, trong cõi nước bỗng nhiên sáng rực.

Trong hàng đệ tử, A-nhã Kiền-trần-như là người ngộ đạo đầu tiên, là đệ tử thứ nhất. Bốn người như Ma-ha-na-ma v.v... nghe Đức Phật chuyển pháp luân xong, chỉ thấy A-nhã Kiền-trần-như ngộ đạo, họ tự suy nghĩ: “Đức Thế Tôn nếu vì chúng ta mà nói pháp thì chúng ta cũng sẽ ngộ đạo.” Nghĩ như thế rồi, liền chiêm ngưỡng tôn nhan của Đức Phật mắt không tạm rời.

Đức Thế Tôn biết được ý nghĩ của bốn người kia, liền vì họ mà giảng rộng bốn đế. Khi ấy, bốn người kia cũng ở trong các pháp xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh. Lúc cả năm anh em Kiền-trần-như ngộ đạo rồi, đánh lễ dưới chân Đức Phật bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con đã thấy được đạo, chứng được đạo, nay chúng con muốn ở trong pháp của Phật xuất gia học đạo, cúi xin Đức Thế Tôn thương xót chấp nhận!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền gọi:

- Thiện lai Tỳ kheo!

⁵⁵ **Pháp nhãn tịnh**: pháp nhãn có năng lực quan sát chân lý các pháp mà không bị chướng ngại và nghi hoặc.

Theo *Duy-ma kinh lược số 4* của ngài Cát Tạng, hàng Sơ quả Tiểu thừa thấy lý Tứ Thánh đế. Bạc Sơ địa Đại thừa được pháp chân thật vô sinh, đều gọi là Pháp nhãn tịnh (Theo *Từ điển Phật học Huệ Quang*, đã dẫn, tập IV, tr. 3537).

Năm anh em Kiều-trần-như râu tóc tự rụng, thân mặc cà sa, liền thành Sa môn. Đức Thế Tôn lại hỏi:

- Tỳ kheo các ông, biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường, khổ hay phi khổ, không hay phi không, Hữu ngã hay Vô ngã?

Khi năm vị Tỳ kheo nghe Phật nói pháp năm âm, các lậu đã dứt, tâm ý thông suốt, chứng quả A-la-hán, liền bạch Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức thật là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Lúc này, ở thế gian có sáu vị A-la-hán đầu tiên. Phật A-la-hán là Phật bảo, pháp luân bốn đế là pháp bảo, năm vị A-la-hán là Tăng bảo. Như vậy, ở thế gian đầy đủ ba ngôi báu, là ruộng phước bậc nhất cho hàng trời người.

Quyển IV

NHÂN QUẢ QUÁ KHỨ HIỆN TẠI KINH

Hán dịch: Đòi Tống, Tam Tạng Cầu-na-bạt-đà-la

Bấy giờ, có con của Trưởng giả tên là Da-xá, thông minh, căn tánh lanh lợi, là người giàu có bậc nhất trong cõi Diêm-phù-đề, thường đội thiên quan, đeo chuỗi bảy báu, mang giày quý giá. Da-xá cùng các kỹ nữ vui chơi đến nửa đêm, rồi lăn ra ngủ say. Da-xá bỗng nhiên thức dậy, thấy các kỹ nữ, người nằm sấp, người nằm ngửa, đầu tóc rối bời, nước dãi chảy ra, những nhạc cụ nằm ngổn ngang. Da-xá thấy như thế sinh tâm nhàm chán, tự suy nghĩ rằng: “Nay ta ở trong chỗ tai họa này, vốn bất tịnh mà vọng sinh là tịnh.” Khi đang nghĩ như thế, do thần lực của trời, trên hư không bỗng sáng rực, cửa tự nhiên mở ra, Da-xá theo luồng ánh sáng đến vườn Nai. Trên đường đi gặp sông Hằng, liền lớn tiếng nói rằng:

- Khổ thay! Khổ thay!

Đức Phật nói với Da-xá:

- Ông hãy đến đây, nay ta có pháp lia khổ!

Da-xá nghe thế liền cởi bỏ giày báu giá trị bằng cõi Diêm-phù-đề, lội qua sông Hằng, đến chỗ Đức Phật. Da-xá thấy Đức Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, dung mạo tôn nghiêm, oai đức đầy đủ, lòng vô cùng hoan hỷ vui mừng, năm vóc gieo sát đất đánh lễ dưới chân Đức Phật bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Cúi xin Ngài cứu giúp con!

Đức Như Lai liền tùy thuận theo căn cơ của Da-xá mà thuyết pháp. Ngài nói:

- Hay thay! Thiện nam tử! Lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Nay Da-xá! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, không, vô ngã, ông có biết chăng?

Da-xá nghe Đức Như Lai nói thế liền ở trong các pháp xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, Đức Như Lai thuyết lại pháp Tứ đế, Da-xá dứt hết lậu hoặc, ý thông suốt, tâm tự tại, chứng quả A-la-hán, liền bạch Đức Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức thật là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Đức Như Lai thấy Da-xá vẫn còn mặc các phục sức thế gian, liền nói kệ rằng:

Mặc dù ở tại gia

Thân mặc y phục báu

Khéo thu nhiếp các căn

Nhàm lìa năm món dục

Nếu người được như thế

Thật là chân xuất gia.

Ăn mặc rất đơn sơ

Tâm còn đắm năm dục

Là không phải xuất gia.

Tạo tất cả thiện ác

Đều từ tâm tưởng sinh

Cho nên chân xuất gia

Đều lấy tâm làm gốc.

Bấy giờ, Da-xá nghe Đức Như Lai nói kệ rồi, trong lòng tự nghĩ: “Sở dĩ Đức Thế Tôn nói bài kệ này, chính vì ta đang mặc đồ bảy báu. Nay ta nên cởi bỏ trang phục này.” Da-xá nghĩ rồi liền đánh lễ Đức Phật bạch rằng:

- Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép con được xuất gia!

Đức Phật nói:

- Thiện tai Tỳ kheo!

Râu tóc Da-xá tự rụng, thân đắp cà sa, liền thành Sa môn.

Đến khi trời sáng, cha của Da-xá tìm kiếm, không thấy Da-xá đâu, lòng vô cùng buồn bã, khóc than thảm thiết. Lăn theo dấu vết tìm kiếm, đến bên sông Hằng thấy giày của con mình, tự suy nghĩ rằng: “Con ta chắc chắn đi qua đường này!”, liền lăn theo dấu chân đến chỗ Đức Phật.

Đức Thế Tôn biết ông Trưởng giả vì tìm con nên đến đây. Nếu cho gặp thì sẽ rất đau khổ, có thể mất mạng, Ngài liền dùng thần lực giấu Da-xá. Trưởng giả đến trước Đức Phật cúi đầu đánh lễ, rồi lui qua một bên. Bấy giờ, Đức Như Lai xét căn cơ, vì Trưởng giả mà thuyết pháp:

- Nay Thiện nam tử! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, không, vô ngã, ông có biết chăng?

Cha của Da-xá nghe Đức Thế Tôn nói thế liền ở trong các pháp xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh, bạch Đức Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thật là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Khi ấy, Đức Như Lai đã biết Trưởng giả thấy được ý đạo, tình yêu thương giảm bớt, liền hỏi rằng:

- Vì việc gì mà ông đến đây?

Trưởng giả đáp:

- Tôi có một người con tên là Da-xá, đêm qua bỗng nhiên đi đâu mất. Sáng nay tôi đi tìm thì thấy đôi giày này bên bờ sông Hằng, tôi lăn theo dấu chân nên đến đây.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thâm thần lực, khiến cho Trưởng giả thấy Da-xá. Khi Trưởng giả thấy Da-xá, lòng rất vui mừng, nói rằng:

- Tốt lắm, tốt lắm! Con làm việc này ta thật vui, đã tự độ mình còn có thể độ người khác. Vì con ở nơi này, nên ta mới đến đây và thấy được lý đạo.

Trưởng giả liền ở trước Phật thọ Tam quy.

Lúc bấy giờ, vị Trưởng giả này là vị Ưu-bà-tắc đầu tiên trong cõi Diêm-phù-đề cúng dường ủng hộ Tam Bảo.

Bấy giờ, có 50 người con của các vị Trưởng giả bạn Da-xá, nghe Phật xuất hiện ở đời, hơn nữa nghe Da-xá ở trong giáo pháp của Phật xuất gia tu đạo, mỗi người tự nghĩ: “Nay ở thế gian có bậc Vô Thượng Tôn, con của Trưởng giả tên là Da-xá, thông minh, biện luận giỏi, tài nghệ hơn người mà có thể bỏ dòng tộc giàu có, xa lìa năm món dục lạc, hủy hình giữ chí làm Sa môn. Nay chúng ta còn luyến tiếc điều gì mà không xuất gia?” Mọi người nghĩ như thế rồi cùng nhau đến chỗ Phật. Khi gần đến nơi, từ xa trông thấy Đức Như Lai tướng kỳ lạ, ánh sáng rực rỡ, tâm rất hoan hỷ, toàn thân mát mẻ, lòng cung kính tột cùng, liền đến trước Phật chấp tay nhiễu quanh,

đánh lễ dưới chân Đức Phật. Các người con Trưởng giả kiếp trước đã gieo trồng công đức, nên thông minh dễ liễu ngộ, Đức Như Lai liền ứng theo căn cơ của họ mà thuyết pháp.

- Này Thiện nam tử! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, không, vô ngã, các ông có biết chăng?

Khi Đức Thế Tôn nói thế, các người con của Trưởng giả ở trong giáo pháp xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh, liền bạch Đức Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức thật là vô thường, khổ, không, vô ngã. Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép chúng con được xuất gia.

Đức Phật nói:

- Thiện tai Tỳ kheo!

Tức thì 50 người con của Trưởng giả kia râu tóc tự rụng, thân đắp ca sa, liền thành Sa môn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại vì các vị ấy giảng rộng pháp Tứ đế, khiến 50 vị Tỳ kheo dứt sạch các lậu hoặc, tâm ý thông suốt, đắc quả A la hán. Lúc này, mới có 56 vị A la hán. Đức Như Lai bảo các Tỳ kheo:

- Việc làm của các ông đã xong, có thể làm ruộng phước tối thượng cho thế gian, mỗi người nên đi khắp nơi giáo hóa, dùng tâm từ bi độ tất cả chúng sinh. Ta sẽ một mình đến nước Ma-kiệt-đà trong thành Vương Xá độ các chúng sinh.

Các Tỳ kheo thưa:

- Hay thay! Đức Thế Tôn!

Các Tỳ kheo cúi đầu đánh lễ dưới chân Đức Phật, mỗi người mang y, ôm bát từ biệt ra đi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền suy nghĩ: “Nay ta nên độ chúng sinh nào mà có thể làm lợi ích cho tất cả trời người. Chỉ có ba anh em Ưu-lâu-tần-loa Ca Diếp ở nước Ma-kiệt-đà tu học đạo tiên, được vua quan, nhân dân quy kính tin thọ, hơn nữa họ thông minh, căn tánh lạnh lợi dễ liễu ngộ, nhưng rất ngã mạn, cũng khó hành phục. Nay ta nên đến độ họ.” Đức Thế Tôn suy nghĩ như thế, liền từ Ba-la-nại đến nước Ma-kiệt-đà. Bấy giờ, trời vừa tối, Ngài bèn đến chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca Diếp.

Khi Ca Diếp vừa thấy Đức Như Lai đầy đủ tướng hảo trang nghiêm, lòng rất hoan hỷ, hỏi rằng:

- Vị Sa môn trẻ tuổi từ đâu đến đây?

Đức Phật đáp:

- Tôi từ Ba-la-nại đến, trời đã tối, muốn xin nghỉ đêm nơi đây.

Ca điếp lại nói:

- Ông xin nghỉ qua đêm thì tôi sẵn lòng, nhưng các phòng đệ tử đều đã ở hết, chỉ còn thất đá rất sạch sẽ, là nơi tôi cất giữ các vật thờ lửa. Nơi này rất yên tĩnh, ông có thể ở trong đó, nhưng có con rồng dữ, tôi sợ nó làm hại ông mà thôi.

Đức Phật đáp:

- Dù có rồng dữ, tôi vẫn xin được tá túc.

Ca điếp lại nói:

- Tánh nó hung ác, sợ làm hại ông chứ chẳng phải tôi có tâm keo kiệt.

Đức Phật đáp rằng:

- Ông cứ cho tôi ở, sẽ không sao đâu!

Ca điếp lại nói:

- Nếu ông có thể ở thì xin tùy ý.

Đức Phật nói:

- Tốt lắm!

Ngài nghỉ qua đêm ở đó. Ngài vào trong thất đá ngồi kiết già, nhập Tam muội. Bấy giờ, rồng dữ ác khởi, toàn thân phun khói. Đức Thế Tôn liền nhập Hỏa quang Tam muội, rồng dữ thấy vậy thì phun lửa ngút trời, đốt cháy thất đá.

Đệ tử của Ca điếp thấy lửa cháy, đến bạch với thầy rằng:

- Vị Sa môn trẻ tuổi này thông minh đoan chánh, nay bị rồng dữ phun lửa thiêu cháy.

Ca điếp kinh hãi đứng dậy đến xem. Thấy rồng kia phun lửa, trong lòng rất thương tiếc, liền bảo đệ tử tưới nước, nhưng không thể dập tắt mà lửa lại càng cháy mạnh hơn, thất đá bị cháy rụi.

Bấy giờ, thân tâm Đức Thế Tôn bất động, diện mạo điềm nhiên. Ngài đã hàng phục rồng dữ kia, khiến nó không còn tâm độc hại, lại trao cho Tam quy, thâm vào bát. Đến lúc trời sáng, thầy trò Ca điếp đều đến chỗ Phật nói rằng:

- Sa môn trẻ tuổi bị rồng dữ phun lửa thiêu đốt, có lẽ đã chết rồi? Hôm qua, tôi không cho mượn thất là vì việc này vậy.

Đức Phật liền nói:

- Ta ở trong đây rất yên tĩnh, hoàn toàn không bị tai họa bên ngoài làm hại. Rồng độc kia nay đang ở trong bát.

Phật liền mở bát ra chỉ cho Ca diếp. Thầy trò Ca diếp thấy vị Sa môn này ở trong lửa lớn mà không bị thiêu cháy, lại còn hàng phục được rồng dữ nhốt vào trong bát, liền khen ngợi là việc chưa từng có. Ca diếp nói với các đệ tử:

- Vị Sa môn trẻ tuổi này tuy có thần thông, nhưng không thể sánh với đạo chơn chánh của ta.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói với Ca diếp:

- Nay ta muốn ở lại nơi này.

Ca diếp đáp:

- Hay thay! Ông cứ tự nhiên!

Đêm thứ hai, Đức Như Lai ngồi nơi gốc cây, có bốn vị Thiên vương đến chỗ Phật nghe pháp, mỗi vị phóng ra ánh sáng rực rỡ hơn cả mặt trời, mặt trăng. Nửa đêm, Ca diếp thức dậy từ xa trông thấy ánh sáng trời ở bên Đức Như Lai, liền nói với đệ tử rằng:

- Vị Sa môn trẻ tuổi này cũng thờ lửa.

Đến sáng, Ca diếp đến chỗ Phật hỏi rằng:

- Sa môn! Ông cũng thờ lửa ư?

Đức Phật đáp:

- Không phải. Đêm qua có bốn vị Thiên vương đến nghe pháp, đó là ánh sáng của họ.

Ca diếp lại nói với các đệ tử rằng:

- Vị Sa môn trẻ tuổi này có oai đức rất lớn, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.

Đến đêm thứ ba, Thích đề hoàn nhân xuống nghe pháp, phóng ánh sáng rực rỡ như mặt trời mới mọc. Đệ tử của Ca diếp từ xa trông thấy ánh sáng bên cạnh Đức Như Lai, liền bạch với thầy rằng:

- Vị Sa môn trẻ tuổi này chắc chắn là thờ lửa.

Khi trời sáng, cùng nhau đến chỗ Đức Phật, hỏi rằng:

- Sa môn! Ông thờ lửa phải không?

Đức Phật đáp:

- Không phải! Đêm qua Thích đề hoàn nhân xuống nghe pháp, đó là ánh sáng của ông ta.

Ca diếp lại nói với các đệ tử rằng:

- Vị Sa môn trẻ tuổi này oai đức tuy lớn, nhưng không thể sánh bằng đạo chơn chánh của ta.

Đến đêm thứ tư, Đại Phạm Thiên vương xuống nghe pháp, phóng ánh sáng rực rỡ như mặt trời giữa trưa. Nửa đêm, Ca diếp thức dậy, thấy có ánh sáng bên cạnh Đức Như Lai, nghĩ rằng: “Vị Sa môn này chắc chắn có thờ lửa.” Sáng mai đến hỏi Phật:

- Ông có thờ lửa phải không?

Đức Phật đáp:

- Không phải. Đêm qua Đại Phạm Thiên vương xuống nghe pháp, đó là ánh sáng của ông ta.

Khi ấy, Ca diếp tự nghĩ: “Vị Sa môn trẻ tuổi này tuy thần diệu, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.”

Lúc bấy giờ, 500 đệ tử của Ca diếp đều thờ Tam hỏa⁵⁶. Sáng sớm, họ đến đốt lửa nhưng lửa không cháy, liền cùng nhau trở về trình bày rõ việc này với Ca diếp. Ca diếp nghe rồi tự suy nghĩ: “Đây chắc chắn là do vị Sa môn ấy làm.” Ca diếp liền cùng đệ tử đến chỗ Phật thưa rằng:

- Các đệ tử của tôi sáng sớm đến đốt Tam hỏa, nhưng không cháy.

Đức Phật nói:

- Ông hãy về đi, lửa sẽ tự cháy!

Ca diếp trở về thấy lửa đã cháy, trong lòng suy nghĩ: “Sa môn trẻ tuổi này, tuy có thần lực vi diệu, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.”

Các chúng đệ tử cúng dường lửa xong, muốn tắt mà không thể dập tắt được, liền trở về trình bày rõ việc này với Ca diếp. Ca diếp nghe rồi liền suy nghĩ: “Việc này cũng do vị Sa môn ấy làm.” Ca diếp liền cùng đệ tử đến chỗ Phật thưa rằng:

- Các đệ tử của tôi sáng nay muốn tắt lửa mà không thể dập tắt được.

Đức Phật nói:

⁵⁶ **Tam hỏa**: ba loại lò lửa: Gia chủ hỏa, Cúng dường hỏa và Tổ tiên tế hỏa, ba vật cúng dường được thiết trí trong các lễ tế tự của Bà la môn giáo và Ấn Độ giáo ở Ấn Độ.

1. Gia chủ hỏa: lò lửa hình tròn, dùng để thiêu các vật cúng dường chư thần và Bà la môn.
2. Cúng dường hỏa: lò lửa hình vuông, ở phía Tây Gia chủ hỏa, dùng để thiêu vật cúng dường các vị thần.
3. Tổ tiên tế hỏa: lò lửa hình bán nguyệt, dùng để thiêu các vật cúng dường tổ tiên, đặt ở phía Nam Gia chủ hỏa, nên còn gọi là Nam hỏa.

- Ông hãy về đi, lửa sẽ tự tắt!

Ca diếp trở về thấy lửa tắt, trong lòng tự nghĩ: “Sa môn trẻ tuổi này tuy có thần thông vi diệu, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.”

Lúc đó, Ca diếp cũng thờ Tam hỏa. Sáng sớm đến đốt lửa, nhưng lửa không cháy, liền suy nghĩ: “Đây nhất định là do vị Sa môn này làm.” Ca diếp liền đến chỗ Phật thưa rằng:

- Sáng nay, tôi đến đốt lửa mà lửa cũng không cháy.

Đức Phật nói:

- Ông hãy về đi, lửa sẽ tự cháy!

Ca diếp liền trở về thấy lửa đã cháy, trong lòng tự nghĩ rằng: “Sa môn trẻ tuổi này, tuy có thần thông vi diệu, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.”

Khi Ca diếp cúng lửa xong, muốn tắt lửa nhưng không thể tắt được, trong lòng suy nghĩ: “Đây nhất định là do vị Sa môn này làm.” Ca diếp liền đến chỗ Phật thưa rằng:

- Sáng nay tôi tắt lửa, nhưng không thể tắt được.

Đức Phật nói:

- Ông hãy về đi, lửa sẽ tự tắt!

Ca diếp liền trở về thấy lửa đã tắt, trong lòng tự nghĩ: “Sa môn trẻ tuổi này, tuy có thần thông vi diệu, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.”

Lại một hôm, các đệ tử của Ca diếp, sáng sớm ra bửa củi, nhưng không thể nhấc búa lên được, liền trở vào thưa với Ca diếp. Ca diếp nghe rồi, trong lòng tự nghĩ: “Đây nhất định là do vị Sa môn này làm.” Ca diếp liền cùng các đệ tử đến chỗ Phật thưa rằng:

- Các đệ tử của tôi sáng nay ra bửa củi, nhưng không thể nhấc búa lên được.

Đức Phật nói:

- Ông hãy về đi, sẽ nhấc búa lên được!

Ca diếp trở về thấy các đệ tử đều đã nhấc búa lên được, suy nghĩ rằng: “Sa môn trẻ tuổi này, tuy có thần thông vi diệu, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.”

Đệ tử của Ca diếp, sau khi đưa búa lên được, nhưng lại không thể hạ xuống, lại trở vào trình bày rõ việc này với Ca diếp. Ca diếp nghe rồi, trong lòng suy nghĩ: “Việc này cũng do vị Sa môn ấy làm.” Ca diếp liền cùng đệ tử đến chỗ Đức Phật thưa rằng:

- Các đệ tử của tôi sáng nay bửa củi, đưa búa lên được nhưng lại không thể hạ xuống.

Đức Phật nói:

- Ông hãy về đi, sẽ hạ búa xuống được!

Ca điếp trở về thấy các đệ tử đều đã hạ búa xuống, trong lòng suy nghĩ: “Sa môn trẻ tuổi này, tuy có thần thông vi diệu, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.”

Bấy giờ Ca điếp liền thưa Đức Phật rằng:

- Sa môn trẻ tuổi! Ông có thể ở đây cùng chúng tôi tu phạm hạnh, tôi sẽ cung cấp phòng xá, ăn mặc.

Đức Thế Tôn im lặng chấp nhận.

Ca điếp biết Phật đã chấp nhận, liền trở về trụ xứ của mình bảo đệ tử hàng ngày làm các thức ăn ngon và sắp đặt giường tòa.

Sáng hôm sau, đến giờ ăn, đích thân Ca điếp đến thỉnh Phật. Đức Phật bảo:

- Ông hãy về trước, ta sẽ đến sau.

Ca điếp vừa đi, Đức Thế Tôn trong chóp mắt đã đến cõi Diêm phù đề hái quả diêm phù đựng đầy bát mang về. Ca điếp chưa về mà Đức Phật đã đến trước.

Khi Ca điếp về, thấy Đức Thế Tôn đã ngồi ở đó, liền hỏi rằng:

- Sa môn trẻ tuổi! Ông đi đường nào mà đến đây trước ta?

Đức Phật lấy quả diêm phù trong bát ra, chỉ cho Ca điếp và hỏi rằng:

- Ông biết quả trong bát này chăng?

Ca điếp đáp:

- Tôi không biết quả ấy.

Đức Phật nói:

- Từ đây đi về phương Nam trải qua mấy vạn na do tha, có một châu kia, trong đó có loại cây tên là diêm phù. Vì có cây này nên gọi là cõi diêm phù đề. Nay ở trong bát của ta chính là quả đó. Chỉ trong một niệm, ta đã hái quả này mang về đây, nó vô cùng thơm ngon, ông hãy ăn đi.

Lúc ấy, Ca điếp suy nghĩ: “Đường từ đây đến đó rất xa mà vị Sa môn này có thể đến đó rồi trở về trong chốc lát, thần thông biến hóa thật vô cùng nhanh chóng, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.” Ca điếp đặt những thức ăn xuống, Đức Phật liền chú nguyện:

Trong pháp Bà la môn

*Thờ lửa là hơn hết
Trong tất cả các dòng,
Biển cả là lớn nhất.
Trong tất cả vì sao,
Mặt trăng sáng hơn hết
Trong tất cả ánh sáng,
Mặt trời là bậc nhất.
Trong tất cả ruộng phước,
Ruộng phước Phật tối thượng
Nếu muốn cầu quả lớn
Nên cúng dường Đức Phật.*

Đức Phật thọ thực xong, trở về trụ xứ, rửa bát, súc miệng, ngồi thiền nơi gốc cây. Sáng mai, đến giờ ăn, Ca điếp lại đến thỉnh Phật. Phật lại bảo:

- Ông hãy về trước, ta sẽ đến sau.

Ca điếp vừa đi, Đức Thế Tôn trong chớp mắt đã đến châu Phất ba đề hái quả am-ma-la để đầy bát mang về. Ca điếp chưa về đến mà Phật đã đến trước.

Khi Ca điếp về, thấy Đức Phật ngồi ở đó, liền hỏi rằng:

- Sa môn trẻ tuổi! Ông đi đường nào mà đến đây trước ta?

Đức Phật lấy quả am-ma-la trong bát ra, chỉ cho Ca điếp và hỏi rằng:

- Ông biết quả trong bát này chăng?

Ca điếp đáp:

- Tôi không biết quả ấy.

Đức Phật nói:

- Từ đây đi về phương Đông trải qua mấy vạn na-do-tha, ta đến châu Phất ba đề hái quả này mang về đây. Quả tên là am-ma-la, vô cùng thơm ngon, ông hãy ăn thử!

Ca điếp nghe rồi, trong lòng suy nghĩ: “Đường từ đây đến đó rất xa mà vị Sa môn này có thể đến đó rồi trở về trong chốc lát, xem ra, thần lực của ông ta rất hiếm có, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.” Ca điếp đặt những thức ăn xuống, Đức Phật liền chú nguyện:

Trong pháp Bà la môn

Thờ lửa là hơn hết

Trong tất cả các dòng,

Biển cả là lớn nhất.

Trong tất cả vì sao,

Mặt trăng sáng hơn hết

Trong tất cả ánh sáng,

Mặt trời là bậc nhất.

Trong tất cả ruộng phước,

Ruộng phước Phật tối thượng

Nếu muốn cầu quả lớn

Nên cúng dường Đức Phật.

Đức Phật thọ thực xong, trở về trụ xứ, rửa bát, súc miệng, ngồi thiền nơi gốc cây. Sáng mai, đến giờ ăn, Ca điếp lại đến thỉnh Phật. Phật lại bảo:

- Ông hãy về trước, ta sẽ đến sau.

Ca điếp vừa đi, Đức Thế Tôn trong chớp mắt đã đến châu Cù-đà-ni hái quả ha-lê-lặc để đầy bát mang về. Ca điếp chưa về, mà Phật đã đến trước.

Khi Ca điếp về thấy Đức Phật ngồi ở đó, liền hỏi rằng:

- Sa môn trẻ tuổi! Ông đi đường nào mà đến đây trước ta?

Đức Phật lấy quả ha-lê-lặc trong bát ra, chỉ cho Ca điếp và hỏi rằng:

- Ông biết quả trong bát này chăng?

Ca điếp đáp:

- Tôi không biết quả đó.

Đức Phật nói:

- Từ đây đi về phương Tây trải qua mấy vạn na-do-tha, ta đến châu Cù-đà-ni hái quả này mang về đây. Quả tên là ha-lê-lặc, vô cùng thơm ngon, ông hãy ăn xem!

Ca điếp nghe rồi, trong lòng suy nghĩ: “Đường từ đây đến đó rất xa mà vị Sa môn này có thể đến đó rồi trở về trong chốc lát, xem ra, thần lực của ông ta rất hiếm có, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.” Ca điếp đặt các thức ăn xuống, Đức Phật liền chú nguyện:

Trong pháp Bà la môn

Thờ lửa là hơn hết

Trong tất cả các dòng,

Biển cả là lớn nhất.

Trong tất cả vì sao,

Mặt trăng sáng hơn hết

Trong tất cả ánh sáng,

Mặt trời là bậc nhất.

Trong tất cả ruộng phước,

Ruộng phước Phật tối thượng

Nếu muốn cầu quả lớn

Nên cúng dường Đức Phật.

Đức Phật thọ thực xong, trở về trụ xứ, rửa bát, súc miệng, ngồi thiền dưới gốc cây. Sáng mai, đến giờ ăn, Ca điếp lại đến thỉnh Phật. Phật lại bảo:

- Ông hãy về trước, ta sẽ đến sau.

Ca điếp vừa đi, Đức Thế Tôn trong chớp mắt đã đến châu Uất-đơn -việt lấy cơm gạo tự nhiên để đầy bát mang về. Ca điếp chưa về, mà Phật đã đến trước.

Khi Ca điếp về đến thấy Đức Phật ngồi, liền hỏi rằng:

- Sa môn trẻ tuổi! Ông đi đường nào mà đến đây trước ta?

Đức Phật lấy cơm trong bát ra, chỉ cho Ca điếp và hỏi rằng:

- Ông biết cơm trong bát này không?

Ca điếp đáp:

- Tôi không biết cơm này.

Đức Phật nói:

- Từ đây đi về phương Bắc trải qua mấy vạn na-do-tha, ta đến châu Uất-đơn-việt lấy cơm nấu từ gạo tự nhiên này mang về đây, nó vô cùng thơm ngon, ông hãy ăn xem!

Ca diếp nghe rồi, trong lòng suy nghĩ: “Đường từ đây đến đó rất xa mà vị Sa môn này có thể đến đó rồi trở về trong chốc lát, xem ra, thần lực của ông ta khó có thể lường được, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.” Ca diếp đặt các thức ăn xuống, Đức Phật liền chú nguyện:

Trong pháp Bà la môn

Thờ lửa là hơn hết

Trong tất cả các dòng,

Biển cả là lớn nhất.

Trong tất cả vì sao,

Mặt trăng sáng hơn hết

Trong tất cả ánh sáng,

Mặt trời là bậc nhất.

Trong tất cả ruộng phước,

Ruộng phước Phật tối thượng

Nếu muốn cầu quả lớn

Nên cúng dường Đức Phật.

Đức Phật thọ thực xong, trở về trụ xứ, rửa bát, súc miệng, ngồi thiền dưới gốc cây. Sáng mai, đến giờ ăn, Ca diếp lại đến thỉnh Phật. Phật nói:

- Hay thay!

Rồi Ngài cùng đi với Ca diếp đến. Khi đến trai giường, Ca diếp đặt các thức ăn xuống, Phật liền chú nguyện:

Trong pháp Bà la môn

Thờ lửa là hơn hết

Trong tất cả các dòng,

Biển cả là lớn nhất.

Trong tất cả vì sao,

Mặt trăng sáng hơn hết

Trong tất cả ánh sáng,

Mặt trời là bạc nhất.

Trong tất cả ruộng phước,

Ruộng phước Phật tối thượng

Nếu muốn cầu quả lớn

Nên cúng dường Đức Phật.

Khi Đức Thế Tôn chú nguyện xong, liền nhận thức ăn, trở về dưới tàng cây, thọ thực xong, trong tâm nghĩ cần nước. Thích đề hoàn nhân biết được ý của Phật. Chi trong khoảng thời gian như vị trống sĩ duỗi cánh tay, từ cõi trời bay xuống trước Đức Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật. Sau đó, lấy tay chỉ xuống đất, nơi ấy liền biến thành một hồ nước trong sạch đầy đủ tám tính chất. Đức Như Lai dùng nước đó rửa tay, súc miệng xong, thuyết pháp cho Thích đề hoàn nhân. Thích đề hoàn nhân nghe pháp rồi vô cùng hoan hỷ, bỗng nhiên biến mất, trở về thiên cung.

Sau bữa ăn, Ca điếp đi kinh hành trong rừng suy nghĩ: “Sa môn trẻ tuổi hôm nay nhận thức ăn trở về thọ thực dưới tàng cây. Ta nên đến đó xem ông ta làm gì.” Ca điếp liền đến chỗ Phật bỗng thấy bên gốc cây có hồ nước lớn trong sạch đầy đủ tám tính chất.

Ca điếp kinh ngạc hỏi Phật:

- Trong đây vì sao xuất hiện hồ nước này?

Đức Phật đáp:

- Sáng nay, sau khi nhận thức ăn của ông cúng dường. Ta trở về chỗ này, thọ thực xong, cần nước để súc miệng, rửa bát. Thích đề hoàn nhân biết ý này từ cõi trời bay xuống, dùng tay chỉ vào đất, liền biến thành cái hồ này.

Ca điếp thấy hồ nước, lại nghe Đức Phật nói như thế, trong lòng suy nghĩ: “Sa môn trẻ tuổi này có oai đức rất lớn, có thể cảm đến cõi trời ứng điềm lành như vậy, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.”

Vào một hôm khác, Đức Thế Tôn đi kinh hành trong rừng, thấy trong đồng rác như bản có các tấm vải thô xấu, Ngài liền nhặt lấy muốn giặt tẩy. Nghĩ cần có tảng đá. Thích đề hoàn nhân biết ý

Phật, chỉ trong khoảng thời gian như người tráng sĩ duỗi cánh tay, liền bay lên Hương Sơn lấy tảng đá vuông đặt bên gốc cây, bạch Đức Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ngài có thể giặt y trên tảng đá này.

Đức Phật lại nghĩ: “Phải cần có nước giặt y.”

Thích đề hoàn nhân lại đến Hương Sơn lấy một cái máng lớn bằng đá đựng nước sạch đặt bên tảng đá. Thích đề hoàn nhân làm xong việc, bỗng nhiên biến mất, trở về thiên cung.

Đức Thế Tôn giặt y xong, trở về ngồi thiền dưới tàng cây. Khi ấy, Ca diếp đi đến chỗ Phật, bỗng thấy bên gốc cây có tảng đá vuông và cái máng lớn bằng đá, liền suy nghĩ: “Trong đây tại sao có hai vật này?” Trong lòng kinh ngạc, đến hỏi Phật:

- Sa môn trẻ tuổi! Gần gốc cây của ông có tảng đá vuông và một máng đá lớn, là từ đâu đem đến vậy?

Đức Thế Tôn đáp:

- Ta đi kinh hành thấy ở dưới đất có vải thô xấu, nên nhặt lấy muốn giặt tẩy, trong lòng nghĩ cần những thứ này. Thích đề hoàn nhân biết được ý của ta nên đến Hương Sơn lấy những vật này mang về.

Ca diếp nghe xong khen là việc chưa từng có, nhưng vẫn nghĩ rằng: “Sa môn trẻ tuổi tuy có sức oai thần lớn cảm đến các vị trời như thế, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.”

Vào một ngày khác, Đức Thế Tôn xuống hồ Chi Địa muốn tắm gội, khi tắm xong, Thế Tôn nghĩ: “Muốn ra khỏi hồ, nhưng không có chỗ bám.” Lúc ấy, trên bờ hồ có cây tên là ca-la-ca, cành lá sum suê xanh tốt, vươn ra mặt hồ. Thần cây liền rủ xuống để Phật vịn vào bước lên. Sau đó, Thế Tôn trở về ngồi thiền dưới tàng cây.

Bấy giờ, Ca diếp đến chỗ Phật, bỗng thấy cây uốn cong cành rủ xuống, Ca diếp kinh ngạc hỏi Phật:

- Cây này tại sao uốn cong rủ xuống?

Đức Phật đáp:

- Ta vừa vào hồ tắm gội. Tắm xong muốn lên nhưng không có chỗ bám. Thần cây biết được ý ta nên khiến cành cây uốn cong như thế.

Ca diếp trông thấy, đồng thời nghe Đức Phật nói như thế, khen là việc chưa từng có, nhưng vẫn nghĩ rằng: “Sa môn trẻ tuổi này, có oai đức lớn cảm đến Thọ thần, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.”

Bấy giờ, Ca diếp suy nghĩ: “Ngày mai vua nước Ma kiệt đà và các thần dân, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ v.v... sẽ đến chỗ ta lập hội bố thí lớn trong bảy ngày. Nếu Sa môn trẻ tuổi này đến, quốc vương, thần dân, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ v.v... thấy tướng tốt và sức thần thông, oai đức của Sa môn kia, ắt sẽ bỏ ta mà phụng thờ ông ấy. Cầu mong Sa môn này trong vòng bảy ngày không đến chỗ của ta!”

Đức Phật biết ý của Ca diếp, liền đi đến Bắc Uất-đơn-việt ở bảy ngày bảy đêm. Qua bảy ngày, thí hội đã xong, quốc vương từ biệt trở về. Ca diếp suy nghĩ: “Sa môn trẻ tuổi bảy ngày gần đây không đến chỗ ta. Thật vui thay! Nay trai hội đã xong còn nhiều thức ăn thịnh soạn muốn cúng dường nếu Sa môn đến đúng lúc.”

Thế Tôn biết được tâm niệm của Ca diếp, liền từ Uất-đơn-việt trở về đến trước Ca diếp, nhanh như khoảng thời gian vị tráng sĩ đuổi cánh tay. Ca diếp bỗng nhiên thấy Như Lai, vừa mừng vừa sợ hãi liền hỏi rằng:

- Bảy ngày qua ông đi đâu mà tôi không thấy?

Đức Phật liền đáp:

- Vua nước Ma kiệt đà và các thần dân, Bà-la-môn, trưởng giả, Cư sĩ v.v... đến chỗ ông lập hội bố thí trong vòng bảy ngày, trong lòng ông nghĩ không muốn có sự hiện diện của ta. Do đó, ta đến Bắc Uất-đơn-việt để tránh vậy. Nay ông nghĩ muốn ta đến, vì thế ta đến gặp ông.

Ca diếp nghe Đức Phật nói như thế, trong lòng vô cùng kinh sợ, lông tóc dựng ngược và nghĩ rằng: “Sa môn trẻ tuổi này biết được ý nghĩ của ta, thật là kỳ diệu, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.”

Vào một hôm khác, Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Ưu-lâu-tần-loa Ca diếp căn duyên gần thuần thực, nay chính là lúc nên điều phục ông ấy.” Ngài suy nghĩ như thế, liền đến sông Ni-liên-thiên. Khi đã đến bờ sông, Ma vương đến chỗ Phật thưa rằng:

- Thưa Thế Tôn! Nay Ngài nên vào Niết-bàn! Thiện Thệ nên vào Niết-bàn! Vì sao? Những người đáng độ đều được giải thoát, nay đã đến lúc nên vào Niết-bàn!

Ma vương thỉnh ba lần như thế.

Đức Thế Tôn đáp lời Ma vương:

- Nay chưa phải lúc ta vào Niết-bàn. Vì sao? Bốn bộ chúng của ta: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di chưa đầy đủ, những người đáng độ đều chưa được độ hết, các chúng ngoại đạo chưa hàng phục.

Đức Như Lai cũng đáp ba lần như vậy. Ma vương nghe rồi ôm lòng sầu não liền trở về thiên cung.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền xuống sông Ni liên thiên, vận sức thần thông khiến cho nước rẽ làm hai. Những nơi Phật đi, mỗi bước mỗi bước bụi nước dấy lên, khiến nước hai bên vọt lên. Ca diếp từ xa trông thấy cho là Đức Phật bị chìm, liền cùng đệ tử bơi thuyền đến. Khi đến bên sông, thấy chỗ Phật đi thấy đều dấy bụi nước, khen là việc chưa từng có. Ca diếp lại nghĩ rằng: “Sa môn trẻ tuổi này, tuy có sức thần thông như thế, nhưng vẫn không bằng đạo chơn chánh của ta.”

Lúc đó, Ca diếp hỏi Đức Phật:

- Sa môn trẻ tuổi muốn lên thuyền không?

Đức Phật đáp:

- Tốt lắm! Khi ấy, Đức Thế Tôn liền dùng sức thần thông đi xuyên qua đáy thuyền, vào và ngồi kiết già. Ca diếp thấy Đức Phật từ đáy thuyền vào mà thuyền không bị thủng, họ khen là điều chưa từng có, trong lòng suy nghĩ: “Sa môn trẻ tuổi này, tuy có thần lực tự tại như thế, nhưng vẫn không bằng đạo chơn A-la-hán mà ta đã chứng.”

Đức Phật nói:

- Ca diếp! Ông chẳng phải là A-la-hán, cũng chẳng phải A-la-hán Hướn⁵⁷. Sao nay ông khởi tâm đại ngã mạn như thế?

Khi Ca diếp nghe Đức Phật nói lòng rất hổ thẹn và sợ hãi, toàn thân lông tóc dựng đứng, suy nghĩ rằng: “Sa môn trẻ tuổi biết rõ tâm ta.”

Liền bạch Phật:

- Đúng thế Sa môn! Đúng thế đại tiên! Ngài khéo biết tâm tôi, cúi xin Đại tiên nhiếp thọ tôi!

Đức Phật đáp:

- Nay ông đã 120 tuổi, lại có rất nhiều đệ tử, quyến thuộc, là người được quốc vương và thần dân kính trọng. Nếu ông muốn quyết định vào trong giáo pháp của ta, thì trước hết phải cùng đệ tử bàn bạc kỹ.

Ca diếp thưa:

- Hay thay! Hay thay!

Ca diếp liền trở về trú xứ của mình, nhóm họp các đệ tử và nói với họ:

- Vị Sa môn trẻ tuổi ở đây, từ trước đến nay, ta thấy ông ấy có nhiều thần thông biến hóa rất kỳ diệu, trí huệ sâu xa, tánh khí điềm đạm. Ta nay muốn quy y theo pháp của Sa môn ấy, các người nghĩ thế nào?

⁵⁷ **A-la-hán Hướn**: tức “nhân vị,” hướng đến quả A-la-hán, hướng thứ tư trong Tứ hướng.

Các đệ tử thưa:

- Sự hiểu biết của chúng con đều nhờ ân tôn giả. Sa môn trẻ tuổi được tôn giả kính tin đâu thể hư dối được. Chúng con cũng thấy Sa môn ấy có nhiều điều kỳ lạ. Tôn giả nếu muốn quyết định lãnh thọ giáo pháp của vị ấy, chúng con cũng xin quy y theo.

Ca điếp nghe các đệ tử nói như thế, liền cùng nhau đến chỗ Phật thưa rằng:

- Thưa Đức Thế Tôn! Nay con và đệ tử quyết định xin quy y, cúi mong đại tiên thu nhận!

Đức Phật nói:

- Thiện tai Tỳ kheo!

Ngay lúc đó, Ca điếp râu tóc tự rụng, thân đắp ca sa, liền thành Sa môn.

Bấy giờ, Thế Tôn tùy theo căn cơ của mỗi người giảng rộng bốn đế. Ca điếp nghe pháp rồi, lia trần cầu, đắc Pháp nhãn tịnh, cho đến dần dần đắc quả A la hán.

Bấy giờ, 500 đệ tử của Ca điếp thấy thầy mình làm Sa môn, trong lòng ưa thích, cũng muốn xuất gia, liền bạch Đức Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Thầy chúng con đã được đại tiên thu nhận, nay thành Sa môn. Chúng con cũng muốn theo thầy tu học, cúi xin đại tiên cho phép chúng con được xuất gia!

Đức Phật nói:

- Thiện lai Tỳ kheo!

Các vị ấy râu tóc tự rụng, thân đắp ca sa, liền thành Sa môn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì các Tỳ kheo chuyển pháp luân Tứ đế, 500 đệ tử xa lia trần cầu, đắc pháp nhãn tịnh, chứng quả Tu-đà-hoàn, dần dần tu tập cho đến đắc quả A la hán.

Khi ấy, Ca điếp cùng 500 đệ tử đem các dụng cụ thờ lửa của mình ném xuống dòng sông Ni liên thiên, thầy trò cùng nhau theo Phật ra đi.

Lúc bấy giờ, hai người em Ca điếp, người thứ nhất tên là Na-đề Ca điếp, người thứ hai tên Già-da Ca điếp, mỗi vị có 250 đệ tử. Họ ở bên sông Ni-liên-thiên dưới dòng của anh mình, bỗng thấy các dụng cụ thờ lửa của anh và đệ tử thấy đều trôi theo dòng nước, trong lòng vô cùng kinh ngạc nghĩ rằng: “Nay anh ta có việc chẳng lành chăng? Các dụng cụ thờ lửa đều trôi theo dòng nước, phải chăng bị người xấu làm hại?”

Lúc đó, hai người vội vã tìm nhau bàn bạc: “Anh của chúng ta chẳng phải bị kẻ xấu làm hại thì các dụng cụ thờ lửa tại sao trôi theo dòng nước đến đây? Thật khổ thay! Lạ thay! Chúng ta mau đến chỗ anh ấy”. Hai người em liền cùng nhau ngược dòng đi lên. Đến chỗ anh mình, nơi đây

vắng vẻ không một bóng người. Hai người em buồn bã, không biết anh mình và các môn đồ ở chỗ nào, tìm kiếm khắp nơi, gặp được một người quen cũ, liền hỏi vị ấy:

- Bậc đại tiên anh tôi và các đệ tử không biết ở đâu, ông có biết chăng?

Người ấy đáp:

- Đại tiên anh của ông và các đệ tử bỏ các dụng cụ thờ lửa, đã đến chỗ Cù-đàm xuất gia học đạo.

Hai người em nghe nói thế, lòng rất sâu não kinh ngạc, thật là việc chưa từng có. Lại suy nghĩ rằng: “Tại sao anh chúng ta bỏ đạo A-la-hán mà lại cầu pháp người khác.” Họ liền vội vàng đi tìm. Khi đến nơi, thấy anh mình và chúng đệ tử cạo bỏ râu tóc, thân đắp ca sa, liền quỳ xuống đánh lễ thưa với anh rằng: “Anh vốn là bậc Đại A-la-hán thông minh trí huệ, không ai sánh bằng, vang danh khắp nơi, mọi người đều tôn sùng quy kính. Tại sao tự bỏ đạo này lại theo người khác học, đây chẳng phải là việc nhỏ.”

Lúc bấy giờ, Ca điếp nói với hai em rằng:

- Ta thấy Đức Thế Tôn thành tựu tâm đại từ đại bi, Ngài có ba điều rất đặc biệt:

1. Thần thông biến hóa.
2. Tâm huệ sáng suốt, chắc chắn đã thành tựu Nhất thiết chủng trí.
3. Khéo biết căn cơ của chúng sinh, tùy duyên nhiếp thọ họ.

Do những việc như vậy, mà ta ở trong Phật pháp xuất gia học đạo. Nay ta tuy được Quốc vương và thần dân tôn kính, tài biện luận ở thế gian không ai có thể thắng, nhưng đây chẳng phải là pháp chấm dứt sinh tử, chỉ có pháp của Đức Như Lai nói ra mới có thể chấm dứt sinh tử. Nay gặp bậc tối tôn trong hàng Đại Thánh như thế mà không tự khích lệ mình, cứ cho việc thờ lửa là thù thắng thì thật không có sự xuy xét, có mắt cũng như mù vậy!

Hai người em thưa:

- Nếu như lời anh nói, vị ấy nhất định là thành tựu Nhất thiết chủng trí. Sự hiểu biết của em có được đều nhờ sức của anh, mà nay anh đã theo Phật xuất gia, chúng em cũng xin theo anh học đạo.

Mỗi người liền nói với các đệ tử của mình rằng:

- Nay ta muốn cùng đại huynh ở trong Phật pháp xuất gia học đạo, ý các người thế nào?

Các vị đệ tử thưa:

- Sở dĩ chúng con có sự hiểu biết đều nhờ ân đức của Đại sư. Nay Đại sư muốn ở trong Phật pháp xuất gia học đạo, chúng con nguyện đi theo.

Bấy giờ, Na đề Ca diếp, Già da Ca diếp, mỗi vị cùng với 250 đệ tử đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài và bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Xin Ngài từ bi thương xót tế độ chúng con!

Đức Phật liền gọi:

- Thiện lai Tỳ kheo!

Các vị ấy râu tóc tự rụng, thân đắp ca sa, liền thành Sa môn.

Bấy giờ, Na đề Ca diếp, Già da Ca diếp lại bạch Đức Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Các đệ tử của chúng con đều muốn ở trong Phật pháp xuất gia học đạo, cúi xin Đức Thế Tôn thương xót hứa khả!

Đức Phật đáp:

- Hay thay! Hay thay!

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền gọi:

- Thiện lai Tỳ kheo!

Các vị ấy râu tóc tự rụng, thân đắp ca sa, liền thành Sa môn.

Đức Thế Tôn liền vì Na đề Ca diếp, Già da Ca diếp và chúng đệ tử, hiện sức thần thông biến hóa, đồng thời ứng theo tâm họ mà thuyết pháp. Phật dạy:

- Các Tỳ kheo nên biết! Ở thế gian đều bị lửa dữ tham lam, sân hận, si mê thiêu đốt. Ngày trước các người phụng thờ Tam hỏa, nay đã buông bỏ, đó chỉ mới dứt trừ các thứ mê hoặc bên ngoài, nhưng lửa ba độc vẫn còn trong thân, các người phải mau tiêu diệt chúng!

Các Tỳ kheo nghe Đức Phật dạy như thế, liền ở trong Phật pháp xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh. Đức Thế Tôn lại vì họ giảng rộng pháp Tứ đế, tất cả đều chứng quả A la hán.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Ngày xưa, vua Tần-tỳ-sa-la ở trước ta phát nguyện rằng nếu ta thành đạo thì xin độ ông trước tiên. Nay đã đúng lúc, ta nên đến đó để ông ta tròn bổn nguyện.” Đức Thế Tôn suy nghĩ như thế rồi, liền cùng với ba anh em Ca diếp và 1000 Tỳ kheo thứ lớp vào thành Vương Xá, đến chỗ vua Tần-tỳ-sa-la.

Ngày xưa, vua Tần-tỳ-sa-la đem tỵ lạc cấp cho ngài Ưu-lâu-tần-loa Ca diếp. Nay người canh giữ tỵ lạc thấy ngài Ca diếp và chúng đệ tử đều làm Sa môn, liền trở về tâu rõ với vua sự việc như trên. Vua cùng các đại thần nghe như thế, lòng rất kinh ngạc, im lặng. Nhân dân ngoài thành cũng nghe nói việc này, họ cùng bảo nhau rằng:

- Ưu-lâu-tần-loa Ca điệp trí huệ sâu xa không ai sánh bằng, tuổi tác đã già, chứng quả A la hán, vì sao lại làm đệ tử của ông Cù đàm, hoàn toàn không có lý này. Phải nên nói rằng Sa môn Cù đàm là đệ tử chứ!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đi gần đến thành Vương xá, trú ở Trượng Lâm. Khi ấy, Ưu-lâu-tần-loa Ca điệp liền sai người đến thưa vua Tần-tỳ-sa-la rằng:

- Nay tôi ở trong Phật pháp xuất gia học đạo, hiện đang theo Phật đến Trượng Lâm. Đại vương nên đến đó đánh lễ cúng dường trước.

Vua nghe nói thế, mới biết chắc Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp làm đệ tử của Phật. Vua liền ra lệnh chuẩn bị xa giá để cùng các đại thần, Bà-la-môn và nhân dân đến chỗ Đức Phật. Khi đến bên ngoài Trượng Lâm, vua xuống xe, cởi bỏ nghi phục và bảo cận vệ lui ra, đi bộ đến trước Phật.

Lúc ấy, trên hư không có vị trời nói với vua rằng:

- Đức Như Lai hiện nay đang ở trong rừng này, Ngài là ruộng phước tối thượng cho hàng trời người. Đại vương nên cung kính cúng dường và khuyên bảo nhân dân cả nước nên cúng dường Đức Như Lai.

Khi vua nghe vị trời nói thế, lòng vô cùng hoan hỷ, vui mừng, liền tiến vào trong rừng. Từ xa, trông thấy Đức Như Lai tướng tốt trang nghiêm, lại thấy ba anh em Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và chúng đệ tử của họ vây quanh Đức Như Lai. Ngài giống như mặt trăng sáng tròn ở giữa các vì sao. Vua bước đi vui mừng, không thể tự kèm chế. Khi vua đến nơi, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Con tên là Tần-tỳ-sa-la, vua của nước Ma-kiệt-đà, dòng tộc Nguyệt Chung, Thế Tôn biết chăng?

Phật liền đáp:

- Hay thay Đại vương!

Bấy giờ, vua Tần-tỳ-sa-la lui ra ngồi một bên. Khi ấy, Bà-la-môn và các vị đại thần cùng toàn thể nhân dân đều đến an tọa.

Đức Thế Tôn thấy tất cả mọi người ngồi im lặng rồi, liền dùng âm thanh vi diệu thăm hỏi vua Tần-tỳ-sa-la rằng:

- Đại vương bốn đại thường an ổn chăng? Cai trị nhân dân không lao nhọc chứ?

Vua đáp:

- Nhờ ân Thế Tôn nên được an ổn!

Bấy giờ, vua Tần-tỳ-sa-la và các vị học sĩ Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, đại thần, nhân dân thấy ngài Ca điếp làm đệ tử Phật, họ bàn tán với nhau rằng:

- Ôi! Đức Như Lai có đại thần lực, trí huệ sâu xa không thể nghĩ bàn, mới hàng phục được người như thế làm đệ tử!

Lúc đó, lại có những người khác suy nghĩ rằng: “Ưu-lâu-tần-loa Ca-điếp có trí huệ rộng lớn được người thế gian tôn quý, kính tin, tại sao phải làm đệ tử sa môn Cù-đàm?” Trong lòng hoài nghi.

Đức Thế Tôn biết được ý nghĩ của họ, liền bảo Ca điếp:

- Nay ông nên hiện các thần thông biến hóa.

Khi ấy, Ca điếp liền bay lên hư không, trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, trên thân ra lửa, dưới thân ra nước, hoặc hiện thân lớn khắp cả hư không, hoặc hiện thân nhỏ, hoặc phân một thân thành vô lượng thân, hoặc hiện xuống dưới đất rồi lại vọt lên ở giữa hư không đi, đứng, nằm, ngồi.

Mọi người thấy vậy, khen là điều chưa từng có và xướng rằng:

- Đệ nhất đại tiên!

Ca điếp hiện sức thần thông biến hóa như thế rồi, từ trên hư không xuống, đến trước Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ngài chính là thầy của trời người, con nay chính là đệ tử của Ngài! Ca điếp bạch ba lần như thế.

Đức Phật liền đáp:

- Đúng thế! Đúng thế! Ca điếp! Ông thấy pháp của ta lợi ích như thế nào mà bỏ các dụng cụ thờ lửa để xuất gia?

Bấy giờ, Ca điếp liền dùng kệ đáp rằng:

Con ở đời quá khứ

Nhờ công đức thờ lửa

Được sinh lên cõi trời

Hưởng thọ năm món dục

Luân chuyển mãi như thế

Chìm đắm biển sinh tử

Nay con thấy lỗi này
Nên bỏ đạo thờ lửa.
Hơn nữa phước thờ lửa
Được sinh lên cõi trời
Tăng trưởng tham, sân, si
Cho nên con xa lìa.
Lại nữa phước thờ lửa
Vì cầu sinh đời sau
Nếu đã có sinh ra
Ắt có già, bệnh, chết
Do con thấy việc này
Nên bỏ pháp thờ lửa.
Thí hội, tu khổ hạnh
Và nhờ phước thờ lửa
Tuy được sinh Phạm thiên
Đây chẳng phải cứu cánh
Vì nhân duyên như thế
Nên bỏ pháp thờ lửa.
Con thấy pháp Như Lai
Lìa sinh già bệnh chết
Được giải thoát rốt ráo
Cho nên con xuất gia.
Như Lai chân giải thoát
Làm thầy của trời người
Do vì nhân duyên này

Quy y Đại Thánh tôn.

Như Lai đại từ bi

Bày vô số phương tiện

Vận dụng sức thần thông

Để dẫn lối cho con

Tại sao con lại phải

Phụng sự pháp thờ lữa.

Bấy giờ, vua Tần-tỳ-sa-la và mọi người nghe Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp nói kệ này rồi, tâm vô cùng hoan hỷ, lòng kính tin càng sâu sắc, biết chắc Đức Như Lai đã thành tựu Nhất thiết chủng trí. Họ xét biết Ca diếp là đệ tử của Phật.

Lúc ấy, các vị trời ở trên hư không, rải hoa trời như mưa, trỗi các kỹ nhạc, cùng nhau xướng rằng:

- Hay thay! Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp nói bài kệ này!

Đức Thế Tôn biết lòng tin đại chúng vững chắc, không còn nghi ngờ, Ngài lại thấy căn cơ của họ đã thành thực, liền thuyết pháp:

- Đại vương nên biết! Thân năm âm này, lấy Thức làm gốc, do Thức mà sinh ra Ý căn, do Ý căn sinh ra Sắc, do Sắc pháp này sinh diệt không ngừng. Nếu Đại vương có thể quán xét như thế thì đối với thân này rõ biết là vô thường. Quán thân này như thế thì không bám chấp vào tướng của thân, xa lìa được Ngã và Ngã sở. Nếu có thể quán Sắc thì lìa Ngã và Ngã sở, liền biết được Sắc sinh là Khổ sinh, nên biết Sắc diệt là Khổ diệt. Người nào có thể quán như thế thì gọi là giải thoát. Nếu người nào không thể quán như vậy thì gọi là trói buộc. Pháp vốn không có Ngã và Ngã sở. Do tướng điên đảo, vọng chấp có Ngã và Ngã sở, không có thật pháp. Nếu có thể đoạn trừ tướng điên đảo này thì được giải thoát.

Bấy giờ, vua Tần-tỳ-sa-la suy nghĩ: “Nếu bảo chúng sinh có Ngã thì gọi là trói buộc, còn như tất cả chúng sinh đều Vô ngã, mà đã là Vô ngã thì ai thọ quả báo?”

Đức Thế Tôn biết được ý nghĩ của vua liền nói rằng:

- Những việc làm thiện ác và sự thọ quả báo của tất cả chúng sinh đều chẳng phải Ngã tạo, cũng chẳng phải Ngã thọ, nhưng hiện tại có người tạo nghiệp thiện ác và thọ quả báo. Đại vương lắng nghe! Đại vương chỉ cần hợp căn, trần, thức thì đối với cảnh sinh tâm đắm nhiễm nên vọng tưởng càng nhiều, vì điều này nên trôi lăn mãi trong sinh tử, thọ quả báo khổ. Nếu đối với trần cảnh mà không sinh tâm đắm nhiễm thì vọng tưởng chấm dứt, liền được giải thoát. Vì ba việc ăn, trần, thức cùng khởi thiện ác và thọ quả báo, nên không có cái Ngã riêng. Giống như dùi cây lấy

lửa, do tay cầm dùi cọ xát liên tục từ tay mà có và không phải từ đồ dùi lửa phát sinh, nhưng cũng không lia tay và đồ dùi lửa. Căn, trần, thức kia cũng lại như thế.

Lúc ấy, vua Tần-tỳ-sa-la lại suy nghĩ: “Nếu hòa hợp căn, trần, thức mà có người tạo nghiệp thiện ác, chịu quả báo, tức là thường hòa hợp nên không đoạn dứt. Nếu chẳng thường hòa hợp thì đó là đoạn.”

Thế Tôn biết ý nghĩ của vua, liền dạy rằng:

- Căn, trần, thức này không Thường cũng không Đoạn. Vì sao? Vì hợp nên không Đoạn, lia nên không Thường. Giống như hạt giống làm nhân nhờ vào đất, nước làm duyên mới sinh mầm lá. Lúc hạt giống biến mất thì không thể gọi là Thường, vì sinh ra mầm lá nên không thể gọi là Đoạn; lia cả Đoạn và Thường nên gọi là Trung đạo. Ba nhân duyên này cũng lại như thế.

Bấy giờ, vua Tần-tỳ-sa-la nghe pháp rồi, tâm ý khai thông, ở trong Phật pháp xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh. Bà-la-môn, đại thần, nhân dân trong khoảng tám vạn na-do-tha cũng ở trong Phật pháp xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh; các vị trời trong khoảng 96 vạn na-do-tha cũng ở trong Phật pháp xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh.

Lúc ấy, vua Tần-tỳ-sa-la liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, chấp tay bạch rằng:

- Thật vui thay! Thế Tôn có thể bỏ ngôi vị Chuyển Luân Thánh vương, xuất gia học đạo, thành tựu Nhất thiết chủng trí! Ngày trước, con thật ngu si muốn giữ Thế Tôn lại cai trị một nước nhỏ. Nay con thấy tôn nhan của đấng Từ phụ và nghe chánh pháp, lòng vô cùng hổ thẹn, ăn năn tội lỗi xưa, cúi mong Đức Thế Tôn đại từ bi chấp nhận sự sám hối của con! Ngày trước con thưa Đức Thế Tôn nếu khi Ngài thành đạo xin độ con trước. Hôm nay, con mới thành tựu nguyện xưa, nhờ ân của Thế Tôn mà con thấy được đạo. Từ nay, con sẽ cúng dường Đức Thế Tôn và Tỳ kheo Tăng bốn món cần thiết không để thiếu thốn, cúi xin Đức Thế Tôn ở lại tịnh xá Trúc Lâm, khiến cho nước Ma-kiệt-đà được an ổn dài lâu!

Đức Phật liền đáp:

- Hay thay Đại vương! Đại vương có thể bỏ ba pháp không kiên cố cầu ba pháp kiên cố⁵⁸. Ta sẽ khiến cho Đại vương hoàn thành sở nguyện!

Vua Tần-tỳ-sa-la biết Phật đã chấp nhận lời thỉnh cầu ở lại tịnh xá Trúc Lâm, liền đánh lễ chân Phật rồi từ biệt trở về.

Khi vua về đến hoàng cung, liền ra lệnh cho các vị đại thần xây dựng phòng xá, giảng đường tại rừng Trúc, trang hoàng mọi thứ thật tráng lệ, treo tràng phan bảo cái, rải hoa đốt hương. Công việc đã xong, vua liền chuẩn bị xa giá đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật và bạch rằng:

⁵⁸ Xem chú thích 50.

- Bạch Đức Thế Tôn! Tinh xá Trúc Lâm con đã sửa sang xong, cúi xin Đức Thế Tôn và Tỳ kheo Tăng thương xót chúng con mà đến ở nơi ấy!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ kheo và vô lượng chư Thiên thứ lớp vào thành Vương Xá. Lúc Như Lai vừa bước vào cổng, các nhạc cụ trong thành không đánh mà tự phát ra âm thanh; cửa hẹp trở nên rộng lớn, cửa thấp lại cao, tất cả gò nổng thay đều bằng phẳng, những thứ như bản tự nhiên trong sạch thơm ngát; người điếc được nghe, người câm có thể nói, người mù được sáng mắt, người cuồng trở lại bình thường, người mắc bệnh hiểm nghèo đều được lành hẳn; cây khô trở hoa, cỏ úa thì lại tốt tươi, ao khô cạn bỗng nước dâng đầy, gió thơm trong mát. Tất cả các loài chim khác nhau như phượng hoàng, không tước, phi thúy, le le, nhạn, uyên ương màu sắc rực rỡ tụ họp bay lượn, phát ra âm thanh hòa nhã. Có rất nhiều điềm lành như thế.

Khi đã vào thành, Đức Thế Tôn cùng vua Tần-tỳ-sa-la đến tinh xá Trúc Lâm. Lúc ấy, các vị trời đứng khắp hư không. Bấy giờ, vua cầm bình bảy báu đựng đầy nước thơm ở trước Phật, bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Nay con đem Tinh xá Trúc Lâm dâng lên Đức Như Lai và Tỳ kheo Tăng, cúi xin Đức Thế Tôn và Tỳ kheo Tăng từ bi thương xót thọ nhận!

Nói như thế rồi, liền dâng nước cúng dường.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời và nói kệ chú nguyện:

Nếu người hay bố thí

Đoạn trừ được xan tham

Nếu người hay nhẫn nhục

Xa lìa tâm sân hận

Nếu người hay làm thiện

Chấm dứt sự ngu si

Đầy đủ ba hạnh này

Mau đạt đến Niết bàn.

Nếu có người nghèo cùng

Không tài vật bố thí

Thấy người khác bố thí

Mà sinh lòng tùy hỷ

Phước của người tùy hỷ

Không khác gì người thí.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn, đại thần và nhân dân thấy vua dâng cúng Tinh xá Trúc Lâm cho Đức Phật, họ đều vui mừng, sinh lòng tùy hỷ.

Sau khi vua Tần-tỳ-sa-la dâng cúng Tinh xá xong, lòng rất vui mừng, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui trở về trú xứ. Trong số các vua trong cõi Diêm phù, vua Tần-tỳ-sa-la là người thấy Phật đầu tiên. Trong các Tăng-già-lam, tinh xá Trúc Lâm là trước hết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ kheo ở tinh xá Trúc Lâm. Khi ấy, trong thành Vương xá có hai Bà-la-môn thông minh tài giỏi, có đại trí huệ, đối với các sách luận đều thông suốt, tài biện luận không ai sánh bằng. Người thứ nhất họ Câu Túc, tên Ưu-ba-thất-sa, người mẹ tên Xá lợi, nên người đời gọi ông ta là Xá-lợi-phất. Người thứ hai họ Mục-kiền-liên, tên Mục-kiền-la-dạ-na. Mỗi người có 100 đệ tử, được nhiều người trong nước tôn sùng quy ngưỡng. Hai người kết làm bạn thân, rất thương yêu nhau, họ cùng phát thệ nguyện: “Nếu người nào nghe được pháp nhiệm mầu trước thì phải chia sẻ chỉ bày cho nhau, không được che giấu.”

Lúc bấy giờ, Tỳ kheo A-xả-bà-kỳ mặc y ôm bát vào thành khát thực. Ngài khéo thu nhiếp các căn, oai nghi an tường, người đi đường thấy đều sinh lòng cung kính. Lúc ấy, Xá-lợi-phất cũng đi trên đường bỗng thấy A-xả-bà-kỳ khéo thu nhiếp các căn, oai nghi an tường. Xá-lợi-phất căn lành đã thuần thực, khi thấy A-xả-bà-kỳ lòng vô cùng hoan hỷ vui mừng, dừng lại ngắm nhìn, mắt không tạm rời, liền hỏi rằng:

- Theo tôi thấy, ông dường như mới xuất gia mà có thể nhiếp phục các căn như thế. Tôi có điều muốn thưa hỏi, xin ông chỉ bảo cho! Thầy của ông tên họ là gì? Dạy những điều gì? Nói những pháp nào?

A-xả-bà-kỳ an nhiên đáp:

- Thầy của tôi dòng tộc Cam-giá, thành tựu Nhất thiết chủng trí, là thầy của tất cả trời người, tướng hảo, trí huệ và sức thần thông không ai sánh bằng. Tôi còn trẻ tuổi, lại mới học đạo, đâu dám diễn thuyết pháp nhiệm mầu của Như Lai, nhưng tôi sẽ đem sự hiểu biết của mình trình bày cho ông. Liền nói kệ rằng:

Cội gốc của các pháp

Duyên sinh nên không chủ

Nếu hiểu được như thế

Liền thấy đạo chân thật.

Khi Xá-lợi-phất nghe A-xả-bà-kỳ nói kệ rồi, liền ở trong Phật pháp xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh, thấy rõ Thánh đạo, lòng vô cùng vui mừng, nghĩ rằng: “Tất cả chúng sinh đều chấp vào cái Ngã nên bị luân hồi trong sinh tử, nếu dứt trừ được Ngã tướng thì đối với Ngã sở cũng được xa lìa. Giống như ánh sáng của mặt trời có thể phá tan màn đêm u tối. Không có Ngã tướng cũng như thế, nó đều phá trừ Ngã kiến mê muội. Ta từ xưa đến nay tu học pháp tà kiến, hôm nay mới thấy được đạo chân thật.” Nghĩ như thế rồi, đánh lễ dưới chân A-xả-bà-kỳ, sau đó trở về trú xứ của mình. A-xả-bà-kỳ tiếp tục đi khát thực, khát thực xong, trở về Tinh xá Trúc Lâm.

Xá-lợi-phất về đến trú xứ của mình. Bây giờ, Mục-kiền-la-dạ-na căn lành đã thuần thực, thấy Xá-lợi-phất các căn vắng lặng, oai nghi an tường, dung mạo vui vẻ, khác hẳn ngày thường, liền đến hỏi rằng:

- Tôi thấy dung mạo của huynh khác với mọi ngày, chắc đã gặp được pháp vi diệu cam lồ chăng? Ngày xưa, tôi và huynh cùng thệ nguyện nếu ai nghe được pháp vi diệu trước thì phải chỉ bày cho nhau. Nay huynh sở đắc điều gì xin nói cho tôi nghe!

Xá-lợi-phất liền đáp:

- Hôm nay đúng là tôi được pháp cam lồ!

Mục-kiền-la-dạ-na nghe nói thế, vui mừng khôn xiết, khen rằng:

- Hay thay! Xin huynh hãy nói cho tôi nghe!

Xá-lợi-phất kể:

- Hôm nay tôi ra đi gặp vị Tỳ kheo, đắp y, bung bát vào thôn khát thực, các căn vắng lặng, oai nghi an tường. Tôi vừa trông thấy sinh lòng cung kính, liền đến thưa rằng: “Tôi nghĩ, dường như ông mới xuất gia mà có thể nhiếp phục các căn như thế. Tôi có điều muốn hỏi, xin ông chỉ bảo cho. Thầy ông tên họ là gì? Dạy những điều gì? Nói những pháp nào?”

A-xả-bà-kỳ thông thả đáp: “Thầy của tôi dòng tộc Cam giá, thành tựu Nhất thiết chủng trí, là thầy của tất cả trời người, tướng hảo, trí huệ và sức thần thông không ai sánh bằng. Tôi tuổi còn trẻ, lại mới học đạo, đâu thể diễn thuyết pháp vi diệu của Như Lai, nhưng tôi đem sự hiểu biết của mình trình bày cho ông, liền nói kệ rằng:

Cội gốc của các pháp

Duyên sinh nên không chủ

Nếu hiểu được như thế

Liền thấy đạo chân thật.

Mục-kiền-la-dạ-na nghe Xá-lợi-phất kể xong, liền ở trong Phật pháp, xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-la-dạ-na mỗi vị ở trong Phật pháp, được pháp cam lồ, họ cùng bảo nhau:

- Chúng ta đã ở trong Phật pháp đều được lợi ích, nay cùng nhau đến chỗ Đức Phật cầu xin xuất gia.

Nói như thế rồi, mỗi vị gọi đệ tử đến mà nói rằng:

- Chúng tôi đã ở trong Phật pháp, được pháp vị cam lồ, chỉ có pháp này là con đường xuất thế. Nay huynh đệ chúng tôi muốn đến chỗ Phật cầu xin xuất gia, ý các người thế nào?

Các đệ tử đồng thưa:

- Sự hiểu biết của chúng con hôm nay đều nhờ công sức của Đại sư. Nếu Đại sư xuất gia, chúng con nguyện đi theo.

Lúc này, hai vị liền dẫn 200 đệ tử đến tịnh xá Trúc Lâm. Khi vừa bước vào cửa, từ xa trông thấy Đức Như Lai tướng hảo trang nghiêm, chúng Tỳ kheo trước sau vây quanh, lòng vô cùng hoan hỷ vui mừng.

Đức Thế Tôn thấy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-la-dạ-na cùng đệ tử đến, liền nói với các Tỳ kheo:

- Các ông nên biết! Hai người này dẫn đệ tử đến chỗ ta muốn cầu xuất gia. Một vị tên Xá-lợi-phất, một vị tên Mục-kiền-la-dạ-na sẽ ở trong pháp của ta làm đệ tử lớn. Xá-lợi-phất là trí huệ đệ nhất, Mục-kiền-la-dạ-na là thần thông đệ nhất.

Khi đến chỗ Phật rồi, huynh đệ cúi đầu lễ chân Phật và bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Con ở trong Phật pháp đã được Thánh đạo, nay muốn xuất gia, cúi xin Đức Thế Tôn thu nhận!

Đức Thế Tôn liền gọi:

- Thiện tai Tỳ kheo!

Các vị ấy râu tóc tự rụng, thân đắp ca sa, liền thành Sa môn.

Khi ấy, hai trăm đệ tử thấy thầy mình thành Sa môn, bèn cùng nhau bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con cũng muốn theo thầy xuất gia, cúi xin Đức Thế Tôn từ bi thương xót hứa khả!

Đức Thế Tôn lại gọi:

- Thiện lai Tỳ kheo!

Râu tóc các vị ấy tự rụng, thân đắp ca sa, liền thành Sa môn.

Bấy giờ, Thế Tôn giảng pháp Tứ đế cho Xá-lợi-phất và Mục-kiền-la-dạ-na nghe, hai người liền chứng quả A-la-hán. Ngài lại vì 200 đệ tử giảng rộng Tứ đế, họ liền ở trong Phật pháp xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh, cho đến chứng quả A-la-hán.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng 1250 Tỳ kheo đều là bậc đại A-la-hán, ở tại nước Ma-kiệt-đà làm lợi ích chúng sinh. Trong chúng Tỳ kheo có nhiều người tên Mục-kiền-la-dạ-na Thế tôn, nhưng tên Mục-kiền-la-dạ-na này là Đại Mục-kiền-la-dạ-na.

Lúc đó, nước Thâu-la-quyết-xoa có vị Bà-la-môn tên là Ca điếp, có 32 tướng tốt, thông minh trí tuệ, lâu thông bốn bộ kinh Vệ Đà và tất cả sách luận, vô cùng giàu có, hay làm bố thí. Vợ của ông ta vốn không có tư tưởng dục vọng, cho đến không ngủ chung phòng. Nhiều kiếp trước Ca điếp gieo căn lành, nên không thích đời sống tại gia hưởng thọ năm dục, ngày đêm suy nghĩ nhằm chán thế gian, siêng năng cần cầu pháp xuất gia. Ông ta tìm mãi mà vẫn không được, liền bỏ việc nhà vào chốn núi rừng, tâm nghĩ miệng nói: “Chư Phật Như Lai xuất gia tu đạo, ta nay cũng sẽ theo Phật xuất gia.” Ca điếp liền cởi bỏ áo trên bảo dệt bằng chỉ vàng, giá trị hơn trăm ngàn lượng vàng, tự cạo râu tóc, mặc áo hoại sắc. Khi ấy, các vị trời ở trên hư không thấy Ca điếp xuất gia liền nói rằng: “Thiện nam tử! Con vua Bạch Tịnh dòng tộc Cam giá, tên Tát-bà-tát-đạt xuất gia học đạo, thành tựu Nhất thiết chủng trí, người đời gọi là Phật Thích Ca Mâu Ni. Hiện nay, Ngài cùng 1250 vị A-la-hán ở tại tinh xá Trúc Lâm trong thành Vương Xá.”

Ca điếp nghe các vị trời nói rồi, tâm rất hoan hỷ, lông tóc dựng đứng, liền đi về hướng tinh xá Trúc Lâm. Bấy giờ, Thế Tôn biết Ca điếp đang đến, Ngài tư duy phán xét căn lành của ông để đến hóa độ. Nghĩ như thế rồi, liền đi ngược về hướng Từ-đâu-bà để gặp Ca điếp. Ca điếp thấy Đức Thế Tôn tướng hảo, oai nghi đặc biệt, liền chấp tay thưa rằng:

- Thế Tôn thật là bậc Nhất thiết chủng trí, là bậc đại Từ bi cứu giúp chúng sinh, là nơi nương tựa của tất cả trời người!

Nói rồi, Ca điếp liền gieo năm vóc sát đất đánh lễ chân Phật và bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ngài là thầy của con, con là đệ tử!

Ca điếp nói ba lần như thế.

Đức Phật đáp:

- Đúng thế Ca điếp! Ta là thầy của ông, ông là đệ tử của ta!

Phật lại nói tiếp:

- Ca điếp nên biết! Nếu người nào không phải là bậc Nhất thiết chủng trí mà nhận người làm đệ tử thì đâu vỡ thành bảy mảnh như pha lê.

Phật lại bảo:

- Vui thay Ca điếp! Ông nên biết thân năm âm là nơi nhóm họp tất cả các khổ.

Khi Ca điếp nghe Phật dạy như thế, liền thấy lý đạo, cho đến chứng quả A-la-hán.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng Ca điếp trở về tinh xá Trúc Lâm. Do Ca điếp có oai đức lớn, thông minh trí huệ nên gọi là Đại Ca điếp.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo chúng Tỳ kheo rằng:

- Phật Phổ Quang Như Lai xuất hiện ở đời, tiên nhân Thiện Huệ đâu phải người nào lạ, đó chính là Thân Ta: 500 ngoại đạo gặp trên đường, cùng họ bàn luận và tùy hỷ nay chính là anh em Ưu-lâu-tần-loa Ca-điếp và 1000 Tỳ kheo quyến thuộc. Người nữ bán hoa lúc đó nay chính là Gia-du-đà-la. Khi tiên nhân Thiện Huệ dùng tóc trải trên đất, bên cạnh có hai người quét đất trước Phật và 200 người tùy hỷ giúp đỡ, nay ở trong hội này chính là Xá-lợi-phất, Mục-kiền-la-dạ-na và 200 đệ tử Tỳ kheo. Các vị trời trên hư không thấy tiên nhân Thiện Huệ dùng tóc trải trên đất tùy hỷ mà khen ngợi đó chính là tám vạn thiên tử, vua Tần-tỳ-sa-la cùng với tám vạn na do tha quyến thuộc và 96 vạn na do tha vị trời khác khi ta chuyển pháp luân ở Vườn Nai.

Các ông nên biết! Nhân gieo trồng đời quá khứ trải qua vô lượng kiếp, hoàn toàn không mất. Ngày xưa, ta siêng năng tu tập tất cả thiện nghiệp và phát đại nguyện, vì tâm không thoái chuyển nên hôm nay thành tựu Nhất thiết chủng trí. Các người phải siêng năng tu tập đạo hạnh, không được biếng nhác.

Các Tỳ kheo nghe Đức Phật nói như thế, sinh lòng hoan hỷ, cung kính đánh lễ rồi lui ra.

MÁY LỜI TÂM HUYẾT

Thuyết pháp giảng kinh, viết sách giáo lý nhà Phật hoặc in kinh sách đem phát cho mọi người xem, để họ sớm giác ngộ, được như thế hạnh phúc không gì bằng, đó gọi là pháp thí.

Nếu không đủ điều kiện làm những việc ấy, chúng ta thỉnh một số kinh sách chịu khó đem đến từng nhà cho mượn đọc, sau đó lần lượt cho nhà khác mượn, hoặc đọc cho kẻ khác nghe, nhất là cho người không biết chữ. Việc làm này quý giá vô biên, đây cũng gọi là pháp thí.

Chính đức Phật đã dạy: “Trong các sự bố thí, pháp thí có công đức lớn nhất, không công đức nào có thể sánh bằng.”

Tưởng về lợi cũng như về danh, chúng ta đừng nên lo nghĩ, mà điều tối cần là làm sao cho rạng rỡ chánh đạo. Đó là mục đích chính, thiêng liêng và cao cả nhất của chúng ta. Nên móng đạo pháp cần nhờ sự chung lưng góp sức của chúng ta. Vậy mỗi người nên xây đắp vào đó một ít vôi, một ít nước, một tảng đá hay một viên gạch v.v... ngõ hầu cái nền móng ấy được thêm bền vững và kiên cố đời đời.

Chúng ta không nên quan niệm về công đức, hãy nên nghĩ nhiều đến những người lầm đường lạc lối, sống trong vòng tội lỗi không lối thoát xung quanh chúng ta. Hãy mau cứu vớt họ, cảnh tỉnh

họ để cùng quay về chân lý, giúp họ tìm ra lẽ sống, niềm vui. Được thế, chính ta đã làm lợi ích cho Phật pháp vậy.

Với hoài bão cuộc đời, chúng ta hãy “Tất Cả Vì Phật Pháp”. Hy vọng mấy lời tâm huyết này được nhiều vị hảo tâm in kinh sách cho mọi người xem!

Được vậy, niềm phúc lạc vô bờ chắc chắn sẽ đến với chúng ta! Tha thiết mong mỗi như thế!

Tặng cho thân nhân một số tiền nhỏ, lòng mình không vui, nhưng mình không đủ sức tặng nhiều hơn nữa. Chỉ có một cách là tặng các loại sách tu hành để xây dựng cho đời sống thanh cao, thì dù một quyển sách giá chỉ vài ngàn, nhưng vẫn quý hơn tiền trăm bạc triệu.

Quý vị nào muốn phát tâm ấn tống kinh sách, xin liên hệ: CHÙA HOÀNG PHÁP, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: 7130002-7133827.

Đánh máy: Nhuận Giai ~ Proofread: Giác Viên

Trang nhà Quảng Đức:
www.quangduc.com

Cập nhật : 10-10-2010

